

TOÀN ÁNH

GÁI ĐẸP XỨ BẮC



NHÀ XUẤT BẢN XUYÊN THỦ

PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA ☎ (714) 828-9222

Gái Đẹp Xứ Bắc

TOAN ÁNH

GÁI ĐẸP XỨ BẮC

1994

XUÂN THU

GÁI ĐẸP XỨ BẮC của **TOAN ÁNH**
XUÂN THU tái bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ
tháng bảy một chín chín bốn
Nhà xuất bản giữ bản quyền ©

Xử dụng bộ chữ Times trên hệ thống Ventura và VNI
In tại nhà in riêng của nhà xuất bản.

Copyright © 1994. All Rights Reserved.
Printed in United States of America

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU
PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA
Tel: (714) 828-9222 & **FAX: (714) 828-0200**

Lời tác giả

*M*ỗi nước có những thuần phong mỹ tục riêng. Người ngoại quốc muốn nghiên cứu sự sinh hoạt tiến triển xã hội của một nước nào thường căn cứ vào những phong tục tập quán của dân nước ấy, vì phong tục tập quán là cái phản ánh của tinh thần dân tộc mỗi nước.

Nước Việt Nam ta, từ khi lập quốc trải bốn nghìn năm có lẽ, vẫn có phong tục lễ nghi riêng của dân tộc ta. Những phong tục lễ nghi Việt Nam đã tạo nên cho con người Việt, có những đặc tính riêng, những đặc tính đáng quý nó khiến cho người Việt có thể tự hào với thế giới.

Ngày nay theo lẽ tự nhiên của luận biến chuyển, sự sinh hoạt xã hội của người Việt Nam cũng đổi thay, những đặc tính riêng của người Việt Nam cũng bị pha loãng và có khi mất hẳn. Đó là một điều đáng tiếc.

Đứng trước một sự thay đổi không thể tránh được, vốn là một người dân quê ở đồng bằng miền Bắc, tôi không thể đứng mà không tìm cách cố ghi lấy những điểm đẹp của con người Việt Nam đang dần dần biến thể để đi tới sự mất hẳn.

Nhiều phen tôi nhớ đến cảnh đồng quê đất Bắc và tiếc những hạt ngọc của phong tục nước nhà.

Những hạt ngọc đó nếu không biết giữ gìn rồi đây có lẽ chỉ còn là bóng vang của một thời.

Loạt bài nhỏ này không nói riêng đến phong tục nào, nhưng nhắc đến tất cả thuần phong mỹ tục qua những nhân vật không phải là ai xa lạ, chính là những người dân lành của đồng quê Bắc quê tôi.

Tôi tự biết rằng tôi không đạt hẳn được ý muốn vì không đủ tài năng, nhưng tôi cũng cố đem hết sức mình, làm được phần nào hay phần nấy. Tôi cố trình bày những bông hoa thơm xứ Bắc với các bạn đọc, mong có chỗ nào thiếu sót hoặc sai lầm, các bạn phủ chính cho.

Toan Ánh

CÔ GÁI THỊ CẦU

Thị Cầu ở vùng trung du miền Bắc, có núi, có sông, có cánh đồng man mác, lại sát ngay đô thị Bắc Ninh. Trong làng có chợ, mỗi tháng họp sáu phiên chính, vào các ngày ba ngày tám, còn các ngày khác dân làng vẫn họp để trao đổi hàng hóa hoặc buôn bán lẫn với nhau.

Hai ngọn Thiềm Sơn và Chu Sơn đi song song gần tới Nguyệt Đức, tạo nên một thung lũng và chính nơi thung lũng này là trung tâm của xã Thị Cầu.

Con gái Thị Cầu sống giữa cảnh núi cao, sông rộng, bên cánh đồng thơm ngát mùi lúa, lẫn vào sự ồn ào của chợ búa thị thành, đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của hoàn cảnh địa dư. Núi cao làm tâm hồn cô cao đẹp,

sông rộng khiến thân hình cô thanh thoát, còn đồng lúa chín thơm cũng như cảnh sinh hoạt ồn ào của buổi chợ, ngoài việc giúp cô vừa thạo về đồng ruộng, vừa biết buôn bán tần tảo lại còn luôn nhắc cho cô cái bổn phận thiêng liêng của người phụ nữ phương Đông với câu tam tòng tứ đức và khi lấy chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.

Con gái Thị Cầu rất xinh đẹp. Mái tóc mây của cô vấn chặt với vành khăn đen lánh như trang điểm cho khuôn mặt trái xoan, có đôi mắt sáng trong dưới hai hàng lông mày óng mượt, có mũi dọc dừa, có đôi môi tươi thắm điểm nụ cười như thể hoa ngâu, để lộ đôi hàm răng đều như hạt lựu và đen nhức như hạt na già. Cô đi nhẹ nhàng uyển chuyển, cô nói êm ái dịu dàng. Chiếc áo tứ thân đổi vai, thắt vạt khiến bước cô trông thoăn thoắt gọn gàng, và dáng người càng thêm cân đối.

Cô xinh đẹp thật, chẳng có thể mà khi cô đi chợ qua làng Cổ Mễ, ở cách Thị Cầu một thôi đường, tất cả các chàng trai làng này đã ồm tương tư:

Thị Cầu có quả cau đầu

Ném sang Cổ Mễ ồm đau cả làng.

Quả cau đầu đây là một thiếu nữ tuổi trăng tròn lẻ. Với tuổi dậy thì, đôi má ửng hồng và đôi mắt cô long

lanh sáng, cô lại luôn tươi cười trong lúc mua bán, thử hỏi trái tim của chàng trai nào không rung động trước nhan sắc ấy! Nhất là các chàng trai ấy lại quanh năm chỉ thấy gái làng chân lấm tay bùn, vóc người cục mịch, vẻ mặt thô sơ, lời ăn tiếng nói thiếu bề thanh lịch, như những chàng trai làng Cổ Mễ. Vậy thì cô gái ngây thơ mới lớn của làng Thị Cầu đã khiến các chàng trai Cổ Mễ ngơ ngẩn vì tình, biếng ăn biếng ngủ, mong được ngày duyên lành chấp nối, sống bên người ngọc, như Tiêu Lang được vầy duyên cùng Lộng Ngọc ái nữ Tần Mục Công thời trước.

Con gái Thị Cầu xinh đẹp, khiến cho trai thiên hạ say mê nhan sắc của mình, nhưng cô rất vất vả. Thị Cầu là một vùng đất đồi, ruộng ít, người dân ngoài công việc làm đồng phải đi vợ con buôn bán kiếm thêm.

Con gái Thị Cầu phải tảo tần, buôn đồ bán chợ. Khi còn bé cô đi buôn để giúp đỡ cha mẹ và để gây lấy cái vốn nhỏ, phòng lúc lớn lên thành gia thất. Khi lấy chồng cô phải buôn bán để nuôi chồng. Cô buôn bán ở chợ nhà, cô buôn ở chợ thiên hạ, cô bán hàng ở trong làng, cô lại bán hàng ở trong các làng lân cận.

Khi ngắm phong thủy làng Thị Cầu, một thầy địa lý nói:

—Làng này đường cái xuyên tâm, đàn bà phải nuôi chồng.

Thật vậy trong làng có một con đường chính, sau đổi thành đường quan lộ đi suốt dọc thung lũng của hai ngọn núi Chu và núi Thiềm. Dân làng làm nhà ở hai bên, dốc lên sườn hai ngọn núi và đúng như lời thầy địa lý, phụ nữ làng Thị Cầu phải nuôi chồng:

Em là con gái Thị Cầu

Em đi bán chỉ ở đầu đình Kim.

Câu ca dao trên có vẻ như chơi chữ, nhưng đã tả đúng: Chợ Thị Cầu ở ngay đầu đình Kim, ngôi đình đồ sộ của làng này. Con gái Thị Cầu hay buôn bán hàng xén, tức là lối hàng tạp hóa của người buôn thúng bán bưng. Trong các hàng cô gái bán có kim chỉ, giấy bút lược gương.

Gánh hàng hóa tuy nhỏ bé chẳng có gì, nhưng cô phải kiếm làm sao, lấy công làm lãi, để có tiền giúp đỡ cha mẹ, lại có tiền để giành làm vốn. Cô phải chịu khó lắm, dậy sớm để đi chợ xa, về muộn để bán hết mấy món hàng ế, thức khuya để thu xếp hàng hóa hôm sau.

Rồi cô lấy chồng:

Lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng.

Chàng trai ở Thị Cầu thật sung sướng. Làng ít ruộng, công việc đồng áng chẳng bao nhiêu. Khi bé chàng được cha mẹ nuôi, lớn lên, lấy vợ lại vợ phải nuôi. Chàng chỉ cơm ngày hai bữa, lo đi hội hè, nuôi gà chọi, nuôi chim gáy, nuôi họa mi và thỉnh thoảng lại vui anh, vui em một bữa rượu hay cùng chúng bạn đi hát quan họ với gái thiên hạ trong ngày xuân. Lẽ tất nhiên mọi việc chi tiêu của chàng đều dựa vào lưng vợ. Người vợ không hề bao giờ than vãn vất vả, mặc dầu phải quai gồng bốn ba kiếm ăn cho gia đình, kiếm tiền cho chồng. Lại còn khi giỗ ngày tết, đều là những dịp cho nàng phải lo sao cho bằng người, cho họ nhà chồng trông vào. Nào đâu đã hết, còn tiền đóng tiền góp với dân làng, tiền sưu tiền thuế của chồng của con. Và bao nhiêu công kia việc nọ: khi mừng, khi vui, khi khao, khi vọng, nhất nhất nàng đều phải lo sao cho chồng đẹp mặt, lo sao cho khỏi thiếu lệ làng.

Cô gái Thị Cầu quanh năm tất tưởi, kể cả những phút yêu chồng:

*Xin chàng bỏ áo em ra,
Để em đi chợ kéo mà lỡ phiên...
Chợ lỡ phiên tổn công thiệt của.
Miệng tiếng cười người rõ sao đang.
Lấy chồng gánh vác giang sơn.*

Chợ phiên đã lỡ, giang sơn còn gì?

Tuy vậy có làm thì phải có chơi, có vất vả phải có thanh nhàn. Cô gái Thị Cầu cũng không ra khỏi công lộ đó, nhưng trước thanh nhàn người ta thường phải vất vả nhiều hơn.

Hàng năm gần dịp Tết đến cô gái Thị Cầu bận rộn nhất. Nàng phải đi hết những phiên chợ, buôn bán quanh năm chỉ trông vào mấy ngày gần Tết, hàng hóa được bán chạy, mới kiếm được nhiều lời. Nàng phải chịu khó để kiếm cái Tết cho chồng con và cho cả chính mình nữa. Giêng hai, ngày rộng tháng dài, trong làng mở hội thì cũng phải có quần này áo khác, và chồng con cũng phải tề chỉnh bằng người.

Các cô gái chưa chồng trong dịp này lại càng chịu khó hơn. Các cô cần dành cho mình một món tiền để sắm sửa ganh đua với chị với em. Phần thưởng một năm vất vả của các cô chỉ có thế, và chỉ như thế các cô cũng sung sướng lắm rồi!

Vậy thì các cô cố gắng hơn, cố gắng trong việc buôn bán, cố gắng trong việc giúp đỡ cha mẹ.

Sống quanh năm không bằng lo ba ngày Tết. Các cô phải lo cho cái Tết ra cái Tết, cho hơn thiên hạ.

Ngày xưa, làng Thị Cầu có nghề làm pháo. Các cô ban ngày đi chợ, tối về sau khi thu xếp hàng hóa bán

hôm sau xong, các cô lại phụ việc làm pháo của gia đình. Các cô quấn pháo, ghim pháo, tra ngòi, bó chục, xếp trăm. Nghề làm pháo chỉ là một tiểu công nghệ gia đình của dân làng. Pháo làm quanh năm, để dành đến Tết mới bán để lấy *tiền tranh pháo cho trẻ*. Tiếng như thế, nhưng sự sung túc của dân làng lúc cuối năm trông cậy rất nhiều ở số pháo bán.

Mỗi năm, để sửa soạn đón xuân sang, dân làng Thị Cầu dồn nhiều công việc và thì giờ vào làm pháo. Và cô gái làng, môi đã thắm càng thắm thêm, tay đã hồng càng hồng nữa vì luôn luôn phải động tới áo pháo giấy đỏ, nhưng lòng cô cũng từng bừng sung sướng hơn vì số tiền bán pháo của cha mẹ sẽ giúp cho bộ cánh mừng xuân của cô thêm đẹp.

Rồi Tết đến, ba ngày Tết cô cũng nghỉ ngơi như mọi người cô cũng mặc quần áo đẹp, đeo hoa tai, đeo sà tích bạc đi xuất hành lễ Tết, lên chùa, ra miếu. Nhưng nếu mọi người nghỉ hẳn thì cô gái Thị Cầu tuy nghỉ, vẫn phải lo cỗ bàn ngày Tết để cha anh hay chồng tiếp khách ngoài tỉnh hoặc khách làng bên tới chúc xuân. Lửa bếp ngày xuân khiến đôi má cô thêm ửng đỏ, mắt cô thêm sáng, cô thêm xinh đẹp duyên dáng giữa muôn hồng ngàn tía.

Và thắm thoát đến ngày mồng ba tháng giêng,

trong khi làng mở hội. Trò vui chính của ngày hội xưa kia là đốt pháo và chọi gà, nhưng từ năm Đinh Mão dựa vào cơ có thể xảy ra tai nạn được, chính quyền Pháp cấm dân làng này làm pháo để chuyển độc quyền cho nhà máy pháo ở Đáp Cầu, thì trong ngày hội mồng ba tháng giêng ngoài cuộc lễ thần ở đình Kim, chỉ còn chọi gà. Nhân ngày hội, trai lành gái tốt trong làng đều quần là áo lượt rủ nhau đi lễ và ngắm nghía lẫn nhau. Có những chàng trai tơ lòng rung động trước nhan sắc kiều diễm của các cô gái, có những cô gái tâm hồn xao xuyến vì những lời chân thật đầy yêu đương của các chàng trai. Nhưng gặp nhau chỉ để biết nhau chứ cô gái Thị Cầu không bao giờ bước chân qua lễ lễ giáo.

Ngọc còn ẩn gốc cây ngâu

Con còn phụ mẫu dám đâu tự mình.

Có những chàng trai gặp một cô gái làng xinh đẹp muốn tỏ tấm tình quyến luyến, trong ngày hội thường mời cô xơi trầu, nhưng luôn luôn cô từ chối:

Mẹ em hằng vẫn khuyên răn

Làm thân con gái chớ ăn trầu người.

Ngày mồng ba hội ở đình làng vừa xong, thì ngày mồng chín tháng giêng lại có hội ở chùa Cao, còn gọi là *chùa Trong* và ngày 20 tháng giêng có hội ở chùa

Điều còn gọi là *chùa Ngoài*.

Hai ngày hội chùa này có trai gái thiên hạ tới lễ Phật và hát quan họ với trai làng.

Cô gái Thị Cầu lẽ tất nhiên phải có mặt ở đám hội. Cô vào lễ Phật, nghe kể hạnh, rồi ra sân chùa xem nhún đu, nghe hát. Vẻ xinh đẹp thùy mị dịu dàng của các cô gái được các chàng trai xung quanh vùng để ý. Từ trước vẫn được nghe tiếng đám đang của cô gái Thị Cầu, nay lại được thấy khuôn mặt đáng yêu của nàng, có chàng trai đem dạ mến yêu, hỏi thăm tin tức, rồi mới lại tin đi. Đã có những cuộc nhân duyên tốt đẹp, nhưng cũng có nhiều khi lúc chàng trai nhờ mối lái xin bỏ miếng trâu; mua cốm mua hồng sang chơi thì ván đã đóng thuyền, người đẹp đã thành gia thất. Chàng trai buồn và oán trách duyên phận bẽ bàng:

*Hỏi thăm em chưa có chồng
Để anh mua cốm mua hồng sang chơi
Sang chơi em đã có chồng
Để cốm anh mốc, để hồng long lai
Tưởng rằng long một long hai
Ai ngờ long cả trăm hai quả hồng*

Vui chơi hết ngày hội, cô gái Thị Cầu lại lo việc buôn bán của mình, giúp đỡ cha mẹ, nuôi chồng nuôi con cho đến vụ gặt tháng năm tới, nàng mới chịu nghỉ

mấy buổi để trông nom thóc lúa rơm rạ.

Cơm gạo chiêm thơm và đậm, nắng đồng chiêm làm nàng rám má hồng, nhưng nàng sung sướng được trông thấy thóc nhà đầy cót, ba bốn đồng rơm rạ đánh ở sau vườn.

Xong vụ gặt nàng lại đi chợ, việc đồng ruộng chẳng có bao nhiêu, nàng để dành phần cho các anh các em.

Thấm thoát phiên chợ này qua, phiên chợ khác lại, mỗi tháng sáu phiên chợ làng còn nàng đi các chợ xa gần khác, chẳng mấy lúc đã thu sang.

Với tết trung thu, làng Thị Cầu kéo hội từ mồng bảy đến hết ngày mười sáu tháng tám. Lại một dịp để cô gái Thị Cầu lo và cùng lại một dịp để cô trở tài và khoe nhan sắc với trai làng và trai thiên hạ.

Cũng như nhiều làng khác ở vùng quê tỉnh Bắc, nhân dịp trung thu, trong làng thường lập các đám trống quân tại các xóm. Trai làng hát hay, gái làng hát giỏi các đám trống quân đã kéo được rất đông khách tới nghe giọng hát và thưởng thức các câu hay.

Suốt ngày chợ búa nhọc nhằn, tối đến, có trăng thanh gió mát, cô gái Thị Cầu thường cùng vài cô bạn lập trống quân để hát.

Trống quân em lập nên đây

Áo giải làm chiếu khăn quây làm mừng

*Mua vui dưới ánh trăng trong,
Có con cũng hát, có chồng cũng chơi
Con thì em mượn vú nuôi
Chồng thì em để hát nơi xóm nhà.*

Tiếng rằng câu hát nói vậy, nhưng thật ra, các cô gái đã có chồng không bao giờ còn thì giờ đi hát nữa. Các cô bận lo cho chồng cho con.

Lo cho chồng con bằng người trong dịp tháng tám không phải là không tốn. Có khi chồng con được làng cử vào chân đi rước, các cô phải sắm cho chồng con đủ khăn lược, áo the, quần lụa, giày lưng nhiều điều, giấy Gia Định để cho chồng con được xứng đáng với vinh dự làng cử rước thần. Bao nhiêu tiền dành dụm từ đầu năm, có khi chỉ một dịp này cô phải tiêu cho hết.

Lo quần áo đủ cho chồng, cho con đã xong đâu, các cô còn phải lo tới mâm cỗ thi của chồng con đêm hôm giã đám vào ngày mười sáu tháng tám.

Để khuyến khích phụ nữ trong việc nội trợ, làng này hàng năm có cuộc thi cỗ của bọn trai làng được cử vào chân đi rước.

Trong làng có bốn giáp: giáp Đông, giáp Bắc, giáp Giữa và giáp Già. Thanh niên trong bốn giáp này đều ganh đua nhau trong cuộc thi cỗ.

Cuộc chấm cỗ hàng năm của dân làng rất kỹ lưỡng.

Những mâm cỗ dự thi phải tinh khiết sạch sẽ. Có nhiều món ăn ngon chưa đủ, còn cần phải biết chế hóa ra nhiều món lạ, và món ăn tuy lạ, nhưng phải nấu bằng thổ sản trong vùng. Hội đồng cũng chú ý đến cách bày cỗ. Mâm cỗ phải gọn gàng, và các món ăn phải trình bày lịch sự.

Đây là một dịp để các cô gái làng trở tài nữ công. Các cô có chồng tuy không thích ganh đua, nhưng cũng phải lo sao cho chồng có được mâm cỗ xứng đáng đến nỗi thua chị kém em. Còn các cô chưa chồng, nấu cỗ cho anh hoặc em, các cô quyết đem hết tài năng để cho cho mâm cỗ được hội đồng chú ý. Làng nước phải biết đến các cô, và những chàng trai kén vợ phải lưu tâm tới tài nội trợ của các cô. Đã có nhiều cô chỉ vì mâm cỗ của anh hoặc em được hội đồng làng ngợi khen mà sau ngày hội có tin đi mối lại về chuyện trăm năm.

Cô gái Thị Cầu lo về tháng tám, các cô cũng mừng mỗi khi tháng tám đến. Các cô bỏ vài buổi chợ để xem rước, hay cho đúng là để ngắm các trai làng trong các bộ áo quần đẹp đẽ và các cậu trai làng đi trong đám rước cũng rộn ràng sung sướng vì biết có các thiếu nữ đang ngắm nhìn và mắt các cậu thường hướng về phía các cô đứng mặc dầu chân các cậu vẫn bước theo đà đám rước.

Nhưng ngày vui thường ngắn. Chẳng mấy lúc hội hè đã qua cô gái Thị Cầu lại lo công việc của mình, đi chợ với gánh nặng trên vai để giúp đỡ cha mẹ, để nuôi chồng con hoặc để dành gầy cái vốn nhỏ đợi lúc thành gia thất ở riêng.

Cô gái Thị Cầu rất cần cù chăm chỉ. Bé ở nhà giúp đỡ cha mẹ, lớn lên lấy chồng nuôi chồng, và lúc có con gầy dựng cho con.

Đàn ông Thị Cầu, những người làm nên đôi chút danh vọng thường lấy vợ thiên hạ.

Các cô cũng biết vậy, nhưng các cô vẫn tự an ủi:

“Làng ta đường cai xuyên tâm, số đàn bà phải nuôi chồng!” ■

SƠN NỮ VÙNG TAM ĐẢO

Dãy núi Tam Đảo phân chia danh giới hai tỉnh Vĩnh Yên và Thái Nguyên, chạy dài trên địa hạt mấy huyện Tam Dương, Bình Xuyên và Đại Từ của hai tỉnh. Có ba ngọn núi chính đột ngột cao vọt lên khỏi những mỏm núi khác và chính ba ngọn núi này đã mang tên cho cả dãy núi Tam Đảo, và ở giữa ba ngọn núi này là một nơi nghỉ mát lập nên từ hồi người Pháp.

Du khách ai đã qua nơi nghỉ mát này chưa?

Nơi đây có rừng xanh, có núi đỏ, có gió mát, có trăng ngàn, và giữa ngay cây rừng cỏ núi, đã có một thành phố xinh xắn với những biệt thự tráng lệ nguy nga, với những con đường râm mát.

Ở đây có hồ *Thanh Thủy* (Lac Vert) nước xanh trong

vất, trông suốt tới đáy hồ; *thác Bạc* (Cascade d' Argent) nước đổ trắng ngần, bọt nước bắn tóe như hoa huệ, có tiểu lộ *Kim Thuyền* (Alleé des Cigales) ve kêu ra rả suốt ngày tựa khúc trường thiên lưu thủy; có *đường Chu vi* (Chemin Ceinture) bọc quanh thành phố, có *ngả Cửu Tuyền* (Val d'Enfer) ghê rợn chẳng kém lối về địa ngục.

Bên những dây leo hoang dại, bên những cánh rừng rậm bát ngát bao la, du khách lại được ngắm cả những vườn hoa nhân tạo với hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng.

Và du khách muốn đi chơi rừng chơi núi, du khách có thể lên *núi Rừng Rình*, lên *chùa Thạch Bàn* cao trên 1.400 thước, hoặc xuống *Thạch Kiếm* hay sang *chùa Tây Thiên* ở *Thái Nguyên*. Trong những con đường rừng nhỏ bé, chỉ đi lọt hai người, du khách sẽ được nghe chim hót, xem bướm bay, và thỉnh thoảng bắt gặp mấy con rùa nó chạy vội vàng vào khe suối. Nhân tiện xin nói qua về ngọn núi *Rừng Rình*. Núi này cao ngất tâng mây. Khi đứng trên đỉnh núi, ta sẽ thấy đất ở dưới chân chuyển động rùng rình, cơ hồ như muốn lún xuống. Tương truyền rằng ở đây có một hang sâu thăm thẳm không biết ăn tới đâu, nay miệng hang đã bị dây leo chằng chịt và rêu phủ lấp đi. Khi ta đứng trên đó, sức

nặng của ta làm chuyển động đám dây leo rêu phủ, và do đó tên gọi núi Rừng Rình.

Giữa khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ ấy, ngoài những người thành tri rủ nhau tới nghỉ mát, du khách thường bắt gặp những nàng sơn nữ, khăn áo chàm, đang thủng thẳng một mình leo núi, hoặc cùng bạn bè mang lâm sản hái được trong rừng về.

Những sơn nữ này người ở làng Quan Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Dị Nậu, Hạ Nậu huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Yên, hoặc ở các làng xa khác ở quanh chân dãy núi. Người đường xuôi quen gọi họ là người Mán.

Những làng này ở ven rừng, có khi ở ngay giữa ba bốn khu rừng, người dân sinh sống trông chờ vào rừng. Họ đốt than, làm rẫy, nhưng ngoài những công việc thường xuyên đó, người đường rừng thường có nhiều hoạt động hàng ngày khác. Đàn ông thường chú tâm vào việc săn bắn lấy thịt ăn, hoặc đánh bẫy thú dữ để lấy da và xương bán cho người Kinh tới mua sau khi đã lọc lấy thịt dùng ngay hoặc phơi khô để dành.

Còn đàn bà, họ nhiều công việc lắm.

Ở nhà họ chăn nuôi gia súc vật, đủ gà lợn, trâu bò. Họ nuôi để bán, họ nuôi để dùng và để phòng khi có công kia việc nọ như cưới xin, ma chay, giỗ chạp. Nuôi

súc vật, họ dành con nào việc nào, họ định ngay từ lúc bắt đầu nuôi. Nhà họ có mẹ già ư? Họ nghĩ đến lúc bà cụ từ trần, họ nuôi sẵn một con bò và một con lợn, thì con bò và con lợn này không bao giờ họ bán, dù có người muốn mua với giá nào. Nếu mẹ già của họ, trời để sống lâu con bò hoặc con lợn nuôi mãi già rồi chết thì họ nuôi thay con khác, chứ nhất định không đem dùng những con vật đó vào một trường hợp nào. Cũng như khi họ có con trai lớn sắp lấy vợ, họ cần có con trâu để mổ thịt vào ngày cưới, họ sẽ nuôi sẵn một con trâu, và con trâu đó họ chỉ dùng để làm cỗ cưới con. Những súc vật nào, họ không dành trước vào việc gì, họ mới đem bán hoặc đổi lấy thực phẩm hoặc đồ dùng khác khi cần.

Ngoài việc chăn nuôi súc vật, chính người sơn nữ đã mang bán những con vật nhỏ như gà vịt, chim ngan. Đàn ông chỉ đi chợ khi nào cần bán những giống vật lớn như trâu bò.

Sự chăn nuôi gà vịt, trâu bò ở vùng rừng núi này không tốn bao nhiêu thì giờ. Gà vịt họ cứ thả ở dưới sàn nhà, hàng ngày vớt cho ít ngô, ít thóc, còn chính chúng phải tự kiếm lấy cái ăn. Rồi những con vật đó lớn lúc nào, để lúc nào, ấp lúc nào họ cũng không để ý. Khi nào cần bán hay giết thịt bấy giờ họ mới nhận

thấy gà vịt của họ đã lớn hoặc đã sinh sôi nảy nở ra nhiều.

Ngay cả đến nuôi lợn và trâu bò cũng vậy. Núi rừng không thiếu gì cỏ, đàn vật họ thả rong, chiều chiều họ mới xua chúng về chuồng. Có mất mát vài con cũng không sao, rồi lợn nái sẽ sinh đàn lợn khác. Chỉ trừ khi mất con trâu con bò họ mới lưu tâm tìm kiếm.

Họ sống giản dị quen với thiên nhiên. Những con vật họ nuôi, họ cũng coi như những lâm sản ở trong rừng. Thực vậy, dù ở trong nhà hay ở trong rừng những con vật ấy cũng như những lâm sản ấy đều do trời đất sinh ra cả. Trời đất cho ta cái gì, ta được hưởng vật ấy. Ta chẳng cần mất công đi lấy về, hoặc nuôi cho chúng lớn là ta có quyền dùng. Ta mất công, ta phải có quyền hưởng, và cũng đừng bao giờ tranh công của người khác.

Nguyên tắc thật là đơn sơ nhưng cũng không phải là không hợp lý. Người ở rừng núi bao giờ cũng tôn trọng nguyên tắc này, nên không bao giờ xảy ra những tranh dành, trộm cắp. Ai trồng cây người đó hưởng quả, và nếu cây mọc tự nhiên ở trong rừng ai mất công vào tìm người đó được lấy quả.

Cũng theo nguyên tắc trên, các cô sơn nữ vùng Tam Đảo, hàng ngày thường vào rừng để kiếm tìm lâm sản.

Có khi các cô dắt nhau vài bốn người cùng đi, có khi các cô đi một mình. Rừng rậm huyền bí với các người vùng xuôi, nhưng đối với các cô, rừng rậm không xa lạ gì. Những lối mòn, những cây đại thụ, tiếng hót của loài chim, tiếng kêu của giống thú, các cô quen lắm rồi. Các cô biết rõ đi tới đâu sẽ có suối chảy róc rách, đi tới đâu sẽ lấy được củ nâu, sẽ hái được lá kim giao, sẽ cắt được động trùng hạ thảo, sẽ dẫn được ống giang, sẽ lấy được mộc nhĩ... Hàng năm, tuần tự theo thời tiết của từng mùa, các cô vào rừng kiếm từng thứ mang về dùng ngay, phơi khô đem bán hoặc đem đổi tại các phiên chợ.

Đi rừng thường thường bao giờ các cô cũng ăn vận như đi chợ. Chiếc khăn chàm chít trên đầu như che lấy khuôn mặt trắng trẻo bầu bĩnh hiền lành. Mắt sáng, môi tươi, thỉnh thoảng giữa câu chuyện với nhau các cô nở một nụ cười duyên dáng. Đôi lỗ tai đeo đôi khuyên bạc hoặc đôi khi bắt chước người Kinh các cô đeo đôi trâm bằng hổ phách đỏ sẫm lẫn màu nâu. Các cô mặc chiếc áo cánh màu chàm bó chặt lấy người, và trước ngực là một chiếc yếm sặc sỡ tự tay các cô may và thêu mặc phủ đề lên chiếc áo chàm. Một chiếc kiềng bạc lớn đeo ở cổ đề lên chiếc yếm, làm cho màu sặc sỡ càng thêm nổi. Hai tay các cô cũng đeo vòng

bạc hoặc vòng hồ phách lẫn lên cổ tay tròn trĩnh. Các cô vận chiếc váy chàm có thắt lưng xanh tươi hoặc đỏ thắm. Chân các cô thường đi đất, nhưng cũng nhiều khi các cô đi giày gai hoặc giày vải do các cô khâu lấy.

Các cô đeo trên lưng chiếc sọt lớn để đựng các lâm sản hái được. Để tự bảo vệ cũng như để phạt những cây, những khúc đường quá rậm rạp, bao giờ các cô cũng mang theo một con dao quai lớn.

Dù đi một mình hay đi có bạn, bao giờ cô sơn nữ cũng đi thẳng thỉnh, lưng khom khom, bước đi theo đà dốc núi.

Trong lúc đi rừng như vậy các giác quan của cô rất tỉnh táo. Một mùi hương thoang thoảng, một tiếng động khác thường, một rung động của nhánh cây ngọn cỏ, cô đều để ý tới. Mùi hương thơm có thể báo hiệu một tổ ong mật, một cây có quả chín; một tiếng động có thể do thú dữ gây nên; một rung động của ngọn cỏ nhánh cây có thể là kết quả của sự chuyển vận của một con rắn độc, hoặc một con thú rừng cô khả dĩ bắt được. Với những sự nhận xét, cô có một phản ứng rất nhanh, hoặc cô kiếm tìm tổ ong đánh dấu để ngày hôm sau mang hương đốt và dụng cụ để lấy, và để tránh khỏi bị ong đốt; hoặc tìm cây để hái quả; hoặc cô cầm sẵn dao quai, đứng ẩn mình vào một gốc cây để đề phòng

thú dữ, rắn độc. Cô rất bình tĩnh trước mọi sự việc xảy ra.

Cô vào sâu trong rừng, Cô đi vào sớm cho đến qua trưa mới ra. Cô hái nấm hương, hái mộc nhĩ, hái chè rừng, ngoài các lâm sản có theo thời tiết của từng mùa. Lúa ra về bao giờ chiếc sọt của cô cũng đầy lâm sản, có khi kèm thêm vài ổ trứng kiến, vài ổ chim rừng mà cô bắt gặp.

Gặp những hôm ẩm trời, rừng nhiều vắt, đề phòng sẵn, cô thường mang theo một chất thuốc bằng lá cây. Những con vắt đang đốt người, bị một giọt thuốc nhỏ là nhả miệng ra lặn xuống đất.

Những lúc đi rừng từng bọn, các cô thường xuyên trò chuyện cùng nhau về công việc trong làng, nhất là về các chàng trai đã để ý các cô. Chàng nào săn bắn giỏi, chàng nào thổi sáo hay, chàng nào làm rẫy khỏe. Cũng có lúc, trước tiếng chim ca, trước cảnh hoa rừng đua nở, các cô nhớ đến người yêu, các cô cùng nhau cất tiếng ca vài câu hát. Rồi các cô lại lặng lẽ đi tìm lâm sản.

Người đường rừng, các cô sống với rừng nhiều. Rừng đã có với các cô rất nhiều kỷ niệm, có khi kỷ niệm yêu đương nữa, vì đã hơn một lần, những nàng sơn nữ đã gặp gỡ người yêu trong giữa lúc đi đường.

Chàng trai rừng núi hoặc cũng đang đi kiếm lâm sản như cô, hoặc đang đi săn muông thú thì bắt gặp cô ở giữa rừng. Đôi bên chào nhau, rồi chàng giúp nàng xách bó núc nác quá nặng nề, nàng đang sách ở tay vì sót trên vai đã quá đầy, hoặc gỡ hộ nàng nhánh gai vướng vào quần áo. Nàng cảm động về sự tử tế của chàng, đôi bên nói những lời dụi ngọt, rồi hẹn hò cùng nhau, và đến phiên chợ cưới cuối năm đôi bên công nhiên gặp nhau như chính thức hóa mọi yêu đương giữa hai người.

Hoặc có khi nàng hỏi thăm đường chàng, chàng đưa nàng ra khỏi rừng, tặng vài con muông thú săn bắt được, rồi nàng cảm động, chàng ngây ngất nhìn nàng: yêu đương bắt đầu từ đấy. Một lần gặp gỡ, hai ba lần gặp gỡ và nhiều lần gặp gỡ sau nữa để sau cùng hẹn nhau tới phiên chợ cưới cuối năm như trăm nghìn cặp trai, gái khác. Mỗi trường hợp mỗi khác, nhưng yêu đương muôn thuở vẫn là yêu đương. Đôi mắt cùng liếc, đôi lòng cùng ưa, những nụ cười đáp lại những nụ cười, và theo những nụ cười là những lời êm ái. Đôi trái tim cùng rung động, chàng và nàng tưởng như trời sinh ra đôi người cốt để gặp nhau, để thương yêu nhau, để cùng nhau hẹn hò sau đó sẽ gặp nhau như cây liền cành như chim liền cánh cho tới khi đầu bạc răng long.

Gặp những hôm trời mưa, không đi rừng thì ở nhà nàng dệt vải. Nàng dệt những tấm vải sặc sỡ để làm yếm, làm khăn. Nàng cũng cần trang điểm cho mình, nhất là khi nàng đã bén yêu đương với chàng. Cần phải cho nàng thấy cái nhan sắc kiều diễm của mình trong những bộ quần áo đẹp, để cho nàng thấy vẻ lộng lẫy của mình giữa mây ngàn gió núi, giữa hoa lá cỏ cây. Nàng cần trang điểm hơn nữa, khi đi phiên chợ cưới cuối năm.

Đây là một phiên chợ đặc biệt của đồng bào người Mán suốt mấy tỉnh Vĩnh Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang và Thái Nguyên. Chợ họp ngày 25 tháng chạp âm lịch tại xã Tam Lộng, huyện Bình Xuyên tỉnh Vĩnh Yên, trên một khu đất rộng, thường ngày vẫn là nơi họp chợ của mấy xã quanh vùng. Chợ ở ngay lối vào làng Tam Lộng, giữa cánh đồng bên một con sông đào nhỏ.

Ngày phiên chợ cưới, các nam thanh nữ tú đồng bào Mán từ mấy tỉnh trên kéo tới đông đảo vui vẻ lắm. Có cả các ông bà lão đi theo, trước để chứng kiến những lời giao ước của các lứa tuổi niên thiếu, sau là để nhớ lại cái thời tuổi trẻ của mình đã tươi như hoa, đẹp như tranh vẽ.

Người già, người trẻ, ai nấy đều áo quần lịch sự chỉnh tề. Họ mặc bộ quần áo đẹp nhất. Họ đội chiếc

khăn mới nhất, nọ đi đôi hài sảo gọn nhất. Các sơn nữ khoác chiếc yếm sặc sỡ nhất, và có bao nhiêu đồ trang sức lộng lẫy, ngày hôm nay các cô phải đeo cho hết, vòng cổ, hoa tai, vòng tay và cả vòng chân nữa.

Họ túm tụm đứng với nhau trên nền chợ, xen lẫn vào các người bán hàng hay họ túm tụm đứng với nhau ven bờ ruộng. Đây một cặp trai gái đang nỉ non tình tự, kia một chàng trai đang khấn khoản biếu sơn nữ một món quà kỷ niệm.

Mặc cho gió cuối năm căm căm rét, họ vẫn đứng ngay giữa trời. Hôm nay họ cùng nhau ôn lại những buổi gặp gỡ từ trước, hôm nay có ông già bà cả chứng kiến lời giao ước đính ninh của họ. Lòng họ rộn ràng lửa yêu đương; họ sợ chỉ giá lạnh ngoài trời. Bầu trời cuối đông đã bớt ảm đạm, trên cây những lộc non đã đâm chồi.

Gặp nhau đây, họ nhắc lại những lời êm dịu, sửa soạn cùng nhau đón một mùa xuân tươi bưng. Họ mua tặng nhau những kỷ niệm ở ngay phiên chợ.

Phiên chợ họp từ mười giờ sáng cho đến năm giờ chiều thì tan theo những người bán hàng về chợ.

Sau lời giao ước, họ giắt nhau đi ăn uống tại các quán chợ, trước khi cùng nhau từ giã.

Một năm một lần, trai làng gái tốt dất nhau tới phiên

chợ cưới để định đoạt cuộc hôn nhân của đời mình.

Ở chợ ra về, gái cũng như trai, lòng sung sướng, mặt hớn hở, vừa đi vừa vui vẻ chuyện trò. Cặp trai gái này thành vợ thành chồng rồi sang năm sẽ có những cặp trai gái khác dắt nhau đi chợ cưới Tam Lộng.

Chợ cưới xong thì xuân đến, một mùa xuân êm ấm, cho những lứa đôi vừa tròn nghĩa hẹn hò!

Các sơn nữ vùng Tam Đảo, quanh năm sống cùng rừng núi không bao giờ quên phiên chợ cưới cuối năm. Các cô đi chợ để gặp gỡ những chàng trai, các cô đi chợ để trọn lời thề ước, các cô đi chợ để tạo lấy hạnh phúc của mình, và các cô đi chợ để chia vui cùng người khác.

Rồi xuân sang, các cô lại trở lại cuộc sống hàng ngày với núi cao rừng thẳm, nhưng những khi nhàn rỗi, các cô vẫn thường cùng người yêu ôn lại kỷ niệm ngày phiên chợ. ■

CÔ LÁI ĐÒ SUỐI

Đã có ai đi trả hội chùa Hương Tích chưa? Chùa này là một thắng cảnh của miền Bắc thuộc phận làng Yển Vĩ, phủ Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông.

Đã đi chùa Hương Tích phải đi qua đò Suối, và phải biết các cô lái đò nhí nhảnh xinh tươi, thắt lưng con cón, nụ cười như hoa, với những chiếc thuyền nhỏ nhẹ nhàng lướt nước, đèo ngọn cỏ, đưa khách trả hội suốt từ địa đầu bến Đức, qua chùa Trình tới chùa Thiên Trù tục gọi là chùa Ngoài.

Đi chùa Hương thường do hai lối đường bộ hoặc đường thủy, nhưng đi đường nào thì khi tới bến Đức, hoặc bến Hà Đuan khách trả hội cũng phải đi đò Suối. Đường bộ qua Hà Đông đến phủ Vân Đình, tới làng

Hòa Xá, rồi sang sông cập bến Hà Đoan. Từ bến Hà Đoan khách thấy hội sẽ đi bộ chừng năm trăm thước, và đây là đò Suối.

Đi đường thủy, khách đi đò dọc trên sông Đáy từ Phủ Lý, tỉnh lý, tỉnh Hà Nam. Thuyền đi chập tối hôm trước, và tang tang sáng hôm sau tới bến Đức, sế bến Hà Đoan, khách cũng lại đi bộ năm trăm thước khi tới đò Suối.

Bến Đức là địa đầu cảnh Hương Sơn. Phong cảnh trông thật là bao la hùng vĩ.

Trong những ngày mở hội từ trung tuần tháng giêng cho đến hết trung tuần tháng hai, thì giữa khung cảnh bao la hùng vĩ này, chen vào một vẻ tấp nập nhộn nhịp khác thường.

Dưới sông, thuyền đậu san sát tại bến. Những cột buồm chi chít, khiến ở đằng xa, trông như một rừng tre khô. Những con đò ngang đi đi lại lại, từ bên này sang bên kia sông, và những con đò dọc từ mạn Phủ Lý tới lừ lừ cập bến. Du khách đứng nhấp nhô trên mũi thuyền, mạn thuyền. Mái chèo khua nước bắn tóe, sóng sông nhẹ vỗ vào mạn thuyền đều đều, khiến những con thuyền rập rềnh như chen chúc nhau. Du khách gọi nhau chỉ chỗ cùng nhau cảnh núi non cao rộng, cảnh sông nước bao la, trông như tranh vẽ.

Trên bến Đục người đi lễ đông nghịt, ai nấy đều tay xách nách mang, lúng túng những vàng hương cùng đồ tế lễ. Họ kéo nhau tới đền Suối, hoặc họ vừa ở đền Suối đi ra. Những lớp người tiếp những lớp người, những lớp người gặp những lớp người. Không ai quen biết ai, nhưng gặp nhau họ đều vui vẻ chào nhau. Những tiếng nam mô vang lên, những tiếng nam mô đều hướng vào đức Phật Bà Quan Âm, cầu xin ở đức Phật mọi sự từ bi hỉ xả, mong đức Phật ra tay cứu vớt họ, để bao nhiêu lỗi lầm của họ về trước đều được xóa bỏ từ nay.

Đi bộ một lúc lâu là đến đền Suối.

Đứng ở bên đền, khách nhìn bao quát hết phong cảnh vùng chùa Hương. Non nước bao la, xa gần nét đậm nét nhạt, những dãy núi trùng điệp nối tiếp nhau. Bầu không khí trong vắt. Lòng du khách thấy nhẹ lâng lâng. Những tiếng nam mô của chư khách chào nhau vang lên trời cao, vang lên mặt nước, lẫn vào ngàn mây. Bụi trần lúc này cơ hồ như gột sạch.

Ở đây khách sẽ xuống đền đi vào chùa Ngoài.

Những cô lái đền lanh lẹn trên chiếc thuyền nan, với nét mặt tươi cười, với giọng quyến rũ mời khách đi đền.

Trời đầu năm còn lạnh lạnh. Các cô chít chiếc khăn mỏ quạ, để lộ đôi má ửng hồng. Với khuôn mặt thanh

tú với dáng điệu mau mắn, các cô giúp đỡ khách đi chùa. Có những cô thuyền vừa cặp bến, chở khách từ chùa ra, có những cô đã cắm thuyền từ trước đợi khách vào chùa. Cô nào cô nấy đều vui vẻ đón chào chư thiện nam tín nữ thập phương.

Có lẽ ở đây là cảnh Phật, nên lòng người ai cũng thấy nhẹ lâng lâng, không bợn chút bụi trần, người ta đang sống ở một thế giới khác mà tấm lòng vị tha đã thắng sự ích kỷ vị ngã, lấy sự niềm nở giúp đỡ nhau làm trọng yếu!

Có lẽ ở đây thiên nhiên mơ màng như không như có, như xa như gần, người ta chịu ảnh hưởng của núi trời mây nước, trở nên phóng khoáng rộng rãi, quý người hơn quý mình.

Có thật chẳng? Các cô lái đò chùa Hương, tuy chở đò lấy tiền, nhưng vẫn nghĩ tới sự giúp đỡ khách đi đò, đã chịu ảnh hưởng nhiều của hoàn cảnh và của vị trí địa dư!

Hoàn cảnh, vì các thiện nam tín nữ khi đi trải hội một nơi, thắp tích thờ đức Phật Bà Quan Âm ai nấy đều có dạ từ bi bác ái, cố noi gương đức Phật. Ở đây miệng người ta chỉ niệm “*nam mô*” chỉ đọc kinh và tay người ta chỉ lần tràng hạt, ở đây người ta chỉ nói tới đạo Phật, chỉ kể cho nhau nghe sự tích hy sinh cao cả của

đức Phật!

Còn vị trí địa dư! Một khung cảnh bao la hùng vĩ, cái gì cũng to tát rộng rãi tất nhiên phải ảnh hưởng tới con người! Trước cảnh đẹp con người nghĩ cũng cởi mở đẹp dễ hơn. Bao nhiêu những điều ti tiện nhỏ nhen có ở cuộc đời ở những nơi chen chúc, thì ở đây đều bị thay thế bởi những cái gì khoáng đạt cao cả.

Các cô gái đồ Suối quanh năm sống giữa núi cao, bên rừng rậm với sông nước trời mây, hằng ngày được nghe truyện bác ái từ bi của đức Phật, trách nào các cô chẳng vui vẻ giúp khách thập phương trong dịp hội nhất là sự giúp đỡ đó gây cho cô biết thiện cảm của khách đi chùa.

Khi thuyền vừa cập bến, các cô dừng chèo, mang lên bờ giúp khách nào mớ, nào lão mai, nào rau sắng. Lại còn những đẫy lộc Phật mà khách trả hội không ít thì nhiều ai cũng phải có mang về để lấy phước. Miệng các cô hôn hở tươi như hoa, lời các cô nhẹ nhàng, điệu bộ các cô nhanh nhẹn. Khách đi thuyền ai cũng phải ngợi khen.

Chào khách ra về, các cô Niệm Nam mô A Di Đà Phật, và các cô nói theo:

-- Xin Phật độ trì cho cụ để sang năm cụ lại đi trả hộ, chúng con sẽ đón cụ ở đây.

Khách cũng đáp lại:

— A Di Đà Phật! Tôi cũng cầu xin Phật phù hộ cho cô luôn luôn khỏe mạnh, chở được nhiều khách tới lễ Phật.

Đấy là những khách rời thuyền, còn những khách xuống thuyền nữa. Các cô đơn đả chào mời. Dù khách xuống thuyền cô hay xuống thuyền khác của một cô khác, các cô cũng vẫn vui vẻ giúp đỡ khách. Các cô lên bờ mang xuống thuyền giúp khách đồ lễ, vàng hương, và có khi khách mang theo cả chần màn để phòng lúc ngủ lại chùa. Khách được các cô giúp đỡ đều vui mừng, cảm ơn lòng từ bi của đức Phật đã cho khách được may mắn, nhưng các cô cũng hài lòng.

Một người khác xuống thuyền, hai ba người khách xuống thuyền! Chiếc thuyền bé nhỏ của mỗi cô chỉ chở nhiều lắm là năm sáu người khách. Khách đã đủ, thuyền các cô rời bến.

Cô lái đứng ở đầu thuyền, quay mặt về phía khách. Theo đà tay cô bơi, mái chèo đập xuống nước, làm bắn những bọt trắng lên mạn thuyền. Người cô cúi xuống hay đứng lên tùy theo mái chèo đưa về đằng sau hay đằng trước. Đò lướt nhẹ nhàng trên giòng suối nhỏ, nước trong vắt. Du khách có thể nhìn thấy đám cỏ mọc ở dưới nước, hoặc những cây dong bắp bèn theo gợn

sóng.

Giòng suối quanh co chảy qua cánh đồng chiêm, hai bên bờ suối có những ruộng mạ con gái xanh mơn mớn như tơ nõn như chạy suốt từ chân trời hoặc tới chân một ngọn núi xa xa. Đi khỏi cánh đồng chiêm, suối lọt vào những vách đá xanh rì. Ở thuyền nhìn lên, du khách thấy những ngọn núi đủ các hình cao có, thấp có, xa có gần có, ngọn đậm ngọn nhạt, ngọn chênh vênh, ngọn hiền từ.

Cô lái đò vừa bơi thuyền, vừa nói chuyện với khách chỉ dẫn cho khách biết đâu là núi Gà, núi Tượng, núi Trống, núi Chiêng, đâu là động Tuyết Quỳnh, đâu là chùa Trình. Cô lại giảng cho khách nghe tại sao có suối Giải Oan, có chùa cửa Vông, tại sao lại gọi là hang Phật Tích, tại sao có chùa Tiên, đường lên Trời thế nào, lối xuống địa ngục ra sao?

Khách trả lời vừa nghe cô nói vừa nhìn theo phong cảnh cô chỉ. Đồng thời khách cũng luôn miệng niệm nam mô mỗi khi gặp chiếc thuyền ở trong chùa đi ra, hoặc mỗi khi vượt một chiếc thuyền khác.

Cô lái đò dẽo tay chèo, vui câu chuyện và cũng nhẹ miệng niệm “*nam mô A Di Đà Phật*” theo với du khách. Thuyền lướt sóng dề ngọn cỏ, đi nhẹ nhẹ, bên các thuyền khác. Tiếng niệm Phật “*nam mô*” vang động

khắp giòng suối. Mỗi khi thấy một ngọn núi cô lái đò thường chỉ cho du khách:

— Kia là núi Mâm Xôi, đây núi Mẹ bồng con!

Cảnh đi đò Suối là cảnh nên thơ nhất trong cuộc đi trả hội chùa Hương. Khách ngồi đò, với lòng tin tưởng vô biên của đức Phật, hướng cả tâm hồn về cõi Phật.

Những con đò bập bênh đè mặt nước, chiếc nọ trước chiếc kia. Khách đi thuyền miệng không ngớt niệm “*nam mô.*” Họ niệm Phật để chào nhau, họ niệm Phật để cầu cho đò mau tới bến, họ niệm Phật để cầu phúc cho mình và cho các bạn đồng hành. Những con đò vào gặp những con đò đi ra, tiếng niệm Phật lại vang vang dội hơn. Các nam thanh nữ tú, các cụ già, các thiếu phụ, mặc dầu không hề quen biết vồn vã nhau trong tiếng chào, cầu chúc cho nhau những điều may mắn. Những nụ cười đón những nụ cười, những nét mặt hân hoan đáp lại những nét mặt hân hoan. Tỉnh cũng như quê ở đây người ta không phân biệt ai sang ai hèn. Đạo giáo đâu có giai cấp, và đức Phật đâu có cửa riêng ai. Những chàng thanh niên thành thị, ăn vận rất lịch tới nơi đây hằng tươi tỉnh chào các cụ già nhà quê, chào các thiếu nữ đồng ruộng, và những cô áo quần sắc sỡ xanh đỏ tím hồng ở đây vẫn là bạn của những cô quần sồi áo vải. Ai gặp ai cũng đều mừng rỡ, và những tiếng

“*nam mô*” hồn nhiên như muốn tả hết nghĩa bác ái của đức Phật. Tiếng “*nam mô*” của khách trả hội thuyền lướt sóng thắm thoát đã tới chùa Trình.

Khách có người vào lễ chùa Trình, có người đi thẳng bao giờ gần tới chùa Trình, cô lái đò cũng loan báo cho khách biết.

— Thưa các ông bà, đây là chùa Trình, có ông bà nào muốn vào lễ để cháu ghé thuyền.

Rồi cô giải nghĩa tại sao gọi là chùa Trình. Khách trả hội vào chùa này như trình diện trước khi tới cảnh Phật, và khách ra về cũng vào lễ chùa này như để từ giã cảnh Hương Sơn.

Rời khỏi chùa Trình, chiếc thuyền nhỏ lần này đi thẳng tới chùa Ngoài, tức là chùa Thiên Trù. Trước bến lên chùa, đó Suối như vùng rộng ra.

Chùa Thiên Trù xây trên một sườn đồi giữa cảnh núi rừng. Từ bến đò suối có bậc đi lên chùa, chùa rất khang trang rộng rãi, sân gạch bao la, chung quanh có cây xanh lá biếc, trùng trùng điệp điệp.

Thật là một nơi tịch mịch nếu không phải là ngày hội. Suối chảy róc rách, tiếng chim gõ mõ trong ngàn cây, khiến cho ta quên hết mùi trần tục. Lại thêm cá lững lơ dưới suối nghe kinh. Chuông chùa từng hồi vang lên như muốn đưa tâm hồn ta tới cõi hư vô.

Trong những ngày hội cảnh tịch mịch trên đã bị xáo động bởi các thiện nam tín nữ. Người ra kẻ vào tấp nập. Mùi hương trầm sức nức. Tro vàng lá bay theo khói tản trên không. Tiếng mõ, tiếng chuông hòa lẫn tiếng niệm Phật của khách trẩy hội.

Người ở trong chùa người ở sân chùa, người ở bến đò, nào vàng hương, nào đồ lễ, nào chai nước suối Giải oan, nào khúc lão mai, nào bó rau sắng, nào bì mớ.

Ở bến đò, các cô lái đò cũng vui vẻ giúp đỡ khách lên bờ hoặc xuống thuyền. Đối với khách lên chùa, các cô vui vẻ mách đường cho khách rõ lối đi chùa Tiên, lối vào chùa cửa võng và chùa Hang.

Từ chùa ngoài đi vào, đường đi khắp khảnh, nhưng phong cảnh rất hữu tình, và khách lễ chùa luôn miệng niệm “*nam mô*.” Lòng người hướng cả vào đức Phật. Người ta dẻo chân đi quên mỏi. Hai bên đường thảnh thỏ lại hiện ra một rừng mơ, khách có thể tới hái để giải khát. Đi một quãng đến chỗ rẽ lên chùa Tiên, ở trong một hang chống, có hai lối ra vào khác nhau. Bên ngoài, những nhũ đá chảy xuống thành từng nếp trông rất đẹp. Xa hơn quãng rẽ một chút là chùa Giải Oan, ở đây có một cái giếng nhỏ, nước trong và mát. Khách lễ chùa tin rằng nước này uống vào người sẽ nhẹ nhàng thanh thoát và tiêu giải được mọi nỗi oan

khiên. Cũng vì thế phần đông khách thấy hội đều lấy theo về một chai nước giếng quý báu này.

Ở chùa Giải Oan ra đi về chỗ rẽ, theo lối cũ sẽ tới chùa Cửa Vồng, trước khi tới chùa Trong hay chùa Hang tức là động Hương Tích.

Chùa Cửa Vồng mang tên theo lối kiến trúc còn chùa Hang theo lời truyền lại chính là nơi xưa kia đức Phật Quan Âm đã thành Phật và cũng vì vậy dân làng mới thờ đức Phật tại động này.

Bước vào chùa Hang, du khách thấy ngay ngoài cửa động năm chữ đại tự rất lớn “*Nam Thiên Đề Nhất Động*” tương truyền là chữ của vua Lê Thánh Tông với những nét bút rất sắc sảo.

Trong động có tượng đức Phật Bà Quan Âm và chư vị La Hán. Những nhũ đá rủ xuống óng ánh muôn màu rất kỳ diệu. Ở gần giữa động, nhiều tảng đá nổi lên, trông như hình các em bé. Khách thấy hội hiếm con thường xoa đầu các em bé ấy, rủ về với mình. Nhiều tảng đá đã nhấn thín những bàn tay các tín nữ cầu con.

Động có nhiều hoang ngách. Ánh sáng lọt vào thưa thớt khiến những hình tượng cũng như những nhũ đá càng thêm ảo huyền.

Ngày hội, khói trầm hương nghi ngút tỏa. Người ta vào như mắc cửi. Các cô lái đò chỉ dẫn cho du khách

rất rõ ràng. Khách chỉ việc theo lời cô sẽ đi được khắp mọi chùa và hiểu khắp mọi tích.

Khách lên bờ, vào chùa lễ Phật cô lái đồ lại đón khách đi ra. Vẫn những dịp chèo đều đặn, vẫn những vách đá chên vênh, rồi đến cánh đồng chiêm. Khách đi ra cũng như khách đi vào luôn luôn niệm Phật và ngắm nhìn không biết chán cảnh non nước rồi trời mây với đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.

Một năm có một tháng hội chùa, cô lái đồ đón khách lại đưa khách. Cô vừa giúp đỡ được khách trẩy hội lại vừa kiếm cái vốn nhỏ để tiêu thêm về gia đình. Cô có thể may thêm được mấy bộ quần áo mới, cô có thể sắm được đôi khuyên vàng trước là để trang điểm cho mình sau là để dành đợi lúc ra ở riêng.

Rồi hội chùa Hương hàng năm phải hết, không còn khách trẩy hội để cô chở theo giòng Suối nữa, nhưng giòng Suối vẫn là giòng Suối cô vẫn có thể chở dân chúng từ Yên Vĩ ra Hà Đuan, hoặc từ Hà Đuan vào Yên Vĩ và dân chúng các làng dọc theo hai bờ Suối.

Sau ngày hội, nhiều cô lái đồ lại quay về nghề nông để chờ đợi kỳ hội năm sau. Các cô lo làm cỏ ruộng chiêm đợi chờ vụ gặt tháng năm.

Một số ít cô tiếp tục chở đồ trên giòng Suối, nhưng chở đồ quanh năm đâu có vui như ngày hội. Nhiều khi

vắng khách, cô nhớ những buổi tấp nập của giếng hai, cô mong thời gian đi mau để ngày hội chóng tới.

Có đôi lúc các cô ngó lại phận mình. Thấy người ta chồng chồng vợ vợ, các cô cũng mong một ngày lành duyên cùng một chàng trai xứng đáng. Đã nhiều khi trong những lúc chèo thuyền vắng khách, các cô hát gheo mấy chàng trai đang thăm đồng, hoặc đang đánh cá. Hát rằng:

*Người ta chồng trước vợ sau
Anh kia không vợ như cau không trầu
Cau không buồn ra tuồng cau đực,
Trai không vợ cực lắm anh ơi.*

Nghe lời ca, chàng trai ngửng đầu lên nhìn cô lái đò, xinh đẹp với vẻ nhí nhảnh đáng yêu. Chàng trai ngập ngừng một lát, rồi hát lại:

*Bóng quế giãi thêm
Tiếng chuông đưa bát ngát càng thêm bận lòng
Dao vàng bỏ đẩy kim nhung
Biết rằng người thực nữ có lòng với chúng tôi
chăng?
Thấp thoáng bóng trăng!*

Nhưng câu hát thoáng qua như vậy đã nhiều phen có những kết quả đáng ghi. Những cặp trai lành gái tốt

đã thành đôi, và thuyền của cô lái đò Suối trên giòng đời coi như đã tới bến.

Đây là những cô lái đò, còn khách trẩy hội chùa?

Đã một lần đi chùa Hương, đổ ai quên được đò Suối. Để nhớ mãi nên thơ ấy trong những lúc trà dư tửu hậu, khách đã hằng ngâm bài thơ “*Hương Tích tuyến đò*” của cụ Phan Mạnh Danh:

*Phong diêm lãng tĩnh quýnh vô trần
Lương ngạn sơn đầu thảo mộc xuân
Khê hạ nhất hoằng nguyên thủy lục
Chu hành nghi thị Vũ lăng tân.*

Bản dịch của Phạm Huy Toại:

*Sóng êm chẳng chút bụi trần bay,
Hai mạn xanh rì núi cỏ cây
Giòng suối dưới khe tuôn nước biếc,
Thuyền đi ngỡ đến Vũ lăng đây*

Đã ngâm thơ về đò Suối, khách phải ngâm thơ về toàn cảnh chùa Hương. Cụ Chu Mạnh Trinh đã dành cho khách bài thơ tuyệt bút sau đây:

*Bầu trời cảnh bụi,
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay,
Kia non non nước nước mây mây
“Đệ nhất động” hỏi rằng đây có phải?*

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lờ khe yến cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chầy kình,
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.
Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Võng
Này hang Phật Tích, này động Tuyết Quỳnh
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình
Đá Ngũ sắc long lanh như gấm dệt.
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây.
Chừng Giang Sơn còn đợi ai đây,
Hay Tạo Hóa khép ra tay xếp đặt,
Lần tràng hạt niệm'' Nam vô Phật''
Cửa từ bi công đức biết bao.
Càng trông phong cảnh càng yêu.

Nhớ lại chùa Hương và đền Suối khách ngâm thơ,
khách ngâm thơ để lại nhớ đền Suối với chùa Hương,
để năm sau khách lại đi trải hội, để lại đi Suối của các
cô lái đò nhí nhảnh nhẹ nhàng tới chùa Hương. ■

NGƯỜI NỘI TRỢ VÙNG LẬP THẠCH

Để tả sự chịu khó siêng năng của người nội trợ mấy xã Quan Tử, Phú Thị vùng Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Yên, cụ đốc học Trần Lê Nhân, tác giả bộ Cổ Học Tinh Hoa đã có câu ca dao:

Nửa đêm ân ái cùng chồng

Nửa đêm về sáng gánh gồng ra đi.

Đúng thật, người nội trợ vùng Lập Thạch rất cần cù đảm đang, chịu mọi sự hy sinh, ngay cả niềm ân ái để tần tảo buôn bán nuôi chồng, lập cơ sở cho gia đình và gây dựng cho con cái.

Huyện Lập Thạch ở ven sông Lô, mấy làng Phú Thị, Quan Tử, ở giáp ngay bờ sông, cạnh huyện Bạch Hạc, nơi sông Tiểu Đáy chảy vào sông Lô. Sông Lô

chảy tới Bạch Hạc thì nhập vào sông Hồng Hà, và chính nơi đây tại hữu ngạn sông Lô, đối diện với vùng Lập Thạch, thị trấn Việt Trì đã được thiết lập và tạo nên cảnh sầm uất trên bến dưới thuyền. Cảnh sầm uất này đã giúp cho việc buôn bán các vùng lân cận được phát đạt, và các bà nội trợ vùng Lập Thạch quanh năm buôn đồ, bán chợ, đi sớm về hôm cũng nhờ vậy kiếm ăn được dễ dàng hơn mặc dầu phải vất vả.

Nước sông Tiểu Đáy lặng lẽ chảy vào giòng Lô Giang và nước Lô Giang cũng lặng lẽ chảy vào sông Hồng Hà. Quanh năm ngày tháng các bà nội trợ vùng Lập Thạch cần cù nhẩn nại, lo buôn lo bán không hề phàn nàn, siêng năng như nước chảy theo giòng. Các bà lặn độn sớm khuya, nhưng lòng các bà hân hoan sung sướng bởi lẽ các bà đã làm tròn nhiệm vụ với chồng con, đúng như câu ca dao các bà vẫn hát ru em khi còn con gái:

Bên này con sông,

Bên nọ con sông,

Nước sông bên nọ theo giòng bên kia.

Quản chi lặn độn sớm khuya,

Thân em dầu dãi nắng mưa vì chồng.

Hai con sông trong câu ca dao không hiểu là sông Hồng Hà và sông Lô hay sông Lô và sông Tiểu Đáy?

Nhưng điều đó không can hệ gì, điều đáng kể là các bà nội trợ vùng này phục tùng chồng, như sông bên nọ theo giòng bên kia và quanh năm các bà chịu nhọc nhằn dầu sương dãi gió vì chồng.

Ai đã có dịp qua mấy làng Quan Tử, Phú Thị chưa? Nơi đây là một nơi quê mùa, nhưng trong làng nhà ngói san sát, nhà nào nhà nấy đều tường gạch, sân gạch và đến cả cổng ngõ cũng xây lát tinh tươm. Sự trù phú của dân làng đều do tay các bà nội trợ gây dựng nên.

Làng ở ven sông, các bà buôn bán cá, muối cá, làm mắm đem bán đất ở các chợ. Lại có bà buôn hàng ở bến sông đem bán các xã thuộc mấy hạt Bạch Lặc, Vĩnh Tường, Yên Lặc và Lập Thạch. Lười lãi bao nhiêu, các bà lo trang trí cho cửa nhà, lo sắm sửa cho chồng và lo gầy dựng cho con. Các bà chỉ nghĩ đến chồng đến con, còn chính các bà, các bà thường tự quên mình, quên mình để chiều chồng, quên mình hy sinh cho con thơ, quên mình lo cho gia đình đầy đủ.

Hàng ngày, gà gáy canh hai các bà đã trở dậy, sửa soạn gánh hàng để lo đi chợ, dù trời bức hay trời rét, trời nắng hay trời mưa, dù đôi mi mắt còn nặng trĩu giấc ngủ. Các bà khe khẽ nâng chân bước ra khỏi giường, rón rén đi nhẹ nhẹ để khỏi động tới giấc ngủ của chồng, con. Các bà đánh thức người làm, dặn bảo

công việc nhà, nhất là về cơm nước bữa sáng, khi các bà vắng mặt, rồi các bà gồng gánh ra đi giữa đêm khuya giá lạnh, giữa lúc mọi người còn đang thiêm thiếp giấc nồng. Các bà đi khỏi, người làm lại đóng cửa đi ngủ. Các bà đi chợ Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ, các bà ra bến Việt Trì, các bà đi chợ Bạch Hạc, chợ Liên Sơn, chợ Thổ Tạng, phủ Vĩnh Tường, chợ Me huyện Tam Dương và có khi cả chợ tỉnh Vĩnh Yên, cách đấy gần hai chục cây số. Dù đi chợ nào các bà cũng cần đi sớm, có đi sớm mới cất được hàng, có đi sớm mới tranh được chỗ ngồi, có đi sớm mới bán xong hàng sớm để còn về cho kịp bữa cơm chiều.

Đến bến hoặc đến chợ trong khi chờ đợi cất hàng, hoặc trong khi bán hàng hay lúc đã cất hàng xong, các bà mới lo tới bữa ăn của mình. Có bà mở gói cơm nắm mang từ nhà ra ăn, có bà ăn quềnh quàng mấy món quà chợ như bánh đúc, bún rêu cho xong bữa. Các bà chỉ cốt buôn bán, việc ăn uống chỉ là việc phụ.

Ăn uống xong, cũng như tất cả mọi người dân quê Việt Nam, các bà ăn miến trâu. Ăn trâu còn khiến cho môi thêm thắm, cho má thêm hồng, cho miệng thêm tươi tắn để chào khách hàng bán hàng. Ăn trâu các bà đã chọn mua những quả cau thật ngon, nhưng quả cau này, các bà chỉ cất chũm để mình ăn, còn cau

ngon để dành phần chồng:

Bán hàng ăn những chũm cau

Chồng con có biết cơ màu này chẳng?

Cau các bà mua là cau bồ bẫy, nhưng muốn cho chồng say sưa với miếng trầu, cau đó các bà thường chỉ bồ làm ba, chẳng như ai đậm bạc đem bồ ra làm tám làm mười:

Yêu nhau cau bảy bồ ba

Ghét nhau cau bảy bồ ra làm mười.

Buổi tan chợ, hoặc hàng đã bán hết hay cất xong các bà quang gánh ra về, lại vội vàng trên đường về cũng như vội vàng lúc ra đi. Quãng đường thường dài trên chục cây số, tuy xa, nhưng đối với các bà, đó chỉ là những đoạn đường đi bộ hàng ngày hai buổi. Đường càng xa bước chân càng dẻo dai, ta vung càng vất vẻo, và quãng gánh trên vai càng kịu kịt theo một nhịp điệu mau hơn.

Tới nhà đặt quang gánh xuống là các bà lo tới bữa ăn cơm chiều của chồng. Thường thường khi các bà về tới nhà thì mặt trời đã chênh chếch non Đoài. Lúc con, thấy mẹ về xúm xít hỏi quà. Bà mẹ bế những đứa nhỏ, nựng nó vài câu, có khi cho nó bú bầu sữa đầy đang tưng tức, vì từ sáng bà mới vắt sữa có vài lần ở chợ.

Đưa trẻ bú mẹ, nhovn miệng cười, bí ba bí bô mấy tiếng, reo vui, rồi bà mẹ lại đưa nó cho chị nó hoặc người làm bế. Bà chia quà cho các con lớn, và chọn những trái chín thơm, những chiếc bánh ngon lành cất đi để phần chồng.

Bữa cơm chiều trong gia đình bao giờ cũng thịnh soạn và mùa nào thức ấy, người nội trợ vùng Lập Thạch không tiếc tiền mua để chồng con xơi. Tháng sáu có nhãn lồng Hưng Yên, tháng tám có hồng Đào, tháng chín có quýt Thái Nguyên, tháng mười có cam Bố Hạ v.v... Gặp những hôm đi chợ Sơn Đình hoặc đi chợ Liễn Sơn, có thịt nai, thế nào các bà cũng dành mua một miếng thật ngon về xào cho chồng nhắm rượu.

Mặc dầu đã mệt nhọc về buổi chợ, vì quãng đường xa đi bộ, người nội trợ vùng Lập Thạch vẫn tự tay làm lấy bữa cơm chiều để cho cơm được dẻo, canh được ngọt, để có thức nhắm ngon cho chồng nhắm rượu, có thức ăn ngon cho con ăn cơm.

Ngon lửa hồng sưởi ấm lòng nàng, bốc theo mùi thơm ngào ngạt của đồ xào nấu. Vừa đun bếp nàng vừa nghĩ tới sự hân hoan của chồng, sự sung sướng của con khi thưởng thức món ăn tự tay nàng làm ra. Cảnh lạc thú gia đình là phần thưởng đích đáng của mọi vất vả

nàng phải chịu.

Và khi người chồng nhấm nháp chén rượu với món xào hợp ý, một lời khen ngợi đủ khiến cho mọi sự mệt nhọc của nàng tiêu tan.

— Món sào này bu mảy làm khéo quá!

— Bát canh bu mảy nấu ngon quá!

Nàng chẳng mong gì hơn là chồng biết đến sự tận tâm của mình. Sự sung sướng về tinh thần đã cho nàng thêm can đảm chịu đựng sự nhọc nhằn.

Cơm nước xong, buổi tối, khi đi ngủ, lại chính tay nàng sắp sóc giường màn cho chồng. Nàng cho đấy là một công việc thiêng liêng, người đàn bà nào không sắp sóc tới giấc ngủ của chồng, là người đàn bà không làm trọn thiên chức của mình.

Ăn với chồng một bữa, ngủ với chồng nửa đêm!

Câu tục ngữ này thật đúng với người vợ nội trợ vùng Lập Thạch. Ăn một bữa với chồng, nhưng là một bữa cơm vui vẻ, ngủ với chồng nửa đêm, nhưng là nửa đêm đầm ấm nồng nàn.

Ai chẳng tiếc thời gian, ai chẳng muốn cơm ngày hai bữa với chồng, ai chẳng muốn trọn đêm gối cùng chồng? Người nội trợ vùng Lập Thạch đã hy sinh một phần niềm ái ái và những phút giây quý báu hàng ngày của mình chỉ vì muốn chồng con được hơn người. Về

phương diện này nàng có một tinh thần ganh đua rất đáng quý.

Thấy nhà hàng xóm xây cổng, lát sân, nàng cũng cố tần tảo chợ búa dành dụm để có tiền xây cái cổng đẹp hơn, lát cái sân rộng hơn; thấy ông hàng xóm mặc chiếc áo đoạn Thái Tây. Ông hàng xóm mặc chiếc áo da Mông tự về vụ rét, nàng cũng cố may cho chồng chiếc áo đoạn Thái Tây. Ông hàng xóm sang chơi khoe bộ đồ trà Giang Tây, thì khi ông hàng xóm về, nàng đã nghĩ ngay tới bộ đồ trà quý giá hơn. Nói tóm lại, nàng muốn chồng nàng bằng người, hơn người. *Thua trời một vạn không bằng thua bạn một ly!* Đời nào, nàng cũng đi chợ, cũng buôn Tần bán Sơ lại chịu thua bà hàng xóm.

Rồi ngày giỗ, ngày Tết! Nàng cũng muốn làng nước trông vào! Nhà người ta có mâm cao cỗ đầy, có sơn hào hai vị, thì nhà nàng cũng phải có. Ngày giỗ người ta mời cả xóm, cả thôn, thì nàng phải mời cả làng xã! Nàng không chịu kém ai, nàng thường đoán trước được ý muốn của chồng trong mọi sự ganh đua cùng làng nước.

Lại những khi chồng lên quan viên hoặc được cử vào ban tư văn, hoặc khoa ngũ, lục tuần, bao giờ nàng cũng lo đủ lễ làng, không hề ngại ngần tốn kém.

Tiếng đảm đang cần cù của nàng vang khắp huyện, khắp tỉnh, ai ai cũng ngợi khen và lấy nàng ra làm gương cho đàn bà con gái!

Nàng vất vả quanh năm, nhưng tự lo vào thân mình rất ít. Hết ngày này sang tháng khác nàng nhằn nại buôn bán, chiều chồng nuôi con. Ít khi nàng nghỉ một buổi chợ, ngay cả những khi thai nghén.

Khi thai nghén, muốn an thai nàng không nay thuốc này mai thuốc khác, cho tốn kém. Nàng chỉ cần ăn mấy chiếc bánh ngói mua tại chợ huyện, chợ tỉnh. Bánh ngói là một thứ bánh làm bằng một thứ đất lấy ở một xã vùng Lập Thạch, nặn giống hòn ngói rồi đem nung như nung gốm. Người ở vùng này cho rằng bánh ngói đó có tính chất an thai.

Người nội trợ Lập Thạch chịu đựng khổ sở, kính chồng thương con được tiếng tăm, nên các cô gái vùng này rất đất chồng. Các cô chưa tới tuổi cặp kê đã có rất nhiều đám rắp danh bắn sỏ, trai làng cũng có, trai thiên hạ cũng có.

Các bà mẹ có con tới tuần trăng tròn là lo sắm sửa cho con để mong kén được trang giai tể xứng đáng. Đồng thời các bà dạy dỗ con công ăn việc làm, học buôn học bán để sau này lo tròn đạo thờ chồng nuôi con.

Các cô gái khi đến tuổi lành duyên đều bắt đầu học tập lo công việc gia đình theo sự chỉ dẫn của mẹ, của chị. Đồng thời các cô cũng lo cho má thêm hồng, cho môi thêm thắm, cho nụ cười thêm duyên dáng, dáng đi thêm uyển chuyển, cử chỉ thêm dịu dàng, vẻ người thêm cân đối.

Rồi những ngày hội ở đền thờ Đại Tướng Quân Trần Nguyễn Hãn, vị danh thần khai quốc nhà hậu Lê, tại xã Quan Tử, vào trung tuần tháng tám hoặc ở đền thờ Thổ Lệnh Đại Vương xã Bạch Hạc với cuộc thi thuyền trên sông Lô, vào ngày hai mươi tháng giêng hàng năm, các cô quần áo xếp nếp vấn đầu nhung, dép chéo quai, tai đeo khuyên vàng, tay đeo nhẫn mặt ngọc, thắt lưng lụa lủng lẳng bộ sà tích, dắt nhau đi xem hội để trai thiên hạ trông vào.

Thấy nhan sắc kiều diễm của các cô, nhiều chàng trai tơ lòng rung động. Các chàng nhờ mối lái để mong được vầy duyên cầm sắt cùng người đẹp.

Cá bống còn ở trong hang

Cái rau tập tàng còn ở ruộng dâu

Ta về ta sắm canh câu

Câu lấy cá bống nấu canh rau tập tàng

Có chàng trai đã sắm cần câu đúng nhịp, được hài duyên với giai nhân, cùng giai nhân bách niên giai lão,

nhưng cũng có chàng trai vị chậm lữ bước, giai nhân đã nhận trầu nơi khác, hoặc đã ôm cầm vui khúc phi nguyên chàng Tiêu. Chàng đành than tiếc mà buồn:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra cánh biếc
Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay.*

Đôi khi lời than thở của chàng trai cũng động lòng người đẹp, nhưng biết làm sao được, vì ván đã đóng thuyền! Tại sao chàng trai đã chậm trễ, tại sao chàng trai không xin bỏ miếng trầu từ khi nàng còn là con gái:

*Vẽ vì một miếng trầu cay,
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra!*

Chàng trai đành thất vọng. Chẳng lẽ chàng trai lại xui người con gái lỗi đạo hay sao:

*Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng mở cửa mà ra!*

Không, không bao giờ có chuyện như thế được. Còn

gia đình, còn lễ giáo. Người con gái vùng Lập Thạch một khi đã lấy chồng là phải lo bốn phận nội trợ của mình.

*Nửa đêm ân ái cùng chồng,
Nửa đêm về sáng, gánh gồng ra đi.* ■

VEN BÃI BỂ ĐỒNG CHÂU

Đồng Châu là một xã nhỏ thuộc huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình, ở ngay ven bờ bể, gần cửa sông Trà Lý. Dân làng sống về nghề chài lưới. Đất đai này phần nhiều ở ngoài con đê ngự hàm hàng huyện, thường bị ngấm nước muối, không tiện cho việc canh nông.

Làng Đồng Châu là một bãi bể rộng, chạy từ cửa sông Trà Lý đi tới, suốt đầu làng đến cuối làng và kéo dài tới nhiều xã lân cận. Bãi bể này sàn sàn ăn lan thẳng ra biển nên trước đây người Pháp đã lập một nơi nghỉ mát tại đó.

Để chống gió bể, cũng như để giữ cho đất khỏi bị sóng bể đánh trôi đi, dân chúng trồng ven làng về mé biển hàng dãy phi lao. Nhưng cây phi lao xanh rờn, lá

rủ thông như lá liễu, gặp gió biển thổi qua, rền rĩ như khúc nhạc sầu, phản ánh cuộc đời vất vả của dân quanh bãi bể. Dân chúng Đồng Châu, cũng như các xã lân cận, ven bãi bể, ngoài con đê ngự hàm vất vả thật. Họ chật vật cuộc sống hàng ngày. Không có ruộng nương, sinh kế của họ chỉ trông nhờ vào biển.

Nước biển nơi đây ở ven bờ đỏ ngầu, lẫn phù sa do sông Trà Lý đưa tới. Mãi xa xa màu biển mới biến sang màu xanh xẫm. Biển đục thường nhiều cá, nhưng chỉ có ngoài khơi còn ven bờ nếu có chỉ là những đàn cá nhỏ, tôm, cua, sam sứa....

Sống trông nhờ vào biển, người dân vùng này phải có đủ dụng cụ đi biển. Họ phải có thuyền, có lưới, có vợt, có buồm. Những vật dụng cần thiết này, dù nghèo túng đến đâu họ cũng phải sắm cho kỳ đủ, nhiều khi phải vay nợ trả dần: Đó là nguồn sống của gia đình, được lưu trữ cha truyền con nối.

Hàng ngày từ sáng sớm tinh sương, dân làng đã rủ nhau ra khơi. Cảnh bờ biển thật ồn ào nhộn nhịp.

Trước ánh mặt trời vừa vươn khỏi mặt nước, tỏa ra những tia tía, nhuộm thắm bầu không khí sớm hôm, rắng đỏ xuống mặt biển, sóng nhẹ nhấp nhô, hàng nghìn con thuyền rải rác từ chân trời tới bờ biển. Trên những con thuyền, bóng người ẩn hiện quăng lưới, kéo

lưới, hoặc khua bơi chèo đuổi cá. Những cột buồm, sừng sững trên một chiếc thuyền, theo với bơi chèo đi ngược đi xuôi, trở ra trở lại. Những làn sóng bật vào mạn thuyền làm bắn tung nước trắng xóa; Lưng trời đàn cò bẻ là lượn lên trên đám thuyền. Thỉnh thoảng một vài con đột nhào mình xuống nước, và khi bay lộn trở lên, bao giờ trong mỏ cũng cặp một con cá bạc xinh xinh.

Mặt trời dần lên cao thì đám thuyền rải rác ngoài khơi cũng dần kéo nhau vào bờ, gần cửa sông Trà Lý. Thuyền nào thuyền ấy đầy ắp cá, những con cá trắng như bạc quẫy nhảy làm lan vẩy óng ánh dưới ánh bình minh. Tiếng người nói ồn ào, ở thuyền này gọi, ở thuyền kia thưa. Những người dân chài quần nâu áo xanh, nhộn nhịp chạy trên mạn thuyền, tay vớt, tay khua.

Ở trên bờ bể, gia đình họ túm tụm nhìn ra bể để đón đợi thuyền về. Gió sớm thổi vào mặt những người thiếu nữ gây thơ làm làn tóc phơ phất bay trên nước da mặt mịn màng. Những manh áo nâu và vai, đôi tay đứng xem nhau. Họ đợi thuyền về với biết bao hy vọng. Chồng họ ra khơi buổi nay có may mắn không, cá có nhiều không? Dân làng họ ra đi có ai bị rủi ro gì không? Bể cá hôm nay có rộng lượng với đám dân chài không?

Bên đám người nhà dân chài, có lẫn những phương buôn đợi chờ cân cá. Trông họ quần áo sang trọng hơn, và trong óc họ cũng tính toán những điều khác nhau: liệu hôm nay họ có cân được nhiều cá với giá hời không? Liệu những người vay tiền trước của họ hôm nay có cân đủ cá trả họ không?

Các thuyền dần dần vào bờ. Thật là một sự ồn ào nhộn nhịp! Một chiếc thuyền vào bờ là người ta đổ xô xuống. Thân nhân nhà chài xuống để giúp đỡ người nhà kéo thuyền lên bãi bể, bưng cá, xếp lưới, bọn con buôn thì xô vào khoang cá, lọc con này, lựa con khác, phân loại để cân.

Tiếng nói âm ỉ, tiếng hỏi, tiếng trả lời, pha lẫn vào những tiếng cười trong trẻo hồn nhiên của người dân quê bên những tiếng cười xã giao của bọn con buôn, chỉ mong mua được giá hời.

Từng chiếc thuyền một vào bờ. Khi mặt trời lên độ hai con sào thì ở ngoài khơi lơ lơ chỉ còn một vài con thuyền và ở trong bờ biển cảnh nhộn nhịp cũng không còn nữa. Việc mua bán cá đã xong. Những gia đình dân chài đã thu xếp những dụng cụ của mình để sửa soạn cho buổi ra khơi hôm sau.

Đời sống của dân chúng ven bãi bể Đồng Châu cũng như phần đông dân quê ở ven bể thật khó khăn.

Đất đai khó trồng trọt vì nước mặn, họ sống nhiều về nghề chài lưới. Hàng ngày từ sáng sớm tinh sương họ đã đưa thuyền ra khơi để đánh cá. Những người chồng ra đi, những người vợ ở nhà đợi chờ hồi hộp; những người con trai ra đi, những người mẹ già trông ngóng lo âu: những người anh ra đi, các cô em gái phấp phồng trông chờ; những vị hôn phu ra đi, những vị hôn thê mong mỗi bữa khoăn.

Người ra đi cũng như người ở lại, họ đều có một tâm sự như nhau. Họ cầu mong, Trời đất ban ơn cho họ, cho chồng con anh em người yêu của họ, có đi thì có về. Người ra đi, thân ở ngoài bể khơi, nhưng lòng thật vẫn ở cạnh mẹ già, vợ dại con thơ, ở bên người em gái chân thành, ở người yêu khả ái. Họ mong bề trên ban phúc cho họ để bề yên sóng lặng, cá đánh được nhiều, thuyền nhẹ lúc ra đi, thuyền nặng lúc trở về.

Còn người ở nhà, lòng họ thật là hồi hộp. Bể cả đã chẳng bao lần nổi giận, đập phũ phàng những người dân chài lương thiện, cuốn họ theo sóng lớn, đánh tan nát chìm đắm thuyền lưới của họ, khiến cho họ lúc ra đi thì có, lúc trở về thì không. Đã bao nhiêu người vợ mất chồng, người con mất cha, người mẹ mất con, người anh mất em, đã bao nhiêu lứa đôi không trọn

nghĩa và biết bao hạnh phúc bị tan tành vì những cơn giông tố bất ngờ! Bể cá đã là mồ của biết bao người dân làng chài lương thiện!

Người ra đi trông trời trông nước, kẻ ở nhà nhìn gió nhìn mây. Có khi bể đang yên lặng, bỗng vùn vụt ở đâu mây đen kéo tới, gió nổi lên, rồi mưa đổ xuống. Có khi là một cơn dông, có khi là một trận bão. Sóng bể bốc cao như thác, vỗ ầm ầm; gió gào thét như muốn ra uy, sấm chớp từ cao giáng xuống.

Những lúc ấy người đi khơi lo đã đành, cả kẻ ở nhà cũng không yên dạ. Người đi khơi lo cuốn buồm quay mũi mau cho thuyền đến được bờ, còn kẻ ở nhà nóng lòng sốt ruột, cầu nguyện thương xót tới chồng con mình, rui rủi sao cho qua khỏi cơn sóng gió.

Hàng ngày cứ bao giờ thuyền cá về tới bờ, người dân chài mới biết xong chuyện ra khơi hôm đó. Và cá phải bán xong, họ mới biết ngày hôm đó họ đã may mắn hay không?

Những cá to họ bán, còn những cá nhỏ không có người mua, họ mang về phơi khô để các bà nội trợ mang bán tại các phiên chợ Tiền Hải, Trà Lý. Tiền bán cá, họ lo trả món nợ vay trước để sắm thuyền, mua lưới, mua chì...

Sự vất vả về phần họ, nhưng hưởng lợi, thực ra là

bọn có tiền ở các ấp Hưng Thịnh, Ông Hậu ⁽¹⁾ cho họ vay lãi để trả dần. Biết bọn người cho vay để lợi dụng họ ăn lời nhiều, nhưng họ không hề phàn nàn. Họ coi đó là một sự dĩ nhiên, vì đi vay thì phải chịu lãi, và nếu không vay được tiền thì lấy gì mua sắm vật dụng cần thiết. Họ không oán các chủ nợ, nhiều khi họ còn nặng mang ơn là khác. Và những ngày từ ngày Tết, thường họ vẫn dành những con cá to, những con mực lớn, những chục cua đầy để mang biếu chủ nợ.

Thuyền ở khơi vào, cá bán xong, họ kéo lên bãi bể. Đàn ông xem lại thuyền, có cần gắn lại chỗ nào, buổi ra khơi sớm ngày có hư hại gì đến thuyền lưới không. Nếu lưới rách, họ căng lên ngay bãi bể, và các cô thiếu nữ, các bà nội trợ sẽ vá lại những chỗ rách thủng để ngày hôm sau đánh cá khỏi bị lọt lưới. Họ vừa làm vừa trò chuyện về buổi ra khơi, về những việc đã xảy ra ở quanh vùng, về lòng nhân hậu của người chủ nợ này, sự cay nghiệt của người chủ nợ khác. Đồng thời họ săn sóc tới chỗ cá vụn đang phơi ở bãi biển.

Việc vá lưới có khi tỉ mỉ rất nhiều công phu. Vá những mắt lưới xong, nhiều khi họ còn phải móc thêm những thỏi chì vào mép lưới. Họ săn sóc cái lưới hơn

(1) Tên này dùng để chỉ điển hình của một người ở Thái Bình vốn được gọi là ông Hậu, có lẽ vì có chân Hậu bổ.

một bảo vật, vì đây không những là một phần gia sản của họ, mà còn là phương tiện để giúp gia đình họ sinh sống nữa.

Các cô thiếu nữ má ửng hồng, cặm cụi làm việc dưới nắng sớm. Tay các cô đều đưa mũi kim. Các cô băng khuâng nghĩ đến hoàn cảnh gia đình, đến tương lai của mình. Nhiều khi các cô nghĩ đến những chàng trai đã tỏ dấu yêu đương các cô, các cô nhẩm những câu đầy tình tứ các chàng đã tặng mình.

Bể sâu sóng vỗ rập rình

Bể bao nhiêu sóng thương mình bấy nhiêu.

Có khi, các chàng trai đó cũng đang lúi húi gắn lại chiếc thuyền hơi thấm nước ở ngay bên cạnh các cô. Như vậy thỉnh thoảng bốn mắt gặp nhau, và những nụ cười được trao đổi, theo những lời êm dịu. Chàng trai khe khẽ ca:

Đôi ta như chỉ mới se

Như măng mới mọc như tre mới trồng

Đôi ta như lúa đồng đồng

Đẹp duyên mà lại đẹp lòng mẹ cha.

Mắt cô gái sáng lên, má cô ửng hồng và lòng cô rộn ràng sung sướng. Các cô cúi nhìn lũ đã tràng xe cát tròn tròn dưới chân. Những con đã tràng vội vã chạy

rào rào, lẫn những hòn cát theo chân chúng.

Rồi như để giấu nỗi thẹn thùng với lòng mình cô gái nói:

— Anh nhỉ, giống đã tràng chúng tốn công xe cát, thế mà chỉ một lần sóng, bao nhiêu công trình của chúng lại mất hết.

Chàng trai có thể trả lời thẳng cô gái, có thể chàng chỉ ngâm lại câu ca dao:

*Dã tràng xe cát biển Đông
Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì.*

Và chàng sẽ nói thêm:

— Em ạ, tôi ước mong rằng công đeo đuổi của tôi sẽ không là công dã tràng xe cát.

Nhưng cuộc hôn nhân đẹp để thường thường đã là kết quả của những buổi nói chuyện trong việc làm ấy, nhưng cũng đã có những lứa đôi không cùng nhau trọn lời thề ước, anh đi đường anh, chị theo nẻo chị. Gặp nhau, nếu chàng có buông lời trách móc, cô gái chỉ biết đổ lỗi cho chàng:

*Vì anh chẳng tại em đâu
Anh se chỉ mảnh em khâu sao bền.*

Những buổi nói chuyện đó qua, những cuộc hôn nhân đã thành hoặc đã vỡ, người dân bể bao giờ cũng

ra khơi của những người đàn ông, nhiều khi không đủ chỉ tiêu trong gia đình, những người đàn bà, những cô gái thường phải đi làm thêm để giúp đỡ cho cha mẹ, giúp đỡ cho chồng. Các bà các cô rủ nhau đi bắt don ở cánh đồng. Don là một loại trai nhỏ, sống ở các ruộng ven bờ bể.

Các bà các cô dắt nhau đi mò *don*, có khi cả ngày mới được hai lưng thúng. *Don* này các bà các cô đem bán ở các chợ quanh làng, thêm tiền mua thứ ăn cho con may mặc cho chồng. Còn các thiếu nữ, tiền bán *don*, các cô giúp đỡ cho cha mẹ một phần, một phần các cô dành dụm để làm vốn phòng lúc lấy chồng.

Đi bắt *don* họ phải chịu nhọc nhằn với nắng mưa, chân tay luôn luôn ngấm nước, nhưng họ vẫn tận tụy với công việc. Họ nghĩ tới mâm cơm của con, họ nghĩ tới mảnh vải của chồng họ nghĩ tới số tiền sẽ để dành dụm được, họ quên mọi nỗi nhọc nhằn. Sự vui sướng của chồng con, sự đầy đủ một phần nào trong tương lai, đấy mới là cái phần thưởng đích đáng cho mọi cố gắng của người dân đồng chua nước mặn.

Ngoài công việc đi bắt *don*, đàn bà vùng này, còn kiếm thêm bằng cách ngâm *sứa* đem bán. Những con *sứa* chồng con bắt được ở bể lên, họ ngâm bằng vỏ già cho đến khi *sứa* nổi màu nâu tươi sẫm thì họ đem bán.

Việc ngâm *sứa* cũng giúp đỡ cho gia đình được nhiều. Người dân quê Việt Nam ở đâu cũng vậy, nhất là các bà các cô chất phát, bao giờ các bà các cô cũng nghĩ về gia đình. Việc gì có lợi cho gia đình, dù cực nhọc cũng không bao giờ họ từ nan.

Có nhiều bà nhiều cô, muốn cho gia đình được dư dật thường thuê đất ở trong đê ngự hàm để hàng năm trồng dưa hấu bán về vụ tháng năm. Việc trồng dưa phải tốn công nhọc sức, săn sóc theo dõi, dưa mới tốt và nhiều quả. Những quả dưa xanh xanh tròn tròn, nằm như lũ lợn con ở các luống ruộng đã là niềm vui của các bà nội trợ. Tháng năm tới hai dưa đem bán, các bà sẽ được thêm tiền để giúp chồng thay chiếc lưới mới, mua thêm chì, hoặc chữa lại chiếc thuyền.

Mặc dầu chịu khó làm ăn, có nhiều gia đình vùng Đồng Châu, vẫn không đủ tiêu, có khi vì làm ăn không gặp may mắn, có khi vì chồng con ốm đau. Nhưng các bà nội trợ gia đình đem hết sức mình để giúp đỡ chồng con bằng mọi cách. Làm thuê, vá lưới mướn. Có người gạn nước bể để nấu muối đem bán. Việc làm này tuy không được lợi nhiều, nhưng cũng giúp thêm đôi món tiền cho gia đình. Khốn nỗi, việc nấu muối đâu có dễ dàng, họ cần giầu giếm, kẻ nhà đoan Diêm Điền biết, họ không những mất số muối nấu ra được, còn bị phạt

bị giam là đàng khác.

Đời người dân ven bãi bể Đồng Châu thật là vất vả, nhưng họ vẫn vui sống. Hàng tuần ngày chủ nhật, họ dắt nhau tới lễ và cầu nguyện ở nhà thờ Bạch Long gần đấy. Những phút giây này, họ thật là gần Chúa, lòng họ thật là bình tĩnh tin ở Chúa, tin ở cuộc đời.

Ở nhà thờ Bạch Long ra, nét mặt họ sung sướng, lòng họ thênh thang, bước đi họ nhẹ nhàng. Họ nói cười vui vẻ, quên hẳn mọi nhọc nhằn của cuộc đời. ■

TRÊN ĐỒI CHÈ

T rên quốc lộ số 2, quãng đường từ Phú Thọ tới Đoan Hùng, phong cảnh hai bên đường thật là hùng vĩ đẹp đẽ và luôn luôn thay đổi: đây là những thửa ruộng đồng cao, kia là một cánh rừng bát ngát, rồi xa xa là những khu đồi liên tiếp. Mạ xanh của ruộng, cây xầm của rừng tương phản với màu đất đỏ của những ngọn đồi như muốn vẽ nên một bức tranh thiên nhiên tuyệt phẩm. Xen vào đó một vài ngọn suối róc rách chảy và sau những rặng cây, vài mái nhà lá như ẩn như hiện, sáng và chiều, tỏa làn khói lên không trung, điểm tô thêm cho phong cảnh. Những ngọn đồi có khi ở ngay hai bên đường, có khi đi sâu vào mãi phía trong, lẫn vào những cánh rừng trùng trùng điệp điệp. Có nhiều

ngọn đồi đã được lập thành đồn điền, có người lập thành đồn điền, có người khai khẩn, trái hẳn với những khu rừng vẫn giữ nguyên vẻ hoang vu, được sự bảo vệ của sở Kiểm lâm. Trên những ngọn đồi là những nương trầu, nương sắn, nương khoai và nhất là nương chè.

Chè là một nguồn lợi của dân chúng vùng Phú Thọ, và chính cũng nhờ số chè sản xuất hàng năm ở đây người ta sống được phong lưu, không bị chật vật lam lũ như dân nhiều vùng khác. Chè là một trong những nguồn sống chính của dân trong vùng nên những đồi chè thường được trông nom rất cẩn thận. Người ta làm nhà ở chân đồi để hàng ngày tiện sẵn sóc nương chè.

Trồng chè rất vất vả công phu. Phải gieo hạt đúng mùa, phải bón sới đúng độ, phải tỉa cành, bắt sâu, và phải cẩn thận nhất trong công việc hái chè.

Trong nom đồi chè, người ta bận rộn quanh năm, và công việc cũng đổi thay theo thời tiết. Nhiều việc rất tỉ mỉ và nhiều công việc rất cần có kinh nghiệm để giữ cho cây chè được tươi tốt, trổ được lá nhiều. Những khi bón cây sửa luống, người ta phải lưu ý đề phòng nước mưa không cuốn hết chất mục của đất, khiến cho đất trở nên chua, làm cho cây chè cần cỗi. Những khi tỉa cành bắt sâu, người ta phải nhẹ nhàng để không hại tới mầm non đang nảy lộc.

Rồi những khi gieo hạt gây giống, người ta phải tỉ mỉ chọn hạt để được những cây chè thật khỏe, chịu đựng nổi mưa gió trên ngọn đồi. Trong việc gieo hạt chè, thường có nhiều sự ngạc nhiên cho nhà trồng trọt: rõ ràng hạt giống ở một cây chè đan, thế mà đến lúc mọc lên, với sự tinh quái của tạo hóa cây chè đó lại là một cây chè nâu. Rõ ràng hạt của loại chè thấp, thế mà cây chè mọc lên lại thuộc loại chè cao.

Trong nghề trồng chè công việc vui nhất là lúc hái chè. Ngọn cây thoai thoải, những cây chè thành từng hàng mọc đều đều theo sườn dốc. Lá chè xanh mát, hương chè dân mùi dùi dụi. Những cây chè cao sắp xỉ đầu người, bóng ngã ngang sườn núi, theo ánh mặt trời. Những cô hái chè yếm trắng, áo nâu; khăn mỏ quạ, lẫn trong những khóm chè, ẩn hiện cười ròn rã, với những khúc hát thanh tao. Má các cô hồng, môi các cô thắm, mắt các cô trong. Trời xuân đầm ấm, nắng xuân chiếu tía trên muôn lá xanh tươi. Đàn chim xuân riu rít bay truyền từ cây này sang cây khác, thỉnh thoảng lại hót lên mấy tiếng như muốn ca ngợi cảnh xuân hiền hòa. Những đàn bướm sắc sỡ bay lượn trong những khóm chè, trang điểm cho vườn thêm linh động.

Các cô hái chè tay nhẹ nhẹ vịn cành tay hái lá theo với đà câu chuyện. Những cành chè bị vít xuống, mỗi

khi các cô hái hết búp non buông tay ra, lại bật lên, làm rung động cây chè khiến những hạt sương xuân lóng lánh lả tả rơi. Những bàn tay trắng nõn hái những búp chè xanh, thoăn thoắt đưa lên đưa xuống. Mỗi khi búp chè nắm đầy tay, các cô lại bỏ vào chiếc giỏ đeo ở bên mình. Các cô vừa làm việc vừa chuyện trò suốt từ sáng đến trưa, lại từ trưa đến chiều. Mỗi người hàng ngày hái được ba bốn luống.

Để cho khỏi mệt nhọc, cô nọ thường ghẹo cô kia, đem những câu chuyện vui đùa gán lẩn cho nhau. Các cô ghép cho nhau những chàng trai trong thôn, và các cô kể cho nhau nghe về những chàng trai ấy. Có cô lòng đã rung động về những lời nói chân thật hữu tình của một chàng trai nào, muốn được nghe chuyện về chàng này, thường gọi chuyện với nhai bằng cách gán cho người khác. Theo những câu chuyện gán ghép là những chuỗi cười trong trẻo ngây thơ của các cô.

Có khi cảnh trời mây xanh đẹp khiến lòng các cô rung động. Các cô ca vài câu như muốn đem âm thanh tô điểm thêm cho bức tranh sơn thủy:

Rủ nhau lên núi hái chè

Hái dăm ba lá xuống khe ta ngồi.

Giọng các cô vút lên không trung, lách qua ngàn cây kẽ lá, có khi tới chân đồi, khiến vài chàng trai đang

cuối đất, cày ruộng phải ngừng tay lắng nghe, hát đáp:

Mây xanh xanh, núi xanh xanh,

Nước non dành để cho mình với ta.

Mình với ta như cà với muối

Ta với mình như cuội với trăng

Mình về mình nhớ ta chẳng

Ta về ta nhớ hàm răng cô mình cười.

Tiếng hát vọng từ chân đồi lên vườn chè. Các cô lắng tai nghe rồi cùng khúc khích cười với nhau, cô nọ ghẹo cô kia:

— Đây các anh ấy hát cho chị nghe đấy!

— Các anh hát gì cho em, các anh hát cho chị nghe thì có.

Rồi các cô lại vui vẻ thi nhau thoăn thoắt đưa bàn tay trắng muốt để hái chè, tay hái chè làm nhịp cho lời ca. Giữa đám lá chè xanh, màu đen khăn mỏ quạ của các cô nổi bật lên và theo điệu bộ các cô cử động, những điểm đen đó cũng chuyển động làm rung rinh ngàn lá. Đôi khi mỗi một, các cô ngừng tay nhìn phong cảnh. Con sông Thao lừ đừ chảy phía xa xa, hai bên là núi, là rừng hoặc vài cánh đồng hẹp. Thưa thớt một vài con thuyền đứng đĩnh đi ngang tại vài bến vắng. Thỉnh thoảng, bên bờ sông, giáp một ngọn đồi là một ngôi chùa cổ, vài cây cau cao vút như những chiếc tàn hiên

ngang. Và không xa đấy, một lều cảnh thiên nhiên cao rộng. Từ mái lều tranh bốc lên làn khói trắng đục, biến sang màu lam khi tỏa lẫn với mây trời. Vài con cò trắng lững thững trên đường mòn. Bỗng tiếng chuông chùa vang ngân đem âm thanh cho phong cảnh. Cảnh đẹp như xâm nhập vào tâm hồn các cô, và các cô hát để ca ngợi vẻ đẹp của con sông:

*Phong cảnh tám bức vén tranh
Bình non mượn khảm; gương doanh lét tô
Bến Nam liễu bá con đò:
Mảnh mây viễn phố, cánh cò hàn sa.
Ngàn Đông khói lẫn lạc hà.
Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cô thôn.
Vó câu pha gió nhẹ bon
Bên lầu Bắc hỏi hoàng hôn địch nào?
Trời Tây bóng hạc non sào,
Đường rêu khách quàng ruổi vào thiên thai. (1)*

Một cô cất giọng trước, năm bảy cô khác hát theo khiến cho núi rừng cũng phải đờm theo cả màu nhạc lẫn ý thơ. Các cô hát xong, các cô khen giọng nhau hay, rồi cùng nhau các cô cả cười để vẫn tiếp tục công việc hái chè của mình. Mùi chè xanh thơm thơm, hăng hắc. Thỉnh thoảng một vài cây chè lại điểm mấy bông

(1) Mấy câu thơ này ở trong tập *Mai đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hồ

hoa sớm đài xanh, cánh trắng nhị vàng, tỏa một mùi hương dịu dịu. Những bông hoa tha thướt trước gió xuân nhớn nhoe với các cô gái hái chè. Gặp những bông hoa, có khi các cô hái gài lên mái tóc, có khi đùa cợt nhau, cô nọ ném cho cô kia với vài câu nói ghẹo:

— Tặng chị bông hoa để chị cài đầu cho thêm xinh để các anh ấy yêu.

— Em xin chị, chị chờ *muốn ăn gắp bỏ cho người*.

Các cô hái chè từ sáng cho tới trưa, lại từ trưa cho tới chiều. Các cô vui vẻ tha thiết với công việc. Tiền công hàng ngày sẽ giúp đỡ thêm cho gia đình hoặc dành để gây chút vốn riêng.

Cũng có người đã có gia đình và đã có con nhỏ. Những người này lại càng cặm cụi làm việc, chỉ mong hàng ngày kiếm thêm tiền giúp đỡ chồng, may cho con mấy bộ quần áo mới. Họ cũng cười đùa ca hát, nhưng bao giờ họ cũng nghiêm trang hơn các cô gái. Lễ giáo Á đông bó buộc nhiều khi không được nói những câu chỉ dành riêng cho các thiếu nữ chưa chồng.

Chè các cô hái hàng ngày đã có những người chuyên môn vò và sấy để chế hóa trước khi đem bán. Có loại chè bán khô, cũng có loại chè bán tươi. Chè tươi dùng để nấu nước chè xanh mà khách bộ hành hằng uống ở những quán bên đường, sau những thôi

đường một nhọc. Còn chè khô, được biến chế thành nhiều hạng, trong đó hạng chè tuyết rất được ưa chuộng cũng như hạng chè mạn được thông dụng từ khắp thành thị đến đồng quê xứ Bắc.

Chiều chiều, sau một ngày hái chè, các cô lững thững rủ nhau xuống đồi ra về. Bóng các cô thướt tha dưới chiều tà, in hình theo sườn đồi. Ngọn gió xuân, mặc dầu trời nắng, còn hơi lành lạnh. Các cô vừa đi vừa suýt xoa và muốn cho đỡ lạnh, các cô đi sát bên nhau. Câu chuyện ngày hôm sau, về những dự định của mình, và có khi về cả tương lai nữa. Các cô cho nhau biết những câu chuyện tâm tình, những nỗi xao xuyến của yêu đương. Các cô hỏi ý kiến nhau về các chàng trai quen biết, về những cuộc hôn nhân dự định.

Trời dần dần tối! Đàn chim bay về tổ xào xạc, và các cô cũng thông thả về tổ êm ấm của mình. Ở nơi đấy, các bà mẹ già đang mong con về để đón lấy mớ chè xanh, nấu nồi nước nóng, cả nhà cùng uống sau bữa cơm chiều; ở nơi đây các đàn em bé đang ngóng chị để tranh nhau cướp lấy mấy bông hoa sớm; ở nơi đây cũng có người chồng trẻ đợi người vợ hiền, và cũng có đàn con nhỏ dại đang chờ người mẹ yêu quý.

Các cô về nhà với vẻ tươi cười của những bông hoa chè sớm các cô hái mang về. Các cô mang rửa nắm

chè xanh, nấu nổi nước nóng. Hương chè mới thơm ngào ngạt, khói bốc làm ấm gian nhà tranh lạnh lẽo. Chè này các cô hái ở đỉnh đồi, hương vị bao giờ cũng đượm, và nước bao giờ cũng ngon. Kinh nghiệm đã cho các cô rõ, chè trên đỉnh đồi thường ngát hương hơn chè ở chân đồi. Và đây cũng là những lá chè già nhất của những cây chè. Chè dùng để chế hóa làm chè khô thì cần hái non, những chè để đun ầm chè xanh lại phải hái những lá thật già, lá chè càng già, nước càng xanh và vị càng đượm.

Bữa cơm xong, người nhà quây quần quanh ngọn đèn dầu, mỗi người một bát nước chè nóng hổi, khói bốc nghi ngút hương chè thoang thoảng tỏa khắp nhà, cùng nhau trò chuyện vui vẻ thân mật. Thật là cái cảnh gia đình êm ấm! Bà mẹ già bưng bát nước chè, uống một hơi còn nóng, nhìn cô con gái, nghĩ đến trang giải tế nay mai. Cô con gái nhìn lại mẹ, rồi nhoẻn miệng cười. Bao nhiêu sự mệt nhọc của công việc ban ngày, tiêu tan hết! Chẳng biết nàng có thấu được ý nghĩ của mẹ không nhưng chính nàng, nàng đang nghĩ đến hội đền Hùng vào ngày mồng 10 tháng 3 sắp tới.

Ngày hôm đó, vụ hái chè đầu xuân đã gần mãn, và dù cho còn nàng cũng sẽ nghỉ một buổi để đi hội trước là lễ Tổ, sau là để khoe nhan sắc với thiên hạ đến trẩy

hội. Nàng sẽ lên đu tiên để vòng đu từ từ quay đưa nàng lên một tiên nữ với xiêm y nhảy múa ở không trung. Nàng sợ dự xem cuộc ném còn của các cô gái Mán vùng Thạch Sơn. Và nàng sẽ gặp người hò hẹn! Nàng băng khuâng nghĩ đến mộng đẹp của tương lai.

Rồi trong giấc ngủ, những cảnh huy hoàng hiện ra với những tràng pháo nổ, với đám đưa dâu, với sự thẹn thùng của người trinh nữ.

Bình minh hôm sau, cùng tiếng chim gọi đàn, trong sương sớm, nàng cũng trỗi dậy sửa soạn để lại cùng chúng bạn đi hái chè. Lại những lời ca, những câu hát, những chuyện bông đùa, nàng hái hết cây chè này chuyển sang cây chè khác, đầy rổ chè này đến rổ chè kia. Cảnh đồi chè như linh động thêm!

Các tao nhân mặc khách, mỗi khi các vị thưởng thức chén trà đầu xuân với hương nồng vị đượm, có vị nào đã nghĩ đến các cô gái quê hàng ngày dưới mưa xuân, trong gió lạnh, vẫn vui vẻ nhanh nhẹn cùng nhau hái những nhánh chè sẽ mang hương vị tới bốn phương cho các vị không?

Và có ai đi qua Quốc lộ số 2, quãng đường từ Phú Thọ đến Đoan Hùng, có để ý đến những đồi chè xanh tươi cùng những cô hái chè nhí nhảnh đang cao giọng hát ở hai bên đường không nhỉ? ■

NHỮNG GIA ĐÌNH THỢ THÊU XÃ HƯỚNG DƯƠNG

Xe lửa chạy đường Hà Nội Nam Định khi đi khỏi ga Thường Tín một quãng thường đậu tại ga xép Kiều Thụy. Từ ga này đi vào phía tay trái, trên một con đường liên xã, độ hơn một nghìn thước, du khách sẽ tới một làng nhỏ xinh xinh, ở ngay sát bên đường. Ấy chính là làng Hướng Dương, thuộc Phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. Hướng Dương là một làng rất bé, dân cư thưa thớt. Cả làng chỉ gồm có hai xóm: xóm Đình và xóm Chùa, và chỉ có độ hơn trăm nóc nhà, vừa nhà ngói lẫn nhà tranh. Cũng như trăm nghìn làng khác ở đồng quê miền Bắc, chung quanh Hướng Dương có một lũy tre xanh bao bọc.

Xã này hơi khác các xã khác ở chỗ đình làng ở ngoài lũy tre xanh, ngay lối vào cổng làng, chỗ neo đường rẽ của hai xóm. Trước cửa đình là một sân gạch to rộng, rồi đến một cái giếng lớn, không có bờ, hình tròn. Ở giữa giếng nổi lên một cồn đất cũng hình tròn, và ở trung tâm cồn đất, có một cây hoàng lan, với mùi hương sực nức lan tới khắp làng, khi hoàng hôn xuống cũng như buổi bình minh lên.

Người ta bảo đấy là một cuộn chỉ và chiếc kim khâu, và hương hoàng lan tượng trưng cho cái gì có màu sắc, đẹp dễ, mỹ thuật có thể khiến cho người ta say mê như khi người ta ưa thích cái hương thơm của hoa hoàng lan thoang thoảng trong gió sớm vậy.

Không hiểu lời nói trên căn cứ vào phong thủy, có từ bao giờ, từ trước khi dân làng Hường Dương có nghề thêu, hay vì tại làng này có nghề thêu, nên người ta dựa vào phong thủy mà giải thích như vậy.

Dù sao có điều không ai chối cãi được là dân làng Hường Dương hầu hết biết nghề thêu, và họ đều là những người thợ thêu có tài và có tiếng. Chung quanh Hường Dương, nhiều làng khác cũng có nghề thêu như làng Đào Xá ở ngay sát nách với Hường Dương, làng Tam Sơn, ở phía trước mặt, làng Quất Động ở mé trên v.v... nhưng chỉ có nghề thêu của làng Hường Dương

là nổi tiếng.

Những du khách, ai đã đi qua Quốc lộ số 1, tất phải lưu ý tới ngay bên đường cái một tấm biển viết bằng chữ Pháp lập nên từ hồi Pháp thuộc, có mấy hàng chữ: *Làng Hương Dương đồ thêu mỹ thuật.*

Đồ thêu của làng Hương Dương sản xuất quả thật là mỹ thuật. Các nhà xuất cảng đã gửi nhiều đi ngoại quốc, và chính ngay ở các hiệu thêu lớn nhất phố làng Trống, phố hàng Quạt Hà Nội, phần lớn những đồ bày bán đều sản xuất tại Hương Dương.

Nghề thêu là một thủ công nghệ mỹ thuật gia đình. Nhà nhà tại Hương Dương đều có khung thêu, và trai gái trong làng hơi lớn tuổi một chút đều học nghề thêu, cả thêu trắng lẫn thêu màu. Và đến khi chồng, nên vợ, nghiễm nhiên họ thành những cặp vợ chồng thợ thêu.

Đôi bên góp tài góp sức để cùng tạo nên những bức thêu rất đẹp để mỹ thuật đang mang lại danh tiếng cho xã Hương Dương. Chồng vẽ kiêu, vợ thêu, hoặc có khi chồng vẽ kiêu, vợ góp ý kiến thay đi đổi lại, rồi hai vợ chồng cùng thêu, chồng thêu một đầu khung, vợ một đầu khung. Tác phẩm hoàn thành tất nhiên phải đẹp, vì *thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn* huống chi là xây dựng nên một bức thêu.

Bức thêu xong, vợ chồng cùng ngắm, rồi họ cùng

khen đẹp giữa những luồng sóng đậm thắm, giữa những nụ cười đầy âu yếm. Chồng khen mũi kim của vợ tinh vi, vợ khen mũi kim của chồng linh hoạt. Mầu sắc của chỉ ăn nhịp với nhau đã tạo nên những cảnh rất nên thơ, trông như những bức họa, có khi là một phong cảnh sơn thủy có đầy đủ mây nước núi trời, có khi là một cảnh sinh hoạt đồng quê ruộng lúa, với con trâu cày với đàn chim bay lơ lửng, có khi là một sự tích cổ xưa như Trọng Thủy My Nương, hoặc Trưng Vương đuổi quân Tô Định, có khi lại là hình một nhân vật như đức Phật, đức Khổng tử hoặc một danh nhân khác.

Ngắm bức thêu lòng họ hân hoan sung sướng, cùng nhau nghĩ đến công trình của hai vợ chồng đã chung sức chung lòng tái tạo nên.

Một bức thêu xong, họ bắt đầu bức thêu khác, có khi theo những mẫu đồ điển đã sẵn có, có khi theo một mẫu mới thích hợp với sự ưa chuộng của mọi người. Hai vợ chồng cùng giở quyển mẫu in sẵn, cùng nhau góp ý kiến để chọn một bức thêu có giá trị.

— Em thấy bức tranh thủy mặc này đẹp, thêu lên chắc nhiều khách hàng phải mua.

— Ý kiến của mình cũng giống của anh, nhưng hôm nọ ông chủ hiệu thêu có ý muốn mua một bức thêu đàn voi kéo gỗ.

—Ồ nếu thế thì chúng ta thêu bức tranh *Đàn voi kéo gỗ* trước rồi sau chúng ta làm đến bức tranh thủy mặc này.

Họ đồng ý rồi lại khởi công thêu một bức mới, hai vợ chồng chia nhau từng mẫu tranh, để lại cùng cú đầu vào nhau, chăm chú từng đường kim mũi chỉ, cố làm sao đặt hết cả tinh thần vào bức thêu. Vừa thêu họ cùng nhau trò chuyện trông thật là một đôi uyên ương với tất cả những lạc thú yêu đương.

Hàng tháng hai lần họ mang hàng lên Hà Nội bán tại các cửa hàng thêu, để mua chỉ và vải. Cũng có khi hai vợ chồng cùng đi để nhân thể vui chơi vài ngày ở đất ngàn năm vạn vật để sắm đôi thứ cần dùng hoặc đánh đôi khuyên chiếc nhẫn vàng làm của để dành, nhưng thường vợ vẫn ở lại nhà để làm nốt bức thêu dở, hay chăm lo công việc khác.

Người chồng đi Hà Nội bán xong hàng, mua xong vải và chỉ thì tính ngay đường về. Thì giờ làm vàng ngọc, chàng ta không muốn lãng phí: còn biết bao nhiêu công việc đang đợi chờ chàng ở chốn quê. Tuy nhiên bao giờ chàng cũng mua cái gì về làm quà cho vợ con. Có khi là chiếc khăn vuông len để vợ quàng trong vụ rét. Có khi là chiếc mũ để con đội đi học. Cũng có khi là thực phẩm, tùy theo từng mùa xuất hiện ở Hà

Nội: tháng tám là cốm Vòng, tháng chín là hồng Lạng Sơn, tháng mười là bưởi Đoan Hùng.

Chàng sung sướng mang quà về cho vợ con, cũng như vợ ở nhà sung sướng đón chồng về với một mâm cơm thịnh soạn hơn ngày thường. Hôm nay họ sẽ thổi cơm trắng *gạo dự* chứ không ăn cơm *gạo thông*⁽¹⁾ đỏ quạch như mọi bữa. Thức ăn hôm đó phải có món người chồng xưa nay ưa thích, món ăn đó không cứ là cao lương mỹ vị. Có thể là đĩa cá bống kho khô với nộm khoai, có thể là đĩa thịt lợn rim mua tại chợ Tó, thịt lợn chợ Tó có tiếng là ngon, đã được truyền tụng vào câu tục ngữ: Gà Tò, lợn Tó... và chợ Tó cũng không cách xa Hương Dương là mấy.

Những hôm chàng đi Hà Nội về, nàng ở nhà cố thu xếp công việc cho xong sớm để ra ga Kiều Thụy đón chuyến tàu hoặc chuyển ô tô chở chồng về. Lúc tàu đến ga, hay ô tô tới trạm, chồng ở trên xe bước xuống, khệ nệ tay xách tay mang, nào gói vải, nào gói chỉ, nào bánh của con, nào quà của vợ. Thấy vợ chàng tươi cười, và nàng vội vã đỡ tay chồng, rồi đôi người cùng nhau song song đi về làng vừa đi vừa hỏi han nhau như tưởng chừng họ cách xa nhau hàng mấy tháng rồi. Chồng hỏi vợ về công việc nhà, về con cái, vợ hỏi chồng về

(1) Tên hai thứ gạo ở miền Bắc.

chuyện Hà Nội về việc bán hàng và mua chỉ. Vợ khoe chồng sự ngoan ngoãn của lũ con cũng như việc nàng đã hoàn thành bức thêu giở, chồng khoe vợ về giá cao của những bức thêu bán được, về một vài màu chỉ đẹp và nhả chàng mua chuyến này, về các món hàng các hiệu thêu Hà Nội làm và về cả chuyện Hà Nội nữa.

Mỗi lần ra Hà Nội bán hàng, những người thợ thêu thường rủ nhau năm bảy người cùng đi, nên khi ở xe lửa hoặc ô tô xuống, năm bảy người đó lại cùng về, thì trên con đường liên xã Kiều Thụy Hương Dương lại có năm bảy cặp vợ chồng cùng đi cùng trò chuyện với nhau. Cũng có lúc cặp vợ chồng này hỏi thăm cặp kia về hàng hóa hoặc về công việc đồng ruộng. Con đường xưa nay vắng vẻ nhất là sau buổi hoàng hôn, bỗng nhiên trở nên nhộn nhịp tiếng cười xen lẫn tiếng nói. Đôi khi lại lẫn cả tiếng trẻ bi bô, những đứa trẻ này theo mẹ ra chợ cha để đón quà.

Thấm thoát con đường không xa, bóng cây hoàng lan mọc ở giếng làng đã nổi đen trên nền trời mờ tối và một mùi hương dịu dịu đang tỏa theo gió nhẹ buổi hoàng hôn. Đến đầu làng, bọn họ chia tay ai về nhà nấy, rẽ theo hai lối xóm.

Tới nhà, đặt các bọc vải, chỉ quà bánh xuống giường người vợ vội vàng vào ngay bếp để hâm lại

mấy món ăn, và trong khi đó thì người chồng mở các gói để lấy quà cho con, hoặc bày ra đĩa các hoa quả bánh trái mua từ Hà Nội, để lát nữa cơm nước xong, cả nhà sẽ cùng ăn tráng miệng.

Mâm cơm dọn ra, khói bốc nghi ngút, mùi xào nấu tỏa lên ngào ngạt. Trong mái nhà tranh, dưới ngọn đèn dầu le lói, vợ chồng con cái họ quây quanh ăn uống đầm ấm. Vợ gấp cho chồng những miếng ngon, chồng khen vợ tài bếp núc khéo léo. Hai vợ chồng giục nhau ăn, và cùng gấp thức ăn cho đứa con nhỏ.

Đến lúc tráng miệng, vợ lại khen chồng chọn được thứ bánh khéo, hoa quả tươi, và chồng lại ép vợ ăn thêm một quả hồng, hoặc miếng bánh ngọt.

Cơm nước dọn dẹp xong, chồng lấy vải và chỉ ra khoe vợ, chàng đưa cho vợ xem mấy màu chỉ đặc biệt chàng mới mua lần này. Chàng nói:

— Màu hoa cà này thêu với màu tím sẫm nổi lắm.

— Màu xanh nhạt này dùng làm nền trời cho những bức thêu sơn thủy thì tuyệt.

Vợ cũng đồng ý với chồng và chồng lần lượt đưa hết màu chỉ này đến màu chỉ khác cho vợ xem, họ bàn nhau đến những bức thêu sẽ thực hiện. Cũng có những cặp vợ chồng còn bố mẹ già, thì mỗi lần đi Hà Nội về, người con bao giờ cũng dành một món quà kính biểu

bố mẹ, thì trong bữa ăn thịnh soạn của những buổi đi về này, hai vợ chồng còn thi nhau gấp những miếng ngon mời bố mẹ xơi. Lễ giáo của phương Đông lấy hiếu làm trọng, và trong chữ hiếu, việc kính mến phụng dưỡng cha mẹ là cần thiết. Những ông già thấy vợ chồng con hòa thuận quý mến nhau lại hiếu thảo với mình cũng lấy làm vui. Tấm lòng già cũng thấy nhẹ nhàng trước cái lạc thú của đại gia đình.

Ngày hôm sau, họ lại bắt đầu vào công việc hàng ngày, nghĩa là họ lại chăm chú đến việc thêu. Lại chọn mẫu lại hai vợ chồng cúi đầu cùng nhau cặm cụi trên khung, mũi kim đưa lên, mũi đưa xuống, dần dần những bức thêu lại được hoàn thành, và chẳng mấy chốc lại tới kỳ phải mang hàng ra Hà Nội bán, cùng với các bạn thợ thêu khác.

Cũng có nhiều lần, họ được tiếp khách đến tận nhà đặt hàng. Có thể đó là những người ngoại quốc muốn đặt một bức thêu đặc biệt để gửi làm quà về nước mình, có thể là một người Việt muốn thừa một bức thêu để tặng anh, có thể đó là một người buôn đồ thêu, đến mua đồ thêu rồi đi rao bán tại các khách sạn lớn, hoặc tại các khu có nhiều người ngoại quốc cư ngụ.

Những lần có khách như vậy công việc của họ lại bận rộn lên đôi chút, nhưng cũng khiến cho ngân quỹ

gia đình của họ dồi dào hơn. Ấy là những dịp để họ có thể may thêm cho con được manh áo mới, cho chồng chiếc áo dài để mặc trong những buổi tiệc làng, hoặc sắm cho vợ chiếc thắt lưng sồi se, hay đôi giải yếm lụa mờ gà để vận trong những khi hội hè đình đám và những khi đi ăn cỗ, ăn cưới.

Tuy việc làm quanh năm, nhưng thực sự những gia đình thợ thêu xã Hướng Dương rất ít người được sung túc. Hàng họ làm ra phải bán ngay để lấy vốn làm lớp hàng sau. Các hiệu buôn tay bán các đồ thêu được giá cao, nhưng họ mua của những người sản xuất với giá rất hạ, chỉ để đủ cho những người này một chút lời như trả công thêu vậy. Trừ những khi có khách đến nhà đặt hàng với giá cả khả quan, những người thợ thêu thường khi mang hàng lên Hà Nội là phải bán, tuy biết hàng của mình có giá mà vẫn bị trả rẻ.

Lại có nhiều gia đình thợ thêu không có vốn, phải lấy tiền đặt trước hoặc phải đi vay lãi để mua chỉ mua vải. Như vậy họ càng bị thiệt thòi hơn, nhưng họ vẫn vui vẻ với công việc của mình. Họ nghĩ dù có thiệt thòi, nhưng vợ chồng con cái có công việc làm trong những ngày nghỉ công việc đồng áng, và có làm là có ăn.

Làng Hướng Dương ở một cánh đồng cao, hàng năm chỉ cấy có vụ lúa mùa, còn về vụ lúa chiêm, ở đây

người ta trông màu như ngô, khoai đậu.

Mặc dầu làng có nghề thêu, nhưng căn bản của dân quê là nghề nông, nên song song với nghề thêu dân làng này vẫn làm ruộng. Các cô thợ thêu vẫn phải đi tát nước làm cỏ, vẫn đi xới đất rở khoai, và các chàng trai tuy có hoa tay vẽ kiểu thêu, nhưng vẫn xử dụng bàn tay để đắp bờ, khơi nước, để bừa đất, đào mương.

Trong những ngày bận việc đồng áng, họ nghỉ việc thêu. Với hai công việc khác nhau, họ sống giữa hai khung cảnh khác biệt, nếu lúc thêu, họ ở trong nhà với bầu không khí thân mật của gia đình, thì khi làm đồng lại được gần gũi thiên nhiên hơn: đồng ruộng, gió mát, trời cao với muôn sắc mây vùn vụt, với hương thơm của sương sớm, với nước róc rách chảy bên mương. Nếu trong lúc thêu, họ cùng nhau nhỏ nhẹ những câu chuyện êm ái thân mật, thì ở ngoài đồng họ ca hát, họ cười đùa cùng chúng bạn làm đồng. Công việc làm đồng tuy mệt nhọc hơn, nhưng lại đầy thú vị. Ở đây có những chàng trai chưa vợ, có những cô gái chưa chồng đang hàng ngày gặp gỡ nhau trong việc làm. Nhiều cô gái lọt vào mắt những chàng trai, và cũng có nhiều chàng trai khiến cho các thiếu nữ ngây thơ nghĩ ngợi.

Giữa một khung cảnh phóng khoáng cao rộng, lòng những chàng trai tránh sao được nổi sao xuyên trước

nhân sắc của giai nhân, và những giai nhân có lẽ nào
sắt đá được với những cử chỉ ân cần, với những lời êm
dịu. Yêu đương nẩy nở trong lòng người, và muốn tỏ
nổi lòng, chàng trai hát những lời ca rất nhiều ý nghĩa:

Con chim bồ câu

Liệng thấp liệng cao

Liệng ra cửa phủ liệng vào trong kho.

Ngọn đèn chịu gió phát phơ

Nào người tôi đợi, tôi chờ hôm qua

Có nhớ những nhời tôi dặn hôm qua

Nhưng yêu đương là một chuyện, còn đôi bên có
được yêu đương nhau không lại là chuyện khác. Nhiều
khi có những cuộc tình duyên ngang trái vì đôi bên ba
mẹ chẳng thuận tình, có khi vì chàng nghèo, có khi vì
tuổi chẳng hợp nhau, hoặc vì cô gái đã nhận trầu đám
khắc. Chàng trai buồn và gửi nỗi buồn trong câu hát:

Con chim bồ câu

Liệng thấp liệng cao

Liệng ra cửa phủ, liệng vào trong dinh

Ngọn đèn khơi ngọn tam tinh

Khơi lên cho tỏ ra nhìn mặt nhau

Nhìn người chẳng dám nhìn lâu

Nhìn qua thấy mặt chịu sầu thiết tha

Bao lời hẹn ước buổi qua

Những chàng trai hát, những cô gái cũng hát, hát để tạ lòng chàng trai, hay là để hẹn ước một lời ba sinh:

Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ

Đôi ta trình tiết đợi chờ lấy nhau

Cánh đồng làng Hường Dương sát ngay cánh đồng mấy làng Hạ Vĩ, Từ Vân và Đào Xá, nên trong những buổi làm đồng nhiều chàng trai các làng trên đi qua, thấy nhan sắc các cô gái Hường Dương xinh đẹp, đem lòng cảm mến. Các chàng trai hát ghẹo:

Tóc em dài, em cài bông hoa lý

Miệng em cười có ý anh thương

Có khi câu hát xa hơn lời khen, nói rõ một ước ao:

Ước gì anh lấy được nàng

Để anh mua gạch Bát Tràng về xây

Xây dọc rồi lại xây ngang

Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.

Mặc những lời hát ghẹo, các cô làm đồng vẫn cặm cụi với công việc. Các cô muốn việc đồng áng cho xong để còn trở lại với khung thêu, kiếm thêm tiền giúp đỡ cha mẹ. Ngoài các công việc đồng áng, mỗi khi rỗi xong mầu, các bà nội trợ, các cô gái lại phải đem bán tại các chợ Kiều Thụy, chợ Tía, và có khi đi cả chợ Mới, bên kia sông Hồng Hà tại chợ Phủ Khoái Châu tỉnh

Hưng Yên nữa. Tiền bán màu ngoài việc dùng để mua hạt giống, sắm dụng cụ, còn giúp các gia đình xã Hướng Dương làm tròn nhiệm vụ với lệ làng.

Lệ làng Hướng Dương, mỗi khi tuần tiết, cũng như các ngày rằm và mừng một hàng tháng, dân đình từ 60 trở xuống cất lượt nhau để sửa lễ tại đình. Tùy theo từng tiết, dân làng cúng lễ chay hoặc lễ mặn. Đã là đàn ông con trai trong làng, dù nghèo túng đến đâu, ai cũng muốn lo tròn bốn phận với thôn xã, nhất là khi bốn phận đó chỉ là việc sửa lễ tại đình, để nhớ ơn vị Thượng Đẳng thần đã đem nghề thêu tới cho dân làng.

Theo lời dân làng thị xã Hướng Dương thờ ông Lê Công Thành, người đã đi sứ sang Trung Hoa và đã học được nghề thêu và truyền dạy cho dân chúng dân làng này và mấy làng lân cận.

Nghề thêu của xã Hướng Dương vẫn nổi tiếng và càng phát đạt. Những gia đình thợ thêu cũng nhờ đó mà được sung túc hơn. Họ vui sống hưởng hạnh phúc dưới mái nhà tranh, sống một cuộc đời giản dị, chồng cũng như vợ chỉ lo làm ăn, gây dựng cho con cái.

Những bức thêu của họ hoàn thành được gửi đi bốn phương trời, những ai khi ngắm một bức thêu mỹ thuật cao bao giờ nghĩ cuộc sống bình dị của những nam nữ nghệ sĩ tạo nên bức thêu chẳng? ■

CHUNG QUANH ĐẦM VẠC

Nếu chúng ta có dịp đứng trên núi Tam Đảo nhìn xuống Vĩnh Yên, chúng ta sẽ thấy sát ngay tỉnh lỵ Vĩnh Yên một làn nước trắng bao la, giống hình một chiếc vạc ba chân: đấy là đầm Vạc.

Đầm Vạc làm một chiếc đầm lớn, ở kế tỉnh lỵ Vĩnh Yên, giống chiếc vạc ba chân, ăn qua chín làng, từ xã Vĩnh Thịnh, Tịch Sơn, Đông Đạo, Vị Thanh, Vị Trù, Khai Quang thuộc huyện Tam Dương, suốt đến mấy xã Quất Lưu, Ngọc Canh, Hương Canh và Tiên Hương thuộc huyện Bình Xuyên, thông với hai con sông Cà Lồ và Tiểu Đáy. Nước sông Cà Lồ trước kia chảy vào đầm Vạc và trút ra sông Tiểu Đáy do một nhánh sông đào nhỏ, nhưng ngày nay nước sông Cà Lồ chảy thẳng

qua sông Đuống, và nơi ăn thông với Đầm Vạc cũ bị ngăn lấp. Nước đầm Vạc trong suốt và mát; cá đầm Vạc béo và ngon, dân làng sống quanh đầm Vạc chỉ cần chịu khó đôi chút là được hưởng tất cả những nguồn lợi thiên nhiên của tạo hóa chứa đựng trong đầm này.

Thật vậy, đầm Vạc rộng và sâu, nước lên xuống theo mùa mưa nắng, khiến cá ở sông Đáy, khi nước lên, theo giòng nước vào đầm, và lúc nước ra, ở lại đầm, biến thành một nguồn lợi cho chín làng ở quanh đấy. Ngoài ra, đất ở đáy đầm là đất sét quánh, dùng để nặn nôi rất tốt, người lạ vẫn thường lấy để mang bán cho các nơi làm gốm như Thổ Hà ở Bắc Giang, Bát Tràng ở Bắc Ninh, Định Trung ở Vĩnh Yên v.v....

Ven bờ đầm, những đám rong xanh dùng cho lợn ăn rất lợi, có thể thay bèo và rau được. Sống ở chung quanh đầm Vạc, lẽ tất nhiên người dân biết khai thác phải được hưởng những nguồn lợi vô tận của đầm này. Người ta đánh cá, người ta nuôi lợn, người ta đào rạch để lấy nước trong những năm hạn hán, người ta lặn xuống đáy đầm để lấy đất sét dùng cho nghề nặn. Cỏ mọc ở bờ đầm rất xanh tốt, trẻ con các làng vẫn cho trâu gặm cỏ, các cô gái vẫn cùng nhau cắt cỏ nơi đây.

Từ lúc tỉnh sương, trên mặt đầm đã có người, nhất là ở khu giáp mấy làng Vị Thanh, và Vị Trù. Dân mấy

làng này ra đầm đánh cá. Đánh cá ở đầm cũng vất vả như đánh cá ở sông và cũng cần đủ những dụng cụ như chài, lưới, thuyền. Ngoài ra còn đặt *đó*, *lờ* ở chỗ nước chảy vào đầm, từ đầm chảy ra ruộng để đón cá.

Đầm Vạc tuy rộng và sâu, nhưng khu sâu nhất là ở ven xã Vị Thanh, mé bên kia tỉnh lỵ Vĩnh Yên, và các cá lớn vẫn tập trung ở khu này. Mỗi buổi sáng dân xã Vị Thanh đánh được rất nhiều cá. Cá ở đây có tiếng là ngon và sạch, nên phường buôn thường tranh mua.

Cảnh đánh cá trên mặt đầm hoạt động và vui vẻ lắm. Sáng tinh sương, ánh bình minh vừa hé ở phương đông, những người dân chài đã có mặt ở ngoài đầm. Mặt trời tự phương đông chiếu đỏ xuống mặt đầm. Gió sớm làm làn nước bạc rung rinh, gây nên những con sóng nhỏ gợn hồng dưới dương quang. Những con thuyền đi ngang đi dọc trên mặt nước. Bơi chèo khua xuống nước, nước bắn lên mạn thuyền tóe trắng như bạc. Thuyền từ từ đi, người thuyền chài chiếc lưới gai đen tỏa ra rơi xuống mặt nước, chum một bề mặt khá lớn rộng, rồi khép dần lại ở dưới nước theo sức nặng của những thỏi chì, khiến những đàn cá ở trong vòng lưới đành chịu mắc nghệt để chờ lờ lên khỏi mặt nước. Có những chiếc thuyền chài lội hẫng dưới nước chẳng ra quay hẫng lấy một vùng đầm. Trong khi đó thì có

những thiếu nữ, những ông già chở những chiếc thuyền nan đi đuổi cá về phía chằng lưới. Thuyền nan bơi nhẹ, thiếu nữ hoặc ông già dùng hai miếng gỗ gõ mạnh vào nhau tạo nên tiếng động xua cá về một hướng. Lưới dần dần khép lại. Đàn cá bị đuổi, mắc vào lưới.

Mỗi lần một chiếc lưới kéo lên, những con cá bạc quẫy như muốn trốn. Chiếc lưới kéo dần dần, đàn cá mắc lưới nhoi dần lên khỏi mặt nước, được các người trên thuyền gỡ dần ra ném vào khoang. Có cá to, cá nhỏ, cá chép, cá chạch, cá mè, có cả cá mương, các diếc, cá bống, cá mại là những con cá nhỏ. Người ta sẽ chọn để riêng từng loại cá để tiện bán cho những hàng buôn đang chờ đợi trên bờ đầm.

Vừa đánh cá người ta vừa trò chuyện nói cười với nhau. Mặt trời dần dần lên cao, cuộc đánh cá hàng ngày cũng xong dần. Những chiếc thuyền được đưa vào bờ. Mặt đầm vẫn nhuộm hồng ánh tía của mặt trời.

Cá được các hàng buôn mua ngay tại bờ, hoặc có khi vợ con các nhà chài tự mang bán tại chợ Vĩnh Yên.

Sau buổi đánh cá sớm ngày, đầm Vạc trở nên hoang vắng, tuy nhiên vẫn còn một đôi người đơm cá hoặc úp cá ở ven bờ, nhất là ở các thửa ruộng sát liền với đầm, và mấp mé mặt nước đầm. Một vài ngư ông có tuổi, với chiếc cần câu, thùng thỉnh buong câu, dưới

năng sớm một cách thật là nhàn nhã. Đầu đội chiếc nón mê che nắng, ngư ông ung dung mắc mồi, thả câu mặc cho thời gian đi, tưởng chừng như không biết tới đời là gì nữa. Thỉnh thoảng chiếc phao nhấp nháy, ngư ông dật cần câu, thường là một con cá bạc đã cắn câu, đương vùng vẫy ở đầu giây để tìm lối thoát thân.

Trong lúc một vài ngư ông già còn buông câu một cách thanh bình như vậy, thì những người đánh cá ban sáng đã người nào việc ấy rồi. Các bà nội trợ, các cô gái mang cá đi bán tại chợ tỉnh Vĩnh Yên; các thanh niên sau khi kéo thuyền vào một chỗ trên bờ, đang xem lại thuyền, đang sửa lại lưới để dùng ngày hôm sau. Những người đàn ông có lẽ đã đi thăm đồng, có lẽ đang đôn đốc công việc trong nhà, hoặc có khi đang nghĩ đến việc khơi mương cho cá theo nước chảy vào ruộng.

Cũng như tất cả dân quê miền Bắc người dân ở đây rất siêng năng khó chịu, ham công ham việc. Có việc tại dân số miền Bắc quá đông, cuộc sống quá chật vật nên người ta phải vất vả chăm làm.

Có làm thì mới có ăn,

Không đừng ai dễ mang phần tới cho.

Người dân ở đây, sáng dậy từ tinh sương, làm lụng suốt ngày, mãi thật khuya mới đi nghỉ, và việc nọ vừa làm xong, họ làm ngay tới việc khác.

Những người đánh cá ban sáng, sau buổi chài, lại sẵn sóc ngay tới công việc cày cấy của mình, nào tát nước, nào làm cỏ, nào phát bờ. Có nhiều gia đình lại lợi dụng đất gần đầm tiện việc tưới bón để trồng rau. Các thiếu nữ những gia đình này, trừ những buổi chợ, thường ngày luôn ở ruộng rau. Các cô bắt sâu, các cô tưới nước, các cô bón phân, và khi rau ăn được, lại cũng chính các cô cắt rau mang bán. Các cô không nề hà công việc tỉ mỉ hay nặng nhọc. Quần xắn cao, các cô gánh nước đầm lên tưới rau, rồi các cô lại vén tay áo bắt từng con sâu, bón rau từng gốc. Ruộng rau chia làm nhiều luống, mầu rau xanh nổi lên màu đất nâu. Những cây rau ngày một tốt, mầu xanh xanh biến dần sang mầu xanh đậm. Rồi rau trổ hoa. Những luống rau để bán đã cắt dần, những luống rau để giống thì có hoa rồi có hạt. Ngoài công việc trông nom các vườn ra, các cô cũng để ý tới công việc đồng ruộng nữa, vì nguồn lợi chính của gia đình các cô hàng năm là hai vụ gặt.

Các cô cũng như người nhà, theo từng tháng trong năm phải làm công việc ngoài đồng. Nào gieo mạ, cấy lúa, bón phân trồng mầu, gặt hái v.v...

Chiều chiều những ngày mùa xuân, sau khi công việc khác đã vãn, các cô thường cùng lũ trẻ dắt trâu cho gặm cỏ non vườn mình mơn mớn. Đường bờ đầm

quanh co, mười con trâu thủng thỉnh đi bước một hoặc đang cúi đầu gặm những đám cỏ non. Lũ trẻ có đứa đang thổi sáo theo một bài hát cổ tự bao giờ; có đứa dắt trâu lững thững và thỉnh thoảng lại kêu một tiếng “họ” rất dài trước một bãi cỏ non. Các cô gái quê cũng chăn trâu, các cô cũng theo sự vui sướng hồn nhiên của các em bé, nói cười với chúng. Các cô cũng ngồi trên mình trâu hoặc cũng đang bước theo con trâu của mình.

Chăn trâu cũng lắm cái thú. Nhìn con trâu ăn cỏ một cách ngon lành, dưới bầu trời rộng rãi, bên làn nước trắng trong, cạnh những cánh đồng bát ngát, làm sao lòng người ta không rộn ràng say sưa được. Gió nhẹ như đùa mái tóc mây, mùi lúa xanh bốc lên ở cánh đồng chiều ngào ngạt. Ánh mặt trời xuân tía úa ở non Đoài chiếu lan trên đồng rộng tô điểm cho lúa xanh nước trắng. Xa xa chuông chùa thu không, thông thả buông từng tiếng êm dài. Đàn chim chiều bay về tổ hiện rõ trên không trung nổi bật lên nền trời xám đục. Tiếng ca của em bé vang lên:

Ngày xưa Nịnh Thích chăn trâu.

Mà rồi đeo ấn công hầu trâu ơi!

Ngày này lưng ghé ta ngồi

Mai sau ta có một thời hiển vinh?

Bên đám trẻ và các thiếu nữ chăn trâu, có những

cô khác đi cắt cỏ. Lưỡi liềm sắc bén cứa vào cỏ soèn soẹt. Tay trái các cô nắm ngọn cỏ, tay phải các cô đưa liềm đều đều. Các cô xếp cỏ vào đội quang gánh, lớp nọ trên lớp kia. Các cô lom khom trên bãi cỏ xanh, in bóng đen xuống nền cỏ. Có khi các cô hát vài câu. Không xa đấy, bên những thửa ruộng, nông phu đang xẻ mương lấy nước, phát lờ hoặc đang cuốc ruộng màu.

Mặt trời dần khuất. Chàng nông phu ngừng tay, nhìn đàn chim bay về tổ. Chàng thở ra khoan khoái vì kết quả của một ngày vất vả. Bỗng tầm mắt chàng bắt gặp cô cắt cỏ ở trên bờ đầm. Chàng hát ghẹo các cô:

*Mặt trời đã xế về Tây,
Hỡi cô cắt cỏ bên đây bên vơi,
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Để tôi cắt với làm đôi vợ chồng?*

Nghe chàng nông phu hát cô gái có khi mỉm cười, có khi nguýt dài chàng một cái. Cô bảo:

— Sao nhà bác nói dễ nghe thế! Này bác:

*Giàu vàng còn dễ trong cơi
Anh kia đũa mốc chớ tròn mâm son!*

Bị câu nói chanh chua, chàng nông phu mỉm cười, chàng chẳng lạ gì các cô gái làng nữa, các cô khẩu xà tâm Phật. Chàng lại hỏi nói trêu hát ghẹo. Chàng nói:

— Sao nhà chị chua ngoa thế.

Giàu vàng đâu mãi trong cơi,

Sợ mai giàu héo, giàu ơ là giàu!

Trời tối dần dần. Đàn trâu trên bờ đầm lần lượt đi về làng. Các cô cắt cỏ cũng xếp lại quang gánh ra về, và các chàng nông phu cũng vác cuốc trên vai lững thững đi theo các cô trên nẻo đường làng. Vừa đi có chàng vừa tiếp tục nói chuyện dở dang, đem những lời ong bướm trêu cợt người thiếu nữ vừa cùng chàng đối đáp. Trước những lời tròng ghẹo của chàng trai, nhiều khi cô gái đã cự tuyệt một cách tinh tế.

Bao giờ trạch để ngọn đa,

Sáo để dưới nước thì ta lấy mình

Bao giờ rau riếp làm đình

Gỗ lim thái ghém thì mình lấy ta.

Trời tối hẳn, bóng lặn vào bóng tối: bờ đầm, bãi cỏ trở nên vắng vẻ. Mọi người đã về làng, cho đến sáng sớm hôm sau ngoài đồng mới lại có bóng người. Và đầm Vạc, với ánh bình minh, trên bờ dưới nước lại có cảnh hoạt động hàng ngày.

Có làng như làng Khai Quang tuy ở gần đầm Vạc, nhưng không sống về nghề đánh cá. Hoạt động của dân làng này ngoài công việc đồng áng, họ chuyên

việc nặn và nung các đồ sành. Hàng ngày trong khi đàn bà trẻ con ở nhà nặn đồ nung thì có những người đàn ông ra đầm lấy đất sét. Họ rủ nhau từng bọn hai ba người, mang thuyền ra giữa đầm để lấy đất. Đất sét ở đáy đầm Vạc quánh và mềm, dùng trong nghề nung rất tốt, nhưng việc lấy đất rất công phu. Chiếc thuyền gỗ không mui chèo ra giữa đầm được cột chặt vào chiếc sào cắm sâu xuống đáy đầm. Một người ở lại trên thuyền còn mấy người khác chỉ quán mỗi người một chiếc khố lặn xuống nước dí chiếc mai để đào đất. Đất họ xén thành từng tảng vuông. Mỗi lần được một tảng đất, họ lại nhoi lên đưa cho người ở thuyền đỡ lấy, xếp vào khoang thuyền. Người lấy đất lại ngụp xuống và một lát sau họ lại mang một tảng đất khác lên. Từng tảng đất một, họ kiên tâm lấy cho tới chất vừa thuyền họ mới thôi. Những tảng đất xén lấy ở dưới đầm lên còn ướt nước ở bên ngoài, trông như bôi mỡ. Ánh mặt trời chiếu vào nước ngoài óng ánh những tia đỏ chói.

Khi đã lấy đất xong, họ thủng thỉnh bơi thuyền vào bờ. Những tảng đất xén đó, qua bàn tay đàn bà con gái ở nhà, sẽ biến thành chiếc nồi đất màu ngói, chiếc chậu màu da lươn hoặc những chiếc chum màu gạch già.

Những người dân chung quanh đầm Vạc mỗi làng mỗi nghề. Họ quanh năm làm lụng để lo sao cho gia

đình không những đủ tiêu, lại sung túc hơn người. Họ làm việc không quản ngại thời tiết nóng hay lạnh, mưa hay nắng, sớm hay trưa.

Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa,

Sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày.

Đầu năm chí cuối họ làm ăn cần cù chăm chỉ, chỉ giải trí nghỉ ngơi trong dịp Tết và dịp hội. Trong những ngày này thì trai cũng như gái, trẻ cũng như già, đều nghỉ ngơi, để dự hội cũng như để vui chơi. Ngày thường họ quần áo lam lũ thì ngày hôm nay, có bộ quần áo nào đẹp nhất họ mang ra mặc. Họ cũng vui vẻ tươi tỉnh hơn, gặp nhau ở hội, hôn hử chào đón ngợi khen nhau.

Mỗi làng ở quanh đầm Vạc có tục lệ riêng của mình. Làng Tích Sơn thì ngày mồng bốn tháng giêng có tục thi cơm. Các cô gái làng phải lo thổi nồi cơm cho thật dẻo, thật ngon. Các trai làng kén vợ thường kén qua nồi cơm thi các cô thổi cho cha hoặc anh em để trình làng. Ngoài thi cơm còn có thú kéo co, tục chém gà và lễ rước thần từ đền làng đến chân Bàu. Làng Vị Thanh có tục đánh vật có tiếng ở Vĩnh Yên. Các đồ vật làng này đã nắm nhiều giải ở các làng trong tỉnh trong dịp đầu xuân. Làng Động Dao cũng có tục Vật và tổ chức hội làng vào ngày rằm tháng giêng tại chùa Cói, là một ngôi chùa cổ của miền Bắc. Các làng

khác đều có mở hội vào tháng giêng. Hội có rước thần, đánh vật, có đánh cờ. Hội ở mấy xã Ngọc Canh, Hương Canh và Tiên Hường hàng năm mở to lắm. Ba làng này là ba làng giàu nhất ở quanh đầm Vạc, nhiều ruộng, lại có nghề buôn bán rất phát đạt. Hàng năm nước lên, đem màu mỡ vào ruộng, đồng lúa càng thêm tốt.

Quanh đầm Vạc, mỗi xã có mỗi nghề. Ai tới vùng này có lẽ đã được nghe câu đồng dao:

Vị Thanh đánh vật

Đào đất Khai Quang

Làng cánh⁽¹⁾ Tiên Hường

Lắm tiền nhiều ruộng.

Có thể lời đồng dao còn dài, và còn có ghi đến các xã khác, nhưng vì lâu ngày người ta chỉ truyền khẩu được có bốn câu trên; cũng có thể vì các làng khác không được người ta chú ý bởi không có gì đặc sắc, nên không được truyền vào lời đồng dao chăng? Nhưng dù làng đó có tên hay không ở lời đồng dao, thì những người dân quê chịu khó ở quanh đầm Vạc, vẫn suốt đời tận tụy với việc mình. ■

(1) Để chỉ hai xã Ngọc Canh và Hương Canh, tục là làng Cánh.

NGHỀ HÀNG SÁO

*N*ghề hàng sáo chỉ có ở miền Trung và miền Bắc. Ở miền Nam kỹ nghệ xay thóc đã mở mang, người ta dùng máy móc thay cho nhân lực để xay lúa thành gạo, nên không có những người hàng sáo đi đong thóc về xay, giã thành gạo đem bán cho người dùng.

Trên khắp các địa hạt Trung và Bắc, ở đâu cũng có nghề làm hàng sáo, nhưng thịnh hành nhất là ở chung quanh các đô thị. Ở nhà quê, chỉ những người ăn đong mới mua gạo của hàng sáo, còn những nhà có ruộng, thì nhà nào cũng có cối xay, cối giã và thường thường người nhà làm lấy gạo để dùng.

Các xã ở sát các tỉnh lỵ, dân chúng phần đông cũng vẫn theo đuổi nghề nông, nhưng có phần sinh nhai bằng

nghề buôn bán tại các chợ tỉnh lỵ, và một phần nữa làm nghề hàng sáo. Những người đi buôn, cũng như những người làm hàng sáo là những người không có ruộng nương, không thể dựa vào nghề nông để sống và về nuôi gia đình được.

Làm hàng sáo thực ra cũng chỉ là một lối buôn nhỏ của những người ít vốn. Mua thóc về, đem sức mình ra xay giã, dần, sàng, chế biến thóc thành gạo đem bán cho người dùng, lấy công làm lãi.

Nghề hàng sáo là một nghề vất vả, thức đêm dậy hôm, đem bát mồ hôi đổi lấy bát cơm, đem sức lao động đổi lấy một chút lời nhỏ. Đây là nghề của những người không có vốn đi buôn to, không có ruộng nương để cày cấy. Làm hàng sáo thường là đàn bà con gái. chồng con anh em họ chỉ phụ lực giúp thêm.

Thực vậy nhiều gia đình đã có một nghề khác, nhưng vợ con họ vẫn còn rỗi rãi, mà tiền chi tiêu lại không dư dật, nên buộc lòng, các bà nội trợ cũng như các cô gái phải hàng xay hàng sáo để kiếm thêm giúp đỡ cho gia đình.

Phụ nữ làm nghề hàng sáo phải thành thạo. Có thành thạo mới mong có nhiều lời, mới biết tính toán khi mua lúa bán gạo, và cũng cần thành thạo mới đỡ mệt nhọc trong việc làm.

Người làm hàng sáo phải có nơi để đong thóc, cũng như phải có khách để bán gạo.

Không phải người ta muốn mua thóc lúc nào cũng được và muốn ở đâu cũng có. Nếu thóc mua dễ dàng về vụ gặt thì trong những ngày giáp hạt, mua được thóc lại là một sự khó khăn. Phải biết ở làng nào cũng có những người rẻ đong, đắt bán; phải biết ở đâu có những chủ ruộng muốn bán thóc mà rũ nhau tới mới hòng mua được giá hời, mới hòng đong nổi thóc khi không phải là ngày mùa.

Bạn hàng sáo họ đã hiểu những ai có tiền dư thừa thường đong thóc trong ngày mùa giá hạ, để bán ra khi giáp hạt giá cao. Bọn con buôn khôn ngoan và chắc chắn mỗi khi bán thóc họ nghe ngóng giá thị trường để chi bán ra từng ít một, nhưng các bạn hàng sáo không phải là người chịu mua thóc giá cao. Họ là những người sục tìm mua thóc rất giỏi. Họ rủ nhau đi từng bọn năm ba mươi người, đi khắp các làng ở quanh vùng, những điền chủ nào tích trữ được nhiều thóc, họ đều biết rõ.

Có khi học mua ngay ở xã mình, nhưng nếu ở đây chủ thóc muốn bán nhích giá lên, họ tìm đi nhiều làng khác, hết làng này đến làng xa. Hoặc chịu đi xa lắm, họ sục vào trong các ấp, hoặc đi sang các tỉnh khác để đong thóc, cốt sao mua được nơi giá, mới mong kiếm

được chút lời.

Với đôi quang gánh, đôi thúng, cái đấu, từng bọn rủ nhau vào các nhà có thóc, kèo nài xin mua. Tuy nhiên mỗi khi đông thóc, họ đều kén thóc già nằng, quạt kỹ. Thóc già nằng xay đỡ tốn, nghĩa là đỡ có nhiều tấm, thóc quạt kỹ làm gạo đỡ hao. Và mua thóc, họ lấy đấu khảo lại thùng hạt thóc của người bán để tính giá cả. Thùng non họ sẽ xin triết tiền.

Những người làm hàng sáo là những người chịu khó và chịu đựng được mọi sự vất vả vật chất cũng tinh thần. Mua thóc, họ phải mất công đi hàng thoi đường dài dưới nắng rát của mùa hạ cũng như dưới mưa phùn của mùa đông. Thóc mua rồi lại gánh nặng trên vai để trở về, qua một lần nữa những thoi đường thăm thẳm. Ánh nắng ở mặt đường bốc lên, ánh nắng ở trên triều chiếu xuống hoặc gió buốt như cắt lùa qua mặt, hơi giá như đồng bao phủ lấy người, chân đi đất, họ chịu đựng mọi thời tiết không hề phàn nàn. Họ chỉ cần có nơi mua thóc có thóc là họ mừng. Có thóc tức là có công việc, là có ăn.

Còn sự vất vả của họ có nề hà gì. Đã làm nghề thì phải chịu sự nặng nhọc khó khăn của nghề đó.

Vả chẳng, đi mua thóc có bạn, quãng đường xa vui câu chuyện có là bao. Bọn họ trẻ có già có, đứng tuổi

có, con gái có, có cả những bà nội trợ bốn năm con. Các bà xưa kia đã từng ra giấy và dép, đã từng có kẻ hầu người hạ, nhưng:

Đàn bà như hạt mưa sa

Hạt vào bãi cát, hạt ra vườn hồng.

Lấy chồng phải theo hoàn cảnh của chồng, phải sống theo nền nếp nhà chồng, không thể mang cái phong lưu đài các của nhà mình tới được. Phải giúp đỡ chồng, phải gánh vác giang sơn nhà chồng.

Sự làm lụng khiến con người trở nên rần rỏi gòn gàng. Có nhiều người quá chịu thương chịu khó, thân hình không thể nở nang được, đã gây cảm mến giữa bà con bè bạn họ. Và trong bạn bè có ai thương hại hoàn cảnh của họ, ái ngại cho họ vì quá lo tảo tần buôn bán đến nỗi thân hình gầy yếu, họ chỉ mỉm cười hoặc đáp lại qua một giọng nửa như đùa, nửa như thật:

Những người thất đày lưng ong,

Vừa khéo chiều chồng, vừa khéo nuôi con

Những người béo trọc béo tròn

Ăn vụng như chớp, cấu con cả ngày

Phải rồi, thân hình gòn gàng gầy nhỏ thanh thoát chứng tỏ sự khéo léo lo lắng để chiều chồng nuôi con, trái lại sự đầy đà có làm gì, nếu không phải như câu

ca dao trên, nó chỉ tiêu biểu cho mấy cái tính xấu của đàn bà con gái.

Làm hàng sáo không phải chỉ vất vả trong việc đi đong thóc, mà còn vất vả cả trong các công việc khác nữa. Thóc mua được, gánh về nhà, cần phải xay, giã dần sàng cho thành gạo.

Những nhà làm hàng sáo, nhà nào cũng có cối xay, cối giã. Thường thường người ta vẫn có một chái nhà riêng để làm gạo, như thế để tránh bụi bặm của trấu và của cám.

Thóc mua về chính các bà các cô sẽ đổ vào cối xay lấy. Đôi khi chồng con hoặc anh em có rảnh rỗi công việc thì đỡ tay vào.

Thóc đổ vào cối, các bà các cô tận lực mà xay, mặc dầu trời nóng bức. Tiếng cối xay ù ù, đều đều. Hạt thóc được nghiền cho trấu tách ra. Theo đà xay, trấu và gạo chảy xuống một chiếc nia kê ở dưới cối. Để cho quên mệt, đôi khi họ vừa xay thóc vừa hát. Các bà hát lại những câu thường hay ca hồi còn con gái để nhớ lại dĩ vãng tươi đẹp, cũng như để quên hiện tại quá vất vả. Còn các cô, đang độ thanh xuân, trong lòng còn mang bao nhiêu mộng đẹp, các cô vừa hát vừa nghĩ đến tương lai, nghĩ đến ngày nghi gia nghi thất, nghĩ đến một cuộc sống tương xứng tốt đẹp hơn bên một người yêu. Nghề

làm hàng sáo vất vả quá, và cũng chẳng giúp các cô thừa thãi được bao nhiêu. Các cô phải cố dành dụm lắm mới sắm được bộ cánh để mặc trong những ngày hội hè trong những buổi ăn cỗ, hoặc đi chơi cùng chúng bạn.

Nghĩ đến chúng bạn là các cô nghĩ đến những chàng trai đã gặp các cô, và đã nói với các cô những lời dịu ngọt hoặc là những lời nói thẳng, hoặc qua mấy câu hát:

*Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen
Bắt được cho chúng anh xin
Hay là em giữ làm tin trong nhà*

Nhan sắc kiều diễm của các cô gái đã từng được các chàng trai khen ngợi, và nhiều phen các cô đã rung động tơ lòng trước những lời ca tụng của các chàng:

*Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau
Miệng cười như thể hoa ngâu
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen*

Những lời khéo léo ấy, các cô quên làm sao được. Lòng thơ ngây của các cô tránh sao khỏi băng khuâng. Lại còn những lời khen rất ý nhị, đã từng làm các cô

vô cùng sung sướng.

*Trúc xinh trúc mọc đầu đình
Em xinh em đứng một mình cũng xinh
Trúc xinh trúc mọc bờ ao
Em xinh em đứng nơi nào cũng xinh*

Có những khi các cô đi đóng thóc qua lối ngõ nhà chàng, đã từng được chàng mời khéo dừng chân:

*Đầu làng có một cây đa
Cuối làng cây cậy ngã ba cây dừa
Dù em đi sớm về trưa
Xin em hãy nghỉ bóng mát cây dừa nhà anh.*

Theo dòng tâm tưởng của các cô, chiếc tràng cối vẫn đều đều đưa chiếc thớt cối xay ù ù. Cô hát nhắc lại những câu hát mình đã được nghe, và cô mơ mộng vẫn vợ, cho đến khi cối thóc xay xong.

Thóc xay xong, phải lo tới việc sàng để tách cho trấu rời khỏi gạo. Công việc không nặng nhọc nhưng cần sự khéo léo. Phải làm sao trong gạo không còn lẫn trấu nữa. Công việc này, vì phải làm hàng ngày nên các bà các cô quen tay làm rất gọn gàng.

Gạo đã dần rồi, còn phải giã trắng, chõ trấu, đừng tưởng là bỏ đi đâu. Trấu sẽ được dùng để hầm cám lợn, trải chuồng lợn. Gia đình nào làm hàng sáo cũng đều

nuôi lợn. Họ nuôi bằng cám giã ở gạo ra. Nuôi lợn tức là để dành một cái vốn.

Việc giã gạo thường làm về buổi tối, sau khi mọi công việc hàng ngày đã xong. Buổi tối những cặp vợ chồng trẻ cùng giã gạo, hoặc các cô gái thì sẽ có các chị em hoặc anh em giúp đỡ.

Ban ngày các cô hàng sáo còn nhiều việc khác. Đi mua thóc về, xay thóc, dẫn gạo là những công việc các cô phải làm đã đành, nhưng các cô còn phải làm cả những công việc ngoài phạm vi chuyển thóc thành gạo nữa. Các cô phải đi lấy bèo, phải hầm cám lợn và phải cho lợn ăn. Người nhà sẽ giúp đỡ các cô một vài việc, nhưng chính các cô phải săn sóc lấy những công việc đó.

Có thể nói nuôi lợn cũng là ở trong khuôn khổ hàng sáo, vì chính làm hàng sáo, có tấm cám thừa mới dùng để nuôi lợn và tiền bán lợn sẽ giúp thêm vốn để mua thóc để dành dùng làm gạo trong những hôm không có nơi bán thóc.

Nếu làm hàng sáo vất vả, thì nuôi lợn cũng không phải là công việc nhẹ nhàng. Phải đi cắt rong, phải đi hốt bèo, dù trời nóng hay rét. Ta hãy tưởng tượng những hôm gió rét căm căm, nước lạnh như băng, mà các cô thiếu nữ vẫn quần vén tới ngang bẹn, lội xuống

nước để vớt rong, vớt bèo! Bầu trời mùa đông lại sấm sập như muốn sụp, có khi lại điểm mười hạt mưa phùn, khiến cái lạnh lại càng lạnh buốt! Ấy thế mà các cô thiếu nữ vẫn vui vẻ hót bèo, vui vẻ vớt rong để lấy các thức ăn cho lợn! Trời lạnh ư? Các cô bịt chiếc khăn mỏ quạ cho kín tai, sẽ thấy bớt lạnh. Gió buốt ư? Các cô xây lưng lại chiều gió, tránh cho gió thổi tạt vào mặt! Vả chẳng khi người ta vui với việc làm thì ngoại cảnh có chi là đáng kể. Người ta chỉ cần nghĩ đến đàn lợn ngày một lớn, chúng đang ủ ủ kêu ở nhà là người ta vội vàng vớt cho đầy gánh bèo, cắt cho đầy rổ rong! Rong đó, bèo đó, người ta còn phải băm, còn phải hầm với cám! Bây giờ ở ngoài ao, ngoài sông tuy lạnh nhưng lát nữa vào bếp sẽ sưởi ấm bằng hơi lửa của trấu bốc lên! Khói nghi ngút bốc ra ở nồi cám lợn hầm càng làm cho lòng người ta thêm ấm hơn!

Vì tất cả đấy sẽ là cái vốn để dành. Có thể lợn sẽ bán vào dịp tết, tiền bán lợn sẽ giúp cho cái tết của gia đình thêm to, nồi bánh chưng thêm đầy, sân thêm nhiều xác pháo, các cô cũng như các em sẽ có nhiều bộ quần áo mới để thưởng xuân. Và các ông chồng sẽ cũng nhờ món tiền bán lợn mà có vài lưng vốn để khai xuân.

Bao nhiêu sự nặng nhọc, những người làm hàng sáo đều chịu đựng được hết. Họ chỉ nghĩ đến cái vui của

chồng, nỗi sung sướng của con, hay nếu họ là các cô gái, họ chỉ nghĩ đến sự sung túc của gia đình, nghĩ đến cái hân hoan của cha anh và nghĩ đến bộ cánh của mình trong những dịp hội, dịp xuân là họ càng chịu khó hơn.

Đã bao nhiêu đêm họ phải thức khuya để giã gạo để sàng gạo mà không biết mỏi. Đã bao nhiêu sáng, họ phải dậy sớm để đi bán gạo, để đi đóng thóc mà không biết mệt.

Giã gạo, họ đếm từng chầy, mong cho gạo chóng trắng. Việc giã gạo nhọc nhất trong nghề làm hàng sao, nhưng trong công việc này, họ vẫn được người nhà giúp đỡ thêm, vì mọi người trong gia đình thừa rõ, sức một người phải gắng lắm mới có thể dặm nổi cần cối, và như vậy mỏ cối không rơi xuống mạnh, gạo sẽ lâu trắng.

Trong khi giã gạo, nhiều khi theo sự lựa chọn của khách hàng, các bà cô hàng sáo thường hồ cho gạo được trắng xanh bằng cách giã lẫn một chút lá cây vào gạo.

Gạo giã xong, các bà các cô phải sàng để cám và tấm tách riêng khỏi gạo.

Gạo sẽ đem bán, cám dùng cho lợn ăn, còn tấm sẽ dùng để thổi cơm để các bà cô ăn. Cơm tấm no lâu, sẽ giúp các bà đi chợ đường xa quên mỏi, và ăn cơm tấm

đó, các bà các cô cũng lại đã tiết kiệm được một món tiền nhỏ cho quỹ gia đình. Cơm gạo ngon, các bà dành cho chồng con xơi, còn tự các bà, bao giờ các bà cũng tự hy sinh ăn cơm tấm. Chồng con có thương hại, bảo các bà cùng ăn cơm gạo ngon, các bà chỉ cười. Có khi các bà nói:

— Tấm cũng là gạo chứ sao! Bỏ đi hay cho lợn ăn phí quá.

Công việc làm hàng sáo bận quanh năm, nhưng các bà các cô vẫn vui vẻ với nghề quên mệt nhọc. Hai thúng gạo đầy, hàng ngày gánh đi chợ bán, đó là một phần thưởng đích đáng của mọi sự vất vả. Vả lại có vất vả mới có tiền, gia đình mới vui vẻ, con trẻ mới có cơm ăn áo mặc! Ở đời ai chẳng phải làm, không theo nghề này tất phải làm nghề khác.

Và những ai hàng ngày bưng bát cơm đầy, hạt cơm trắng và dẻo, mùi cơm thơm và dịu, có bao giờ đã chịu nghĩ tới những sự vất vả của nghề hàng sáo không?

Ai ơi bưng bát cơm đầy

Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần!

Nhưng đắng cay thì mặc đắng cay, hết vất vả sẽ có lúc nghỉ ngơi, sự nghỉ ngơi đó mới đáng quý.

Vất vả có lúc thanh nhàn

Không đừng ai dễ cầm tù che cho!

Quanh năm vất vả nhưng đến những ngày hội và những ngày tết họ sẽ nghỉ ngơi, vui chơi cho thỏa thích những khi làm lụng. Họ sẽ leo đu, họ sẽ đi chùa lễ Phật, họ sẽ dự những cuộc hát quan họ, họ hát ví hay hát đúm, tùy theo từng hội của từng vùng. Họ cũng rủ năm ba chị em cùng đi, như khi đi đong thóc, nhưng những hôm nay là những hôm họ thông thả thanh nhàn, áo tứ thân khép nép, họ đeo hoa vàng, sà tích bạc, họ cố làm cho thân hình thêm duyên dáng, cử chỉ thêm dịu dàng. Họ nói đùa với nhau, họ gán ghép cho nhau những chàng trai làng hoặc trai thiên hạ!

Nhưng ngày hội xong, ngày tết đến, họ lại trở lại cuộc đời cần cù vất vả như mọi sự hy sinh của người phụ nữ Việt Nam. ■

TRỒNG DÂU CHẴN TẦM

Nếu chúng ta có dịp xuôi theo giòng nước trên các sông miền Bắc, từ sông Đuống đến sông Cầu, từ sông Nhuệ đến sông Thương, chúng ta sẽ phải chú ý tới cảnh những ruộng dâu ở hai bên bờ ven sông. Nếu phong cảnh hai bên bờ của mỗi giòng sông được thay đổi bởi núi cao rừng rậm ở miền thượng du, thì khi dòng sông chảy tới Trung du, ăn về đồng bằng những cánh núi rừng cao rậm, và nhất là ruộng dâu. Ruộng dâu có nhiều về mạn Trung du hơn. Có lẽ đất nửa núi nửa sông ở mạn này hợp với cây dâu, và khí hậu ở nơi này cũng thuận tiện với nghề tầm nang nhiều.

Nông tang là hai nghề cốt cán của những xứ nông nghiệp nhất là những xứ kém mở mang về kỹ nghệ như

nước ta. Người dân quê Việt Nam, trăm người như một đã thạo nghề nông họ lại biết cả nghề tầm nang nữa.

Sách có câu: “*Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn,*” thì người dân quê Việt Nam, nhất là ở miền Bắc, khi đã lo đến đói, tất nhiên họ phải phòng tới rét. Bởi thế cho nên, muốn có ăn họ cấy lúa cày ruộng, và muốn có mặc họ phải trồng dâu chăm tằm.

Trồng dâu chăn tằm liên quan rất nhiều tới đời sống hàng ngày của người dân, nên ruộng dâu và guồng tơ đối với họ cũng quý giá như đồng lúa và bịch thóc.

Người dân quê sống giữa ruộng dâu, cũng như bên ruộng lúa, cạnh lạch nước, trên đám đậu, nương khoai:

*Nhà em ở dưới đám mây,
Thân trên đám đậu, đầu cầu ngó qua
Ngó qua nhà trống bên sông
Thấy con bìm bịp khăn hồng quay tơ.*

Dâu trồng bằng cành. Người trồng dâu, đốn cành ở cây dâu khác, dăm xuống đất, những cành đó nảy mầm, bén rễ, rồi mọc cây.

Mỗi năm dâu phải đốn hai lần để chặt hết những cành già, thân cỗi, cho những mầm non mọc lên, nảy ra nhiều chồi nhiều lá. Lá dâu xanh um, trông mơn mớn như lụa nõn. Lá dâu hái để nuôi tằm lấy tơ.

Vườn dâu xanh ngắt, liên tiếp nhau ở cạnh bờ sông,

đón tia nắng sớm, hứng ánh sương đêm, hút hơi ẩm bốc từ mặt sông khiến lá dâu thêm tốt, tằm ăn sẽ đượm tơ.

Du khách xuôi dòng sông chỉ thấy những ruộng dâu bát ngát, xanh xanh rồi lại xanh xanh. Giá có những buổi tiễn đưa chắc người đi kẻ ở sẽ:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Chỉ xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.*

Bao nhiêu dâu xanh là bấy nhiêu tiền bạc của người dân. Người trồng dâu mong lá dâu tốt *cho tằm hơn tơ*.

Thường thường hái dâu chăn tằm là công việc của phụ nữ. Chỉ phụ nữ mới có đức tính chịu khó, nhẫn nại cần cù để theo dõi việc nuôi tằm, bận rộn và vất vả hơn nuôi con mọn. Người nuôi tằm tùy theo số tằm đang gây, đã ăn ngủ mấy lượt, phải đi dặm mua dâu từ trước. Họ đến từng chủ các vườn dâu đặt tiền mua lá dâu sắp tới, và khi cần đến họ mới cắt người đi hái dâu.

Trồng dâu ở ven bờ sông, nhưng người ta trồng cả trong vườn nữa. Một vườn dâu, một năm bán được nhiều lứa. Loạt lá đầu hái đi, vài tháng sau, hạt lá dâu khác đã mọc lên, cũng xanh nõn rậm rạp như lứa trước.

Đi hái dâu, các cô thường rủ vài ba người, như thế để vườn dâu nào đã hái thì hái xong hẳn, và công việc

làm có bạn bao giờ cũng nhanh chóng nhẹ nhàng hơn.

Vườn dâu xanh xanh, ánh nắng bình minh tía chói, những hạt sương sớm lóng lánh như muôn ngàn hạt trai trên những lá dâu. Con gió nhẹ làm rung cành lá, để bóng các cô hái thấp thoáng hiện ra như những nàng tiên trong vườn. Má các cô ửng hồng dưới nắng mai, môi các cô thắm, mắt các cô trong. Chiếc khăn mỏ quạ để lộ khuôn mặt trái xoan xin xắn. Các cô cười có hai hàm răng đều như hai hạt lựu và đen nhúc như hạt na già. Tay các cô thoăn thoắt đưa ngắt những lá dâu. Cành dâu lay động theo ngón tay cô hái lá. Mỗi khi các cô vít cành cây dâu cao lại làm rung rinh cả bụi dâu, khiến những hạt sương rơi lả tả. Gió sớm như muốn vờn vài sợi tóc của các cô phơ phất ngoài nếp khăn. Những con bướm đậu trong đám lá khi thấy động bay vụt ra và là lượn quanh khóm dâu trước khi đậu vào một cành khác. Vài con chim khuyên líu lo hót ở một bụi xa xa. Mây trên trời giăng hàng lững thững. Tia nắng mặt trời tỏa từ thấp lên cao. Giòng sông bên cạnh vườn dâu chảy lững lờ. Vài con thuyền đủng đỉnh trôi theo dòng nước.

Các cô ham với công việc. Mỗi lá dâu các cô hái đều là món ăn của tằm, và mỗi con tằm sẽ nhả tơ kết kén, kéo kén dệt lụa, các cô sẽ có những chiếc áo đẹp.

Em đi hái dâu

Lá dâu xanh xanh,

Nuôi tằm dệt áo dăng anh chờ ngày

Trúc mai có đó có đây

Có tay nguyệt lão buộc giây tơ hồng.

Vừa hái dâu các cô vừa nghĩ đến công việc chăn tằm ươm tơ. Lá dâu xanh xanh, tằm ăn dâu, tằm nhả kén vàng, kéo ra tơ nõn. Các cô cùng trò chuyện, nào truyện làm ăn, nào truyện làng trên xã dưới, nào lứa kén này được, lứa kén kia hỏng. Các cô làm quên mỗi. Đôi bàn tay trắng muốt đưa đi trên đám dâu xanh. Hết nhánh dâu này các cô hái sang cành dâu khác, hết khóm dâu này, các cô tới nhóm dâu kia. Bao giờ cho lá dâu đầy dành đầy giỏ các cô mới rủ nhau ra về.

Có khi các cô hát cùng nhau vài câu để quên mệt. Giọng các cô vút trên ngàn lá, văng vẳng xa đưa, lan trên giòng sông. Có những câu hát tâm tình, có những câu hát cổ tích có những câu ca dao dịu dàng và cũng có những câu hát khôi hài ý nhị. Một cô hát lên, vài ba cô hát đáp, vườn dâu như trở nên linh hoạt hơn. Rồi có tiếng cười hồn nhiên xen vào vài câu chuyện vui vẻ.

Dâu hái về để nguyên cả lá cho tằm ăn, hoặc phải thái nhỏ từ khi tằm mới nở cho tới khi đã ngũ ba. Tằm có khi ăn khi ngủ. Lúc tằm nhỏ, phải cho ăn đầy bữa,

và lá dâu phải thái thật nhỏ. Tầm lớn dần thì dâu thái bớt nhỏ đi; đến khi tầm ăn rồi tức là lúc tầm sắp chín, có thể cho tầm ăn cả lá dâu. Nuôi tầm lúc tầm nhỏ tuy vất vả nhưng không phải chạy dâu, nhưng lúc tầm lớn, phải có sẵn dâu, không thể để tầm thiếu ăn được.

Một bát trứng tầm nở ra, lúc nhỏ chỉ để trong một cái mẹt, rồi theo với sức lớn của tầm phải chuyển sang một chiếc nia, một chiếc nong rồi nhiều chiếc nong. Một nong tầm khi chín, số kén sẽ được nhiều nong:

*Một nong tầm là năm nong kén,
Một nong kén là chín nén tơ,
Công em trăm đợi nghìn chờ
Mà anh rút chỉ guồng tơ cho đành.*

Nuôi tầm rất khó khăn, phải che nắng che gió, phải phòng nóng, phòng lạnh. Trời đang tự nhiên, nếu chuyển gió tây, tầm sẽ bị hỏng. Có thể tầm mắc bệnh nghệ, nghĩa là hoàn toàn con tầm vàng như nghệ, hoặc mắc bệnh ung, nghĩa là thân con tầm mọng như nước mà chết.

*Lạy giờ đừng chuyển gió tây,
Lúa tầm em đã đến ngày nhả tơ.*

Tầm đã ăn rồi nghĩa là tầm sắp chín. Lúc này là lúc rất cần nhiều dâu cho tầm ăn, khi kéo kén, thân kén

sẽ mỏng, ương kén sẽ thiệt tơ. Lúc này là lúc bao nhiêu vườn dâu đặt trước, người nhà phải chia nhau đi hái để đủ cho tầm ăn. Như vậy tầm mới đầy kén, và được tơ.

Phương ngôn có câu “*ăn như tầm ăn rồi*” để chỉ sự ăn nhiều, ăn nhanh, ăn bổ bã, thật là đúng. Tầm cắn vào lá dâu sào sạo. Lướt dâu vừa vút vào nong tầm, không mấy chốc đã hết veo, lại phải vút luôn lướt dâu khác. Thân những con tầm trông óng ánh mong những tơ. Người nuôi tầm đã phải vất vả, nhưng nhìn đến kết quả người ta càng chịu khó hơn.

Các cô gái chia lướt nhau đi hái dâu và săn sóc cho tầm ăn. Người nhà cũng phải ngừng nhiều công việc khác để ý giúp đỡ vào lứa tầm. Rồi đến lúc tầm chín. Trong nong vài con tầm nhả tơ cuộn kén. Bấy giờ là lúc phải cho tầm lên né.

Chiếc né tầm giống như một vĩ lớn bằng chiếc nong, đan bằng tre hoặc nứa. Ở các mắt chiếc vĩ lớn này, có ken rơm. Những con tầm chín được nhặt từ nong đặt lên trên né, bám vào những cụm rơm để làm kén.

Cảnh bắt tầm chín đặt lên né trông rất linh động. Ở những chiếc nong to, tầm còn đang ăn, người ta chọn những con nào đã bắt đầu nhả tơ kéo kén, để trên né. Một dãy nong dài đầy tầm, lẫn lá dâu đặt trên mặt đất. Vài cô thiếu nữ tiếp tục vút dâu cho tầm ăn. Bà nội trợ

và vài bà già nữa lựa tầm mang lên né. Lũ trẻ con chạy quanh, bí bô chỉ chỗ, nhưng hình chúng chia vui với kết quả tốt đẹp của lựa tầm sẽ mang lợi cho gia đình.

Một giầy né treo theo xà nhà, chừng hai chục chiếc, song song cùng nhau khế lác lư theo sự đụng chạm của người đặt tầm vào né. Những com tầm bám vào cụm rơm, cuộn tổ. Đầu tiên là những chiếc kén vàng mờ mờ, thấy rõ con tầm qua lượt tơ vàng óng ánh. Rồi chiếc kén đầy dần, hình con tầm không còn lờ mờ qua lượt tơ nữa. Những chiếc kén vàng ánh nằm bên nhau, phủ lên chiếc né. Thật là trông cây đến ngày ăn quả. Người ta sung sướng nhìn những ổ kén đậm tơ vàng.

Tầm đã lên né hết, và trên né, mỗi con tầm đều là cuốn kén. Người ta bắt đầu gỡ kén để vào nong. Người ta khe khẽ nhặt từng chiếc kén một khỏi cụm rơm để xuống nong. Những chiếc kén dày tơ nhặt trước, và những con tầm bám trên né tiếp tục nhả tơ kéo cho xong chiếc kén của mình.

Những nong kén đầy, màu vàng óng ánh. Mùi tơ thơm thơm. Từng nong kén một, người ta xếp lên cũi tầm mằm, thay cho những nong tầm mằm không còn nữa. *Mỗi nong kén là chín nén tơ*, và mỗi nén vài con tầm yếu không kéo tơ nổi, bị rơi xuống đất.

Một lựa tầm xong, người ta như trút xong một gánh

nặng. Bao nhiêu là vất vả, bao nhiêu là sự săn sóc, bao nhiêu công trình. Nào thức đêm, nào dãi dầu mưa nắng để hái dâu. Những nong kén đã xếp lên cũi tầm, lứa tầm mới thật là xong.

Từ nay người ta có thể nghỉ vài bữa để lấy sức và người nhà phải phục dịch khi tầm chín, nay có thể quay lại công việc cũ của mình.

Số kén thu hoạch được, người ta có khi đem bán cả, và sau vài ngày nghỉ lại tiếp tục nuôi lứa tầm mới. Mọi công việc hái dâu, thái dâu cho tầm ăn, lo tầm ngủ lại bắt đầu. Cũng có khi người ta chỉ bán một phần kén, người ta để lại một số để ươm tơ dệt lụa.

Kén cho vào nồi nước sôi, rút cho những sợi tơ gốc và sau đó cho vào guồng ươm để quay lấy tơ nồn. Chỗ tơ gốc kéo ra, lại phải cho vào guồng tơ để quay thành từng con tơ, tiện cho việc dệt lụa nái, đũi hoặc sợi. Còn chỗ tơ nồn sẽ dệt ra lụa nồn.

Thường thường những người trồng dâu chăn tầm không tự ươm lấy tơ, nhưng những khi cần có áo quần mặc, họ cũng đành lấy một số kén nhỏ để tự ươm kén kéo tơ. Xưa kia, họ thường guồng tơ về đêm. Trong những lúc phụ nữ guồng tơ thì các ông chồng đọc sách, ngâm thơ:

*Sáng trăng giải chiếu hai hàng.
Cho anh đọc sách cho nàng quay tơ.
Quay tơ phải giữ mối tơ
Dù dăm bảy mối vẫn chờ mối anh.*

Thật là một cảnh nên thơ. Chàng ngồi đọc sách, nghĩ tới ngày *võng anh đi trước, võng nàng đi sau*, trong khi nàng guồng tơ đều tay, sợi tơ theo đà tay cuốn lên chiếc guồng quay lạch cạch một nhịp đều đều. Ngọn đèn le lói như soi tỏ sự cố gắng của đôi người. Chàng lo làm sao cho kinh sử lầu thông, một ngày kia danh chiếm bảng vàng, trước là bỏ công đèn sách, sau là báo đền công sinh dưỡng của cha mẹ, và sau nữa là làm vinh dự cho người vợ cần cù, nuôi chồng ăn học, mãi đêm lo ngày với chiếc guồng tơ, với nông tằm chín, với bao nhiêu sự vất vả nhọc nhằn. Nghĩ đến ngày vinh qui bái tổ, làng nước mừng, họ hàng khen, chàng càng cao giọng đọc sách.

Còn nàng cố công lo làm ăn, guồng tơ cho đều tay, dệt những tấm lụa nồn. Lụa sẽ may áo cho chồng, lụa sẽ đem bán, thêm tiền cho chồng kinh sử. Có phút nào nhàn, nàng lại lo việc thuê thửa may vá, như suốt từ thời con gái.

*Gái thì giữ việc trong nhà
Khi vào canh củi khi ra gieo thùa
Trai thì đọc sách ngâm thơ,
Dùi mài kinh sử để chờ dịp khoa
Mai sau nối được nghiệp nhà
Trước là đẹp mặt sau là ấm thân.*

Cái thời xưa đã qua, nay không còn nữa. Không còn câu chuyện:

*Trai thì đi học đỗ ba khoa liền
Khoa trước thì đỗ trạng nguyên
Khoa sau tiến sĩ đỗ liền ba khoa
Vinh qui bá tử về nhà
Ăn mừng hai họ đủ ba tháng tày
Hàng phủ, hàng huyện đông tây
Rủ mừng quan Trạng tới ngày hiển vinh.*

Những người dân quê miền Bắc dù xưa hay nay, bản tính vẫn không bao giờ thay đổi. Đàn ông thì ham học, phụ nữ ham làm. Nam nữ đều lo tới bốn phận của mình. Những bản tính thuần chất Việt Nam mặc mọi cuộc biến thiên vẫn tồn tại với xứ sở. Người dân quê vẫn trồng dâu chăm tằm, giồng tơ dệt lụa, vẫn có mối tình thắm thiết với xứ sở, cái mối tình nó đã làm cho dân tộc Việt Nam được trường tồn. ■

HƯƠNG LÚA TỈNH NAM

Nam Định xưa kia thuộc trấn Sơn Nam Hạ, đất rộng người đông, một năm hai vụ lúa chiêm. Ở đây dân tình thuần hậu người chăm chú lo sự làm ăn. Những cánh đồng thẳng cánh cò bay, lan rộng tới mãi chân trời, giòng sông Vị, giải sông Hồng lượn quanh giữa đám ruộng màu mỡ, làm cho đất cát thêm phì nhiêu, lúa thêm xanh, và phong cảnh thêm cảnh tú. Non Côi cao sừng sững hiên ngang như muốn kiểm soát một cõi sơn hà. Xa xa mờ mờ phía chân trời tây, dãy núi Hoành Sơn giống như một bức bình phong muôn vẻ che chở cho ruộng đồng bát ngát. Giữa cánh đồng mạ mơn mớn màu tơ nõn, nước trắng xóa, những làng mạc ẩn trong lũy tre; nổi bật lên những ngôi chùa sau các lũy tre những làn khói lam từ từ bốc lên cao và tỏa ra màu

trắng đục, biến lẫn với mây trên không trung đang nhẹ nhàng bay thành từng dải theo gió vắt ngang trời.

Những lúc trời sâm sẩm tối, mặt trời đã xế, không gian mờ mờ tím, bốn bề vắng vẻ phẳng lặng, phong cảnh đồng quê tỉnh Nam được một vẻ buồn man mác. Phảng phất từ ruộng lúa bốc lên, một mùi nhạt nhạt của mạ non, hoặc mùi thơm thoang thoảng của lúa đồng đồng mới trổ, tùy theo với ngày tháng trong năm. Lững thững trên bờ ruộng, bóng đen của vài nông phu vai cày, vai cuốc dắt trâu về làng. Im lặng và tịch mịch. Lưng trời vài con vạc bắt đầu đi kiếm ăn kêu mấy tiếng dài gọi đêm trường nghe buồn mênh mông.

Cũng như phong cảnh trầm lặng, người dân tỉnh Nam trầm lặng ít nói. Họ mộc mạc đơn sơ. Quanh năm áo nâu sồng màu của đồng đất, họ chỉ quan tâm đến đồng đất. Đàn ông thì quần nâu, áo nâu, còn đàn bà cũng vẫn màu nâu ấy, nhưng đáng lẽ họ trang điểm cho màu nâu thêm tươi tắn bằng một đôi yếm lụa mờ gà hay cánh sen như phụ nữ các tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây thì ở đây, với chiếc thắt lưng tím họ đã làm cho y phục màu nâu của họ càng tối sẫm và tẻ ngắt.

Họ quanh năm lam lũ làm ăn, hướng tinh thần vào đồng ruộng. Hương lúa thơm phức tỏa lên khi vụ chiêm tới dưới nắng oi ả của trời tháng năm là tất cả mọi phần

thưởng và mọi niềm an ủi của những công lao khó nhọc của họ.

Thực vậy người dân tỉnh Nam, giống như hầu hết các dân quê khác thuộc các vùng đồng chiêm xứ Bắc, rất chịu khó cực nhọc và mất rất nhiều công lao cho đồng ruộng của mình.

Ruộng chiêm hàng năm ra ngoài vụ tháng năm, nước ngập trắng xóa bát ngát. Làng mạc biến thành những cù lao xanh biếc, và giữa làn nước bạc, thỉnh thoảng một vài con đường làng đắp cao, nổi màu tro nhạt, đi ngoằn ngoèo từ xã nọ tới xã kia. Những cô lái đò đồng chiêm với chiếc thuyền nan bồng bênh chở khách từ nơi này đến chốn khác. Đôi khi ngọn gió đồng thổi làm chiếc thuyền chập chờn quay mũi, những con sóng động làm bật nước vào mạn thuyền tung bọt trắng xóa. Con gió mạnh qua, mặt nước đồng lại lặn tăn gợn những làn sóng nhỏ, và chiếc thuyền nan lại nhẹ nhẹ đề mặt nước theo đà của con sào hoặc của chiếc bơi chèo.

Bên những con đường làng uốn khúc, những thửa ruộng ngập nước, một vài người nông phu theo với tình trạng của cánh đồng đã biến thành những ngư phủ đang dậm lưới, úp nơm để kiếm chút cá vụn. Thỉnh thoảng một vài con cá nhỏ quẫy mình trắng như bạc óng ánh

dưới trời hè. Vài phụ nữ, váy xoắn cao, khăn bịt đầu thật chèn đang lom khom mò cá bắt cua ở gần đây.

Canh nước lớn kéo dài cho tới tháng tám. Bấy giờ mùa mưa ngâu đã qua, mùa lụt đã khỏi, nước đồng ngấm dần xuống đất hoặc chảy dần ra sông, người dân quê vùng Nam Định mới lo tính đến chuyện cày cấy vụ chiêm.

Làm mùa chiêm rất vất vả nặng nhọc. Ruộng đồng phải cày bừa vào lúc bắt đầu hanh, chân tay thường bị nẻ khô, cấy lúa vào lúc nắng hè oi ả và gay gắt nhất. Đồng lúa chiêm lại lắm đĩa, nhất là vụ gặt, mùa mưa rào đã bắt đầu, đồng ruộng đã chớm nước, loài đĩa càng sinh sản nhiều. Thật là tổn công vậy! Nhưng đã gọi là con nhà nông, chỉ biết có hương thơm của lúa, công việc dù mệt nhọc có sá gì. Chỉ cầu sao cho mưa nắng phải thì đúng độ, lúa trở bông đúng kỳ gặt hái là người nông phu sung sướng.

*Ơn trời mưa nắng phải thì
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu
Công lênh chắn quản lâu lâu
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng
Xin ai đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.*

Phải một tấc đất bỏ không là bỏ phí mỗi năm một

số thóc, cho nên tấc đất là tấc vàng. Người làm ruộng không bao giờ chịu bỏ đất hoang, dù đất đó khô rần, dù sự cày bừa vất vả nhưng nghĩ đến hạt cơm trắng với mùi thơm dịu dịu, người ta có thể quên được những buổi cày cấy dưới nắng chang chang với mồ hôi nhễ nhại:

Cây đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày,

Ai ơi bưng bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần!

Người nông phu không quản nắng mưa, cam chịu đắng cay để sôi đất, bừa ruộng, cày luống, gieo hẫu mai sau người người có bát cơm dẻo là lòng hân hoan. Người nông phu không kể chi mình, chỉ trông đến kết quả của công việc mình làm, có ích cho đồng bào là hài lòng. Tuy nhiên, vất vả phần mình chịu đã đành, lại còn con trâu, người bạn mưa nắng cũng phải chịu dầu dãi mưa như mình. Mà làm ruộng, phải có con trâu! Phải săn sóc con trâu, đủ rơm đủ cỏ để trâu có sức mới giúp đỡ người trong việc cày bừa nặng nhọc! Người nông phu thường trù mẩn con trâu không kém một người bạn quý, và thường an ủi trâu với những lời lẽ rất dịu dàng.

*Trâu ơi, ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công!
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì con ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Ruộng đã cày bữa xong, đất để cho ải, trước khi tát nước vào làm vụ cấy.

Thóc giống gieo trên ruộng mạ sâm sấp nước. Thóc nảy mầm, những cây mạ non mọc lên như tơ nõn. Ngọn mạ lăn tăn trước gió lạnh của trời đông. Những ruộng mạ trông như tấm thảm xanh, chỗ thưa chỗ dày, chỗ đậm chỗ nhạt. Vào giữa khoảng tháng một, mạ đã mọc cao chừng ba tấc. Bấy giờ người ta nhổ mạ, bó thành từng bó, sén bớt đầu lá để cấy lại trên ruộng lúa. Người ta tát nước vào những thửa ruộng này cho dễ dàng việc cấy.

Trời lạnh, nước cạn, công việc tát nước rất tốn công. Nếu về vụ hè, cánh đồng chiêm mênh mông những nước thì giờ đây, khi cần tới nước lại khan hiếm, phải tát từ những mương rất xa, nhiều khi phải cho nước chảy qua bốn thửa ruộng khác mới tới thửa ruộng của mình.

Nước ở những mương này có năm rất cạn, chỉ dâng

cao theo với ngọn thủy triều. Người dân quê đồng Nam phải chờ nước triều lên, rửa nhau tát nước họ gọi là đi *cướp nước ngọn triều*. Những ruộng cao tát nước bằng gầu dai, còn ở các ruộng thấp phải dùng gầu sòng.

Ruộng cao sắm một gầu dai,

Ruộng thấp thì phải sắm hai gầu sòng.

Ruộng đã có nước, việc cấy lúa bắt đầu. Các cô thôn nữ lại cùng nhau quẩy ra đồng những bó mạ, cách đây mấy hôm các cô vừa nhổ ở ruộng mạ mang về, những bó mạ xinh xinh như những đứa trẻ lên ba thất lừng con cón.

Vừa bằng thằng bé lên ba,

Thất lừng con cón chạy ra ngoài đồng.

Việc cấy lúa chiêm rất vất vả. Trời đang giữa mùa đông gió lạnh, nước đang giá! Thế mà các thiếu nữ đồng quê không quản chi gió bắc mưa phùn, cùng nhau làm việc ở dưới ruộng, nước ngập trên mắt cá chân. Các cô cũng rét, nhưng các cô phải vui vẻ với việc làm. Đầu các cô chít khăn mỏ quạ che kín hết hai tai cho tới cằm, và muốn cho được ấm thêm, các cô lại buộc một chiếc lạt ở ngoài khăn, theo nếp vấn đầu để giữ lấy hơi nóng. Các cô mặc áo ấm, phần nhiều là áo bông. Bước xuống ruộng vấy phải xắn cao, và để tà váy đằng trước

cũng phủ đằng sau khỏi kéo lê trên mặt nước, các cô lấy lạt buộc thắt lại.

Gió đông lạnh buốt làm má các cô ửng hồng, hai hàm răng các cô run rẩy cắn chặt lấy nhau. Các cô vẫn cam đảm làm việc mặc trời giá rét.

Ba bốn cô cấy một thửa ruộng. Những bó mạ đặt ngay ở giữa ruộng. Các cô cởi mở bó mạ ra, tay cầm từng nắm nhỏ, cấy từ bờ ruộng này tới bờ ruộng kia. Các cô cúi lom khom, thoăn thoắt đưa tay cắm những cây mạ xuống ruộng. Các cô vừa cấy lúa vừa lùi, cứ theo bước chân các cô lùi nhưng hàng mạ được cấy lên. Các cô mải mê với công việc, chỉ ham làm, quên cả chuyện trò với nhau. Trời lấm tấm mưa phùn gió bắc cầm cầm thổi. Những cây mạ được cấy rồi, ngả đầu theo chiều gió mặt nước ruộng lăn tăn gợn sóng. Vài con tôm con tép nhảy tanh tách làm mặt nước rung rinh với những vòng tròn nhỏ.

Cấy hết nắm mạ này, các cô lấy nắm mạ khác, và hết một bó mạ, các cô lại cởi thêm bó khác. Thửa ruộng theo với tay các cô nhanh nhẹn cắm những cây mạ gọn gàng xuống đất, chẳng mấy lúc đã được cấy gần xong. Các cô chăm chú với nhánh mạ ham công ham việc mong sao cấy cho thửa ruộng chóng xong để còn cấy sang thửa ruộng khác.

Các cô không để ý tới những thửa ruộng gần đấy, cũng có những người khác đang cấy lúa như các cô, hoặc một vài nông phu đang cày bừa chăm chỉ với con trâu. Các cô cũng chẳng bao giờ để ý tới vẻ nhộn nhịp của cánh đồng với cảnh nơi cày, nơi cấy, nơi bừa.

Có lẽ các cô vừa cấy vừa mong cho vụ lúa năm sau được mùa để dân làng no ấm! Có lẽ các cô đang cầu khẩn cho mưa thuận gió hòa để cho thóc rẻ gạo hơn! Có khi có cô không tính gì tới cả công cấy của mình.

Người ta đi cấy lấy công

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề:

Trông trời trông đất trông mây

Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm

Trông cho chân cứng đá mềm

Trời yên bể lặng mới yên tấm lòng.

Các cô làm việc từ sáng tới trưa, chỉ nghỉ tay để ăn cơm rồi lại làm việc từ trưa đến tối. Và sớm hôm sau, cùng các nông phu giắt trâu ra đồng cày ruộng, các cô đã rủ nhau đi để cấy nốt thửa ruộng đang cấy dở, hoặc cấy cho xong mấy thửa ruộng khác:

Rủ nhau đi cấy đi cày

Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu

Trên đồng cạn dưới đồng sâu

Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.

Các cô hối hả lo công việc, các cô nhanh nhẹn với lúa mạ, không quản gì khó nhọc với nắng mưa, có lẽ các cô nghĩ tới ngày phong lưu của năm sau ngày mà thóc vàng tỏa hương thơm ngát khắp cánh đồng chiêm, ngày mà người ta lũ lượt gánh thóc về trên đường làng, ngày mà những người thợ gặt nào liềm nào hái, vui vẻ nói cười và gặt lúa trên đồng cạn cũng như dưới đồng sâu. Cấy lúa xong, người dân quê lại vất vả với những công việc khác, nào làm cỏ, nào phát bờ, nào rải phân. Mọi công việc đều hỏi ở họ một sự siêng năng và một lòng kiên nhẫn. Rồi khi lúa đến thời con gái, phải tát nước, kéo để chân lúa khô, lúa để bắt sâu. Họ theo dõi cây lúa cho tới khi lúa trở đồng đồng đậm bông.

Bấy giờ đã cuối tháng tư, lúa đã sắp chín, và sắp sửa là mùa nước. Những đêm chớp bể mưa nguồn là những đêm khiến cho người dân quê lo ngại. Họ sợ những trận mưa to, nước lũ kéo về nước sông dâng lên có thể gây lụt lội, công trình của họ sẽ theo mây gió hết! Mà nếu có sự chẳng may ấy, họ sẽ đói họ sẽ khổ! Tiền đâu mà sưu thuế, tiền đâu mà việc nợ công kia. Sự lo lắng của họ quả thật là chính đáng. Họ sẽ chỉ có thể than thở với trời cao xanh:

*Bây giờ gặp phải hội này:
Khi thì hạn hán, khi hay mưa dầm
Khi thì gió bão ầm ầm
Đồng tiền thóc lúa mười phần còn ba.
Lấy gì dâng nạp nữa mà
Lấy gì công việc nước nhà cho đang!
Lấy gì sưu thuế phép thường
Lấy gì bổ chợ đông lương làm ăn,
Trời làm khổ cực hại dân.*

Họ phải trông nom ruộng lúa cho tới khi được gặt. Thóc gặt về, đập sấy, phơi phóng xong họ mới yên tâm. Được mùa là họ được tất cả, họ sẽ có cơm no, áo ấm, có đủ tiền để đóng góp với làng. Chồng con họ sẽ không lo thiếu sưu thiếu thuế.

*Tháng năm gặt hái đã xong
Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy
Năm nong đầy em xay em giã
Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.
Sang năm lúa tốt tiền nhiều
Em đem đóng thuế, đóng sưu cho chàng.
Đói no có thiếp có chàng,
Còn hơn đũng đỉnh giàu sang một mình.*

Câu ca cao trên đã tả đúng tâm lý của chị phụ nữ

đồng quê! Được mùa chị sẽ sung sướng, nhưng trong cái sung sướng chị vẫn tính chuyện làm ăn và lo lắng sưu thuế cho chồng. Cũng như muôn ngàn người đàn bà quê miền Bắc, chị phụ nữ tỉnh Nam chịu hy sinh mọi sự cho chồng, chị mong được cùng chồng no đói có nhau!

Lúa đã gặt rồi, người dân quê tỉnh Nam mới khỏi lo ngại, và mấy tháng trồng cây, bây giờ mới là ngày kết quả.

Thóc đã đập đã phơi, đã sấy rồi, họ chỉ việc quay vào cót để ăn dần, bán dần lo việc nhà, việc làng, việc nước!

Lúc ấy trời đã cuối tháng năm. Mưa rào đã nhiều và cánh đồng chiêm lại đầy nước trắng xóa. Lại có những người nông phu biến thành ngư phủ, lại có những chị thợ cấy đi mò cua bắt ốc, hoặc đi chở chiếc thuyền nan! Rồi những bà nội trợ, những cô gái quê đội gao, hoặc một vài nông phẩm khác như cà, đậu ngô, khoai, họ đã trồng được ở những chỗ ruộng cao tới các chợ bán: họ đi chợ Rồng, họ đi chợ Bạch Tính, họ đi chợ Ninh Cường. Phong cảnh những con đường làng thảnh thơi lại được đôi ba ngày tấp nập vì một vài phiên chợ. Những người đàn bà ở đây đi chợ họ đều đội hàng hóa trên đầu, họ không gánh gồng như

dân quê các tỉnh miền Bắc Hà Nội. Họ bảo rằng ở đây cánh đồng chiêm, thường phải lội nước, không tiện cho việc gánh gồng! Có lẽ vì phải đội nặng lên đầu nhiều nên đàn bà con gái vùng này ai nấy cũng có vẻ lùn thấp!

Trong mùa nước ngập, có những gia đình không bận gì về việc đồng áng họ cùng nhau làm tiểu công nghệ: làng Linh Cường làm nón, các làng ở huyện Mỹ Lộc mua sợi về dệt vải quê v.v... Nền tiểu công nghệ, tuy chỉ là phụ, nhưng cũng đã giúp cho nhiều gia đình sống qua vụ nước một cách dư dật và đôi khi lại có tiền để sắm sửa cho gia đình, may mặc cho con cái.

Cần cù nhẫn nại, chăm chỉ siêng năng là những đức tính chung của tất cả dân quê xứ Bắc, dù ở tỉnh Nam Định, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Hải Dương tỉnh Phú Thọ hay tỉnh Bắc Giang. Lễ sống của họ là ở sự làm việc và chịu đựng, nhất là đối với các phụ nữ. Họ chịu đựng chồng con ở nhà, họ chịu đựng luật lệ ở làng, họ chịu đựng sự bất công của xã hội, và nhiều năm họ đã phải chịu đựng cả những sự giận dữ của tạo hóa đã gây ra bão lụt, hạn hán hỏa tai.

Nhưng trong sự chịu đựng đó họ đã có những nguồn an ủi vô biên: ấy là cái cảnh gia đình đầm ấm, vợ chồng con cái đề huề, ấy là lòng tin tưởng ở tương lai, ở kết

quả của mọi sự cố gắng và chăm chỉ của họ.

Ngoài ra, không kể những ngày làm lụng vất vả, họ cũng có những lúc ăn chơi và nghỉ ngơi. Ấy là những ngày hội ngày Tết. Những hôm đó, họ nghỉ công việc, quần áo lịch sự rủ nhau đi chùa đi lễ.

Hàng năm ở Nam Định có hai hội lớn. Hai hội này, không riêng gì dân chúng tỉnh nam tới dự, mà có thể nói là toàn dân miền Bắc Việt Nam tới dự.

Ấy là hội Phủ Giầy ở xã Bảo Ngũ, nơi có đền thờ Công Chúa Liễu Hạnh và hội ở xã Bảo Lộc, nơi có đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Ngày hội Phủ Giầy hàng năm rất linh đình nhộn nhịp, hội mở từ ngày mồng một tháng ba và kéo dài tới ngày hai mươi mới rã đám. Các thiện nam tín nữ các tỉnh miền Bắc và một phần các tỉnh miền Trung kéo nhau tới trải hội rất đông. Trong ngày hội các cuộc tế lễ rất tưng bừng. Đáng chú ý nhất là đám rước từ Phủ Giầy tới xã Phú Chính ở chân núi Côi vào ngày mồng 6 tháng 3, đây là một đám rước đồ sộ, có hàng mấy trăm ngàn người từ các ngả tới dự. Trên con đường Chủ Chính đông nghịt những người, nối dài hàng năm sáu nghìn thước. Màu sắc sỡ của cờ mùi hương quện với mùi hoa, tiếng trống rước xen lẫn tiếng người thật là âm ỉ nhộn nhịp. Người ta hân hoan sùng bái Liễu

Hạnh Công Chúa, người đã giúp cho nhiều dân chúng miền Bắc, người đã giáng bút với những thiên văn thơ tuyệt phẩm.

Ngoài đám rước trên, tại hội Phủ Giầy vào ngày mừng mười lại có cuộc kéo chữ. Phu hội hàng mấy nghìn người trong huyện Vụ Bản từ các xã cất tới dự cuộc kéo chữ này. Có năm kéo chữ nầy *Thiên Hạ Thái Bình*, có năm kéo mấy chữ *Phong Đăng Hòa Cốc*. Người ta nô nức đi xem kéo chữ, cũng như người ta nô nức đi dự đám rước cùng các đám tế lễ trong suốt thời gian kéo hội.

Hội Phu Giầy rã đám, người dân quê tỉnh Nam lại quay về với công việc của mình cho tới tháng tám người ta kéo nhau tới xã Bảo Lộc dự hội kỷ niệm vị đại anh hùng Trần Quốc Tuấn, người đã hai chuyến phá nhà Nguyên, giữ vững nền độc lập cho nước non nhà. Hội đền Bảo Lộc đông vui, người ta tôn kính và biết ơn vị anh hùng của dân tộc. Dự hội đền Bảo Lộc người ta lại nhớ tới trận thủy chiến ở Bạch Đằng Giang, và người ta truyền tụng cùng nhau những văn thơ hùng tráng về kỳ công của quân tướng nhà Trần:

*Tiếng lau rú ào ào tiếng gió
Sóng bập bồng to nhỏ thưa mau
Tiếng buồm tiếng nước hòa nhau*

*Tạo thành khúc nhạc vui đau hỗn đồng
Hùng tráng tựa tiếng ông Nguyễn Khoái
Hô chiến thuyền quay lại đánh Nguyên
Tiếng gào tiếng hét xung thiên,
Hiệu kêu lùi xuống, lệnh truyền tiến lên
Tên vùn vụt từ trên bờ bắn,
Thuyền xâm lăng vỡ đắm tan hoang
Tướng Nguyên van lạy xin hàng
Quân ta thắng lợi reo vang nước trời.*

Hương lúa tỉnh Nam dịu dàng thơm ngát, người dân quê tỉnh Nam mộc mạc đơn sơ. Họ cần cù với công việc, nhưng không bao giờ họ quên họ là người dân nước Việt. Họ chăm chỉ làm ăn nhưng họ vẫn nhớ tới công ơn những người vì nước. ■

ĐỒNG CỎI

Ninh Bình có sông Vân núi Thúy với những bài thơ khắc trên đá của biết bao danh sĩ, Ninh Bình có động Hoa Lư, kinh đô nước Đại Cồ Việt của Vạn Thắng Vương với những phong cảnh hùng vĩ của non cao rừng rậm, Ninh Bình có động Bích Lộng với những hang lớn đẹp thạch nhũ óng ánh như ánh sao muôn sắc. Ninh Bình có cả biển mênh mông, có cả những cánh đồng Cói bao la, chạy dài ven bãi biển.

Ai đã tới Ninh Bình chưa? Và tới Ninh Bình ai đã đi miền Phát Diệm, Kim Sơn không nhỉ? Nơi đây là thổ sản của cỏi, một loại cây trồng ven bờ đê, dùng để dệt chiếu.

Những cánh đồng cỏi bát ngát, liên tiếp nhau ở Cồn

Thoi cách Phát Diệm hơn mười cây số, chỗ sông Đáy chảy ra bể Nam Hải, chia làm hai nhánh, nơi tỉnh Ninh Bình giáp cận địa phận Thanh Hóa.

Thân cói xanh xanh, cọ sát vào nhau rào rào theo từng cơn gió bể. Những cánh hoa đỏ đỏ, giống như hoa ngô đồng nổi bật trên đám lá xanh. Suốt khắp cồn Thoi, trông giống hình một con thoi dệt vải, man mác chỉ cói và cói. Những ngọn cói ngả đầu vào nhau theo chiều gió, và gió lướt trên những ngọn cói như sóng gợn rung rinh. Hoa đỏ đỏ, lá xanh xanh dao động. Vài con bướm nhớn nhỡ bay từ cánh hoa này, sang cánh hoa khác. Thỉnh thoảng vệt bay từ giữa đám cói ra một vài con kết, con rẽ, con sát, hoặc con mừng.

Hai nhánh sông Đáy lững lờ bao bọc lấy cồn Thoi, nước lờ lờ xanh, hòa hợp với màu cói xanh, cũng như với nền trời xanh thẳm. Một vài con thuyền nhỏ đủng đỉnh, của vài người đánh cá, hoặc chở khách ngang sông. Xa xa, ngọn núi Nẹ đứng sừng sững một mình ngự trị ở miền Duyên Hải. Trông ngọn núi im lặng, thăm thẳm màu lam. Đàn chim hải âu bay ngang trời. Mấy sợi mây trắng nhẹ nhàng giăng trên đỉnh núi. Ngọn núi giống như một tấm bình phong ngăn cánh đồng cói với chân trời xa thẳm.

Về mé biển, sát cánh đồng cói, nơi nước mặn sà

sàn tràn ngập, đấy là rừng Vẹt, những cây vẹt xanh biếc cứng cứng tựa lá si, mọc suốt ven bể, lan mãi ra xa. Đất có nước mặn là có cây vẹt, một thứ cây đại thường mọc ở ven bể. Màu xanh biếc của cây vẹt điều hòa màu nước biển xanh thẫm với màu xanh tươi của cánh đồng cói. Phải chăng tại đây hóa công muốn tô điểm cho phong cảnh không những bằng sông núi mà bằng cả nhịp nhàng của màu sắc nữa.

Trên nước biển xanh thẫm, lá vẹt xanh biếc, đồng cói xanh tươi, những đàn *le le*, *sâm cầm*, *mòng két* thỉnh thoảng lại vụt bay như muốn đem tâm hồn linh động cho cảnh vật. Mây trời bao la, nước biển cả mênh mông man mác, vài chiếc thuyền căng buồm đè mặt nước, trông thật hữu tình, nên thơ.

Và ở cánh đồng cói, các cô thôn nữ xanh tươi đang cùng nhau cắt cói, nói nói cười cười, bên các chàng trai lanh lẹn hoạt bát luôn luôn đáp lời các cô một cách đậm đà duyên dáng.

Cói là một nguồn lợi của dân chúng vùng Phát Diệm, Kim Sơn. Cói dùng để làm chiếu và bồi cói dùng để lợp nhà. Những cánh đồng cói ở đây đã giúp cho người dân được sung túc, đỡ lam lũ hơn các vùng đông dân cư khác ở quanh vùng.

Ruộng trồng cói phải cày bừa trong năm đầu kỹ

lường. Sau đó cói được trồng và với màu mỡ đất gần biển, lớn dần. Cói trồng vào tháng mười năm trước, tới tháng tám năm sau đã cao và đã trổ hoa. Trong thời gian này, chủ ruộng chỉ cần thỉnh thoảng xẻ rãnh cho có nước vào ruộng để cói lớn mạnh. Sự trông nom không vất vả mấy, và cói đã trồng rồi cứ theo thời tiết lớn dần, lớn dần cho tới khi thu tới, sau những trận mưa ngâu tháng bảy, cói trổ hoa. Hoa cói báo hiệu ngày gặt cói sắp tới.

Với thu sang, đàn én từ phương Bắc bay về, mỗi buổi chiều sè sè liệng trên cánh đồng cói, chao qua chao lại. Tiết thu hơi lành lạnh và buổi chiều sương thu buông thả, phủ lên ruộng cói bao la. Thân những cây cói nhẹ cọ sát vào nhau rào rào như nỉ non than thở.

Người ta gặt cói về tháng tám. Cói gặt xong lớp này, lớp khác sẽ lại mọc lên, và đến tháng tám năm sau người ta lại gặt lượt khác. Một ruộng cói chỉ cần cấy bữa trong năm đầu, những năm sau cói cứ tự nhiên mọc lên. Người ta có thể gặt được mười vụ cói mới cần cấy bữa lại ruộng và trồng cói lại.

Cánh đồng cói vui vẻ nhất về mùa gặt. Trời thu trong và dịu. Gió thu nhè nhẹ mát. Lòng người ta thư thái thênh thang. Người ta hân hoan đón gặt những cây cói, những cây cói quý báu sẽ biến thành tài sản của

người ta.

Dân chúng mấy xã Tân Mỹ, Kim Đài, Văn Hải v.v... ngay từ lúc chớm thu người ta đã sửa soạn vụ gặt cói, người ta đợi cho hoa cói rộ nhiều, thân cói già hơn một chút là người ta rủ nhau đi gặt. Đầu tháng tám là hoa cói đã rải đỏ khắp cánh đồng, rung rinh với gió thu, dưới những cánh bướm chập chờn, cùng những đàn ong từ núi Nẹ lũ lượt bay ra hút nhị về làm mật. Thân cây cói sẫm hơn, và cũng có đôi ba cây ngả từ màu xanh sang màu vàng nhợt.

Người ta bắt đầu vụ gặt.

Tờ mờ sáng tinh sương, tự các ngã làng người ta lũ lượt dắt nhau ra cánh đồng, đàn ông có, đàn bà có. Vừa đi người ta vừa vang vang nói chuyện, gây nên một cảnh nhộn nhịp trên những con đường làng. Có những cô thiếu nữ xinh tươi, cười nhí nhảnh với những chàng trai nhanh nhẹn. Có những người đứng tuổi đi nghiêm trang giữa đám trai trẻ bông đùa. Có những chàng trai đi sát cánh với gái làng để nói vài câu chuyện không đầu.

Một vài bà chậm chạp đi sau, ý chừng đang hồi tưởng lại thuở mình còn con gái. Các bà có lẽ cho bọn trai trẻ bây giờ quá tự do, con gái mất cả vẻ thùy mị e lệ của thời xưa, và con trai thì quá sỗ sàng. Đôi khi có

bà nghiêm khắc quở mắng ngay con cháu về tính quá tự nhiên của chúng thì lại có bà trẻ hơn, rộng rãi hơn, hiểu biết mỗi thời mỗi khác cản ngăn. Vả chẳng ai chẳng có thời con gái:

*Xưa kia ai cấm duyên bà,
Bây giờ bà già bà cấm duyên tôi.*

Dân làng đi tới những ruộng cói, kéo nhau xuống cắt cói, ai ở ruộng người ấy. Họ vui vẻ làm việc. Gió mát như làm tăng sự hăng hái của họ. Câu chuyện làm cho công việc nhẹ nhàng hơn.

Một tay cầm liềm, tay cầm nắm cói, họ cúi xuống đưa liềm cắt vào chân đám cói. Cói đã cắt, họ đặt ngay xuống ruộng để cắt đám khác. Lưỡi liềm sắc bén cứa cây cói rất gọn gàng. Họ lúi húi vừa cắt cói vừa nói chuyện với những bạn làm việc ở nơi ruộng bên cạnh, hay ở chính ngay ruộng mình. Tiếng ở ruộng này vọng qua, tiếng bên kia vọng lại. Họ bàn về cói tốt cói xấu, họ nói về chuyện làm ăn và đôi khi cả chuyện tâm tình nữa.

Cánh đồng cói quanh năm vắng lặng, với vụ gặt đã trở nên náo nhiệt khác thường. Ở ruộng này vài thiếu nữ đang cắt cói, ở ruộng kia vài thanh niên đang *don cói* thành từng gù, nghĩa là bó cói thành từng bó dài, ở một ruộng khác vài bà già đang cắt bỏ những bông hoa

cói. Không xa đấy, dăm ba thiếu phụ đang soi gương nhưng *gù cói* có nghĩa là sén chân những bó cói cho đều. Và các em bé cũng có công việc: các em nhặt những *bối cối* nghĩa là những cây cối kẹ, mà khi đon gù, người ta bỏ lại để xếp lại thành từng đống. *Bối cói* lại sẽ được bó lại thành từng bó, đánh thành *danh bối* để lợp nhà.

Lớn, bé, già, trẻ, thiếu nữ thanh niên, ai nấy đều chăm chú với công việc của mình. Họ cặm cụi làm việc, mặc dầu họ luôn luôn cùng nhau trò chuyện cho đỡ mệt.

Ruộng cói nào cũng thấp thoáng những bóng người, với những cử động làm rung rinh ngọn cói chưa cắt. Thỉnh thoảng lại vụt lại vài tiếng cười ròn rã của các thiếu nữ vừa được nghe một vài câu chuyện vui trong lúc làm việc. Mùi cói thơm thơm hòa lẫn mùi đất miền duyên hải dịu dịu.

Đi cắt cói, đàn ông cũng như đàn bà, họ ăn mặc rất đơn sơ gọn gàng. Chỉ có quần nâu áo nâu. Các cô thiếu nữ có đội thêm chiếc khăn vuông màu nâu đỏ để giữ cho tóc khỏi xõa. Ở đây các cô không ưa diêm dúa như thiếu nữ các tỉnh miền Bắc ngoài quần áo còn thêm nào yếm, nào giải yếm hoa đào, thắt lưng lụa bạch, hoa lý hoặc thiên thanh. Họ không có cả đến chiếc thắt

lưng màu tam giang như chị em vùng Nam Định. Tuy y phục đơn sơ, nhưng trông các cô cũng không kém vẻ duyên dáng. Dưới nắng thu, má các cô ửng hồng, môi các cô tươi thắm, và những lúc mỉm cười, các cô để lộ đôi hàm răng đều như hạt lựu và đen nhúc như hạt na già. Các cô luôn luôn vui vẻ trong việc làm. Để quên mệt nhọc, đôi khi các cô đã ghẹo những trai làng cùng làm cội khiến cho nhiều chàng trai thẹn thùng đỏ mặt tía tai. Các cô nói đùa, các chàng trai nói đùa trả lại, tiếng cười tiếng nói vang trong gió. Công việc theo đà câu chuyện càng thêm mau lẹ.

Họ làm việc từ sáng đến trưa, lại từ trưa đến chiều, quên cả thời gian lẫn sự mệt nhọc. Buổi trưa, lúc mặt trời đứng bóng, có những người từ các ngả làng mang cơm tới, họ đình công việc để cùng nhau dùng bữa. Bát cơm thanh đạm, miếng ăn rau dưa nhưng rất ngon miệng. Cơm nước xong, người ta nghỉ ngơi mười lăm phút. Trong những phút này có những chàng trai tìm đến những thiếu nữ bạn lòng để ngỏ mấy lời tri kỷ. Mối tình ấp ủ từ bao lâu, giờ đây mới là lúc giải ngộ cùng nhau. Nàng nghe chàng nói lòng sung sướng, trái tim rộn rập. Và nàng cũng ngỏ lòng mình với chàng. Bốn mắt cùng liếc đôi lòng cùng ưa.

*Đôi ta như một đôi con tằm
Cùng ăn một lá cùng nằm một nong,
Đôi ta như đôi con ong,
Con quẩn, con quít, con trong con ngoài.*

Rồi chàng đưa trầu mời nàng ăn. Nàng ngập ngừng không biết nên nhận hay không. Miếng trầu là đầu câu chuyện, nên mặc dầu ngập ngừng, nàng không từ chối. Lá trầu xanh, miếng vỏ đỏ, mảnh cau dày, màu sẽ làm cho môi nàng thêm thắm đỏ, miệng nàng thêm tươi. Rồi bao nhiêu câu chuyện tâm tình sau miếng trầu.

*Gặp nhau ăn một miếng trầu
Gọi rằng nghĩa cũ về sau mà chào
Miếng trầu đã nặng là bao
Muốn cho đông liễu tây đào là hơn
Miếng trầu kể hết nguồn cơn
Muốn xem dây đay thiệt hơn thế nào
Miếng trầu là nghĩa tương giao
Muốn cho dây đay duyên vào hợp duyên.*

Rồi miếng trầu tàn, câu chuyện đôi bên cũng phải ngừng để phải tiếp tục nốt công việc gặt hái.

Họ lại cùng vui vẻ làm việc cho tới chiều.

Những bó cói được cắt hoa, soi gương xong, được xếp xuống thuyền để đưa về làng, nhưng một số lớn

cũng do người ta đội về. Họ làm việc cho tới lúc trời sâm sẫm tối, chuông nhà thờ Kim Đài gióng giả đổ hồi. Với tiếng chuông nhà thờ người ta tạm ngừng mọi công việc ở ngoài đồng.

Trên các con đường làng, họ lại lũ lượt kéo nhau ra về. Bóng họ in lên bóng hoàng hôn. Người người đều đội trên đầu những bó cói lớn. Bóng họ khuất dần vào bóng tối đang lan tràn trên cánh đồng. Những làng xa xa với những nóc nhà thờ cao vút, với những lũy tre xanh nổi đen sẫm trên màn đêm đang phủ xuống.

Mang cói về nhà, người ta chất đống ở giữa sân, rồi người ta rủ nhau đi nhà thờ cầu nguyện để tạ ơn Chúa đã ban chàng trai trẻ, nhưng thiếu nữ lại xin ơn trên ban phước cho họ được hòa hợp duyên ưa với người họ hằng mong ước mến yêu. Lòng họ đang tin tưởng ở Chúa, cũng như tin tưởng ở tương lai ở một ngày mai tươi sáng huy hoàng, ở cái ngày mai mà trước mặt Chúa họ sẽ được các Linh Mục lồng vào ngón tay họ chiếc nhẫn yêu đương để gắn liền đời họ với đời của người bạn lòng mong mỏi. Ban đêm họ mơ thấy Thiên Thần mang tới cho họ tin lành giấc mộng đẹp như hoa, rực rỡ như buổi bình minh.

Và buổi bình minh hôm sau họ lại lũ lượt dắt nhau ra đồng để tiếp tục vụ gặt.

Cói gặt về, sẽ được chẻ làm tư, phơi khô và dùng để dệt chiếu, đan bị, hoặc tết những túi nhỏ gửi bán ở thành thị. Khi cói đã được phơi khô người ta sẽ lựa chọn phân loại, tùy theo việc mà dùng. Những sợi cói nhắn đẹp, trắng, không ố, không vết sẽ được để riêng để dệt loại chiếu đậu là loại chiếu tốt, hằng được các nhà quý phái kén lựa. Còn loại cói khác dùng để dệt chiếu sô, tức là loại chiếu thường. Loại chiếu này có khi dệt xong được in hoa, gọi là chiếu hoa. Cũng gọi là chiếu hoa những dệt bằng những sợi cói đã nhuộm sẵn, đó là chiếu hoa cải. Những sợi cói xấu dùng để đan bị, đan bao.

Cói gặt trong vụ tháng tám, người dùng quanh năm, và quanh năm người ta có việc làm. Các thiếu phụ, thiếu nữ ngày ngày nhuộm cói, dệt chiếu, vất vả sớm hôm, nhưng luôn luôn họ vui vẻ với công việc của mình. Hạnh phúc gia đình đến với việc làm của họ. Làm việc họ chỉ nghĩ đến sự no đủ của chồng con, sự êm ấm của gia đình.

Mỗi ngày chủ nhật họ rủ nhau đi nhà thờ. Họ cầu nguyện cho chồng con họ, họ cầu nguyện cho những người họ yêu đương. Họ tin tưởng ở bề trên, họ giữ lòng tin bên cạnh Chúa. ■

HOA VỚI HOA

Chung quanh Hà Nội, có mấy làng trồng hoa, nhưng người Hà Nội, khi nói đến làng hoa thì liên tưởng ngay tới trại hàng hoa, tới làng Ngọc Hà, ở đằng sau vườn Bách Thảo.

Danh từ trại Hàng Hoa chỉ làng Ngọc Hà rất đúng. Mỗi nhà ở đây có một vườn hoa, và có khi những vườn hoa liên tiếp nhau. Những vườn hoa ở đằng trước nhà, những vườn hoa ở đằng sau nhà, những vườn hoa ở bên cạnh nhà. Vườn hoa nhà này, liền khu với vườn hoa nhà khách. Có những luống hoa song song bên nhau. Đủ muôn thứ hoa, thay đổi theo thời tiết của bốn mùa. Những bông cúc long trào vàng tươi bên những bông cúc vạn thọ vàng sẫm lúc xuân gần tới. Những bông

thước được đủ các màu vàng đỏ tím xanh nhợt như hững sương sớm lúc xuân sang. Những bông hồng nhung đỏ sẫm, mọng tươi như cặp môi của một thiếu nữ, e lệ ẩn hiện trong đám lá với mưa xuân. Những cụm sỏi bông trắng lá xanh, kín đáo tỏa hương thơm ngát dưới nắng sớm lúc đầu hè. Những bông sen trắng đỏ, vươn mình khỏi mặt nước, trong những ao bên những vườn hoa, như muốn thi gan cùng nắng hạ. Khi thu tới những bông hoàng lan thơm ngát, những đoá hoa men như móng rồng thơm dịu dịu, những bông cúc kim tiền nho nhỏ thơm hăng hắc trang điểm cho vườn hoa thêm màu sắc. Và mùa đông đến, những cành bích đào, những cành mai trắng, mai vàng đua nhau thi nở, làm rừng hoa thêm rực rỡ trước ngọn đông phong. Lại những cụm quất lá xanh quả đỏ nghiêm trang bên muôn hoa khoe sắc phô hương.

Không kể đến thời tiết, có những loại hoa quanh năm đua nở, hết lớp nọ đến lớp kia: những bông huệ trắng như những nàng trinh nữ, những đoá lay-ơn xanh trắng đỏ vàng yếu diệu như một vũ khúc, những đoá mẫu đơn ấm cúng đậm đà như ngọn lửa chiều đông.

Thật là đủ muôn hoa, muôn màu sắc với muôn hương thấm dịu! Những bông hoa muôn sắc hương ấy từ các vườn hoa được các bàn tay dịu dàng của các

thiếu nữ làng Ngọc Hà hàng ngày đưa vào thủ đô xứ Bắc, bày bán trên các chợ, và được các khách chuộng hoa lựa chọn. Sống về nghề trồng hoa, dân làng Ngọc Hà, nhất là các thiếu nữ quanh năm bận rộn với vườn hoa. Các cô trông nom hoa từ khi gieo hạt cho đến lúc đâm bông. Các lớp hoa này cắt bán, lớp hoa khác nảy chồi, luôn luôn các cô phải lưu ý tới hoa.

Đứng giữa rừng hoa, các cô là những đóa hoa tươi linh hoạt nhất. Sống ở một làng sát ngay thủ đô Hà Nội, các cô vẫn giữ được nếp dịu dàng mềm mại của đồng quê, nhưng các lại có cả cái trang nhã mặn mà của thành thị.

Không phải chân lấm tay bùn như các bạn gái đồng quê khác, các cô có nước da mịn màng, có khuôn mặt tươi thắm. Mắt cô trong như nước hồ thu, các cô mỉm cười kín đáo như hoa ngâu e lệ trên cành. Cử chỉ các cô êm ái như những lúc lựa hái hoa, lời nói các cô dịu dàng quyến rũ như những bông hoa thắm.

Y phục, có khi các cô ăn vận nửa tỉnh nửa quê, có khi các cô lồng mình trong những bộ áo lông lầy của đất nghìn năm văn vật, tùy theo từng trường hợp, cũng như tùy theo từng hoàn cảnh.

Bao giờ các cô cũng lịch sự, lúc chào mời bán hoa, lúc trao hoa cho khách hàng, cũng như những lúc

chuyện trò cùng bạn bè quen thuộc.

Phải chăng muôn hoa đã ảnh hưởng tới các cô, truyền cho các cô sự mềm mại êm êm, khiến cho các cô thêm vẻ khả ái trong ngôn ngữ và cử chỉ.

Ai đã tới Ngọc Hà thăm các vườn hoa, ai đã gặp các cô ở chợ hàng hoa bên bờ hồ Hoàn Kiếm, ai đã nhận hoa của các cô đưa tới tận nhà, đó ai quên được sự niềm nở, đáng ân cần vồn vã của các cô. Khách yêu hoa thưởng thức hương thơm cánh thắm của muôn hoa, nhưng cũng không quên những lời nhẹ nhàng điểm theo nụ cười duyên dáng của các cô hàng hoa.

Cô hàng hoa kiêu diễm, cô hàng hoa xinh đẹp, nhưng cô hàng hoa lại rất cần cù chịu khó như tất cả mọi người đàn bà Việt Nam.

Mặc dầu sống ở sát thủ đô Hà Nội, cái quan niệm giáo dục của người dân quê Việt Nam đối với phụ nữ cũng không vượt khỏi mấy câu *tứ đức tam tông*. Dạy con gái các bà mẹ quê rất chú trọng đến *công dung ngôn hạnh*, các bà không muốn các con quá tiêm nhiễm cái mới, tuy rằng có nhiều điều hay, nhưng cũng không khỏi có nhiều điều dở. Các bà muốn con gái phải chịu khó cần dù để mai sau trở nên người vợ đảm người mẹ hiền. Đáng điệu cử chỉ và ngôn ngữ phải khoan thai dịu dàng cho hợp với nền nếp phương Đông; còn đức

hạnh phải thuận hòa, biết người trên kẻ dưới, biết ai là cố hữu thân bằng, biết nghĩ đến người hơn đến mình.

Chịu ảnh hưởng nền gia giáo Á đông, cô hàng hoa biết thương người, dịu dàng với mọi người cũng như dịu dàng với những bông hoa mảnh dẻ!

Hàng ngày, cô dậy sớm, ra vườn hoa, hái hoa. Sau đó cô vẩy nước chải chuốt lại nhưng bông hoa hái từ trước và đã được phơi sương suốt ban đêm. Có trồng hoa mới biết tính chất của hoa. Có loại hoa, sáng ngày mới hái để giữ lấy màu tươi lúc đem bán, cũng có những bông hoa cần phải hái từ chiều hôm trước để giữ lấy vẻ hàm tiếu của hoa. Để hoa ở nguyên trên cành một đêm nữa, họ sẽ nở to và không được khách mua hoa mướn chuộng. Có những bông hoa cần sắp thêm nước để tươi thắm hơn, có những bông hoa đượm nhiều nước sẽ trông như nát cánh, nên cần lau bớt nước đi. Người trồng hoa cũng như người buôn hoa đều biết rõ sự đòi hỏi của từng hoa. Có như vậy mới trang điểm cho hoa thêm sắc nước để quyến rũ khách mua hoa.

Hoa đã hái được cô hàng hoa xếp thành từng loại, có khi bó thành từng bó. Loại hoa nào bán cho người chơi hoa để trang hoàng loại hoa nào bán cho người đi lễ. Những hoa dùng vào việc lễ bái, cô giữ cho thật thanh khiết. Có khi cô bó sẵn từng chục hoa như hoa

sói, hoa lan. Những gói hoa cúng thường gồm nhiều thứ hoa, phần nhiều có hương thơm, cô lựa mỗi thứ một vài bông, không bao giờ cô quên bó thêm mấy nhánh lá để tăng vẻ xanh tươi.

Hoa đã sửa soạn xếp thứ nào riêng thứ ấy thành từng loại, màu sắc ăn nhịp với nhau, được bán ngay tại nhà cho các phường buôn đất cắt, hoặc mang bán tại các chợ Hà Nội, nhất là chợ hàng Hoa bên bờ hồ Hoàn Kiếm. Tại các chợ có khi chính cô ngồi bán hoa, có khi cô chỉ mang hoa tới trao cho người khác, rồi chính cô phải đi đưa hoa cúng cho từng nhà mua hoa thắp.

Có những gia đình đông chị em, các cô chia nhau, người đi chợ, người ở nhà. Người đi chợ bán hoa, còn các cô ở nhà chỉ săn sóc đến hoa. Các cô giúp đỡ cha mẹ trong việc trồng tía: nào bắt sâu, nào ương hạt, nào ủ giống, nào tưới cây, mỗi công việc một tỉ mỉ. Các cô làm việc với một sự kiên nhẫn đáng khen. Với thời tiết đổi thay khi mưa khi nắng, khi rét, khi nóng, các cô phải lo che chở cho hoa tươi thắm cùng thời tiết.

Quanh năm các cô săn sóc tới hoa, nhưng đã săn sóc tới hoa, các cô tất nhiên phải săn sóc tới chính riêng các cô. Các cô chẳng những là bông hoa đẹp hay sao? Mà lại là những bông hoa biết cử động, biết suy nghĩ, có tâm hồn, biết chuộng cái đẹp.

Vậy thì các cô phải săn sóc tới các cô, nhất là hàng ngày ra vào Hà Nội các cô đã nhìn thấy sự trang điểm tăng vẻ đẹp cho con người. Các thiếu nữ kiểu điểm thanh lịch của thủ đô đất Bắc hàng ngày các cô gặp như khuyến khích các cô phải tô điểm cho nhan sắc mình. Bởi vậy ngoài thì giờ bận rộn vì công việc các cô cũng lo may mặc bằng hàng mới theo kiểu mới, và những khi ra ngoài, nếu không phải là đi chợ, các cô cũng không quên thoa ít phấn, bôi chút son cho má thêm hồng, cho môi thêm thắm, cho nụ cười thêm duyên dáng, cho cặp mắt thêm sáng trong. Các cô đã đẹp tự vẻ người, nay các cô lại đẹp thêm vì trang điểm. Soi gương, ngắm bóng các cô nhận thấy mình lớn phổng lên vì những đường cân đối của thân hình rất nhịp nhàng qua những cử chỉ dịu dàng khoan thai.

Các cô băng khuâng nghĩ đến những chàng tư mã áo xanh đã cùng nhau gặp gỡ ở làng hoặc ở thủ đô Hà Nội. Các cô so sánh những chàng trai Hà Nội với trai làng. Lẽ tất nhiên lòng các cô ngã về chốn đô thị hơn. Người đô thị khéo ăn, khéo nói lại khéo chiều. Người đô thị trông gọn gàng thanh lịch hơn!

Có nhiều cô, trong lúc cùng làm hoa, trong lúc gặp gỡ những trai làng đã tỏ nhiều thiện cảm với những chàng trai này, và đôi khi có cả chuyện gắn bó cùng

nhau nữa, nhưng rồi các cô gặp những chàng trai thành thị, các cô xa dần những người bạn cũ, để một ngày kia lên xe hoa về Hà Nội.

Trước cảnh tình ấy các chàng trai làng ất phải buồn, các chàng trai oán thối đời đen bạc, trách con người ham cái mã xa hoa, theo đuổi cái bề ngoài, bỏ mối tình chân thật đậm đà.

Có những khi chàng cuốc luống hoa trong vườn, có người cũ đi qua, người cũ này hoặc đã lành duyên cùng người khác, hoặc mới hờ hững với chàng trai để gần bó cùng nơi khác, chàng trai tự ca lên mấy câu như để trách ai mà cũng như để trút nỗi hận hằng đeo đẳng mãi trong lòng:

*Dẫu rằng đá nát vàng phai,
Ba sinh phải giữ lấy lời ba sinh
Duyên kia có phụ chi tình,
Mà toan sẻ gánh chung tình làm hai?
Bây giờ người đã nghe ai,
Thả chông đường nghĩa rắc gai lối tình?
Nhớ lời hẹn ước đình ninh,
Xa xôi ai có thấu tình chăng ai?*

Cũng có khi, cô gái say mê người thành thị nhiều tiền lắm bạc, bỏ xa người cũ, nhưng rồi thành thị chỉ là cái bã, cô gái gặp con trai thành thị thiếu chung tình,

yêu ngay đấy lại quên ngay đấy! Cô gái phải quay về làng. Chàng trai được dịp trách móc:

Tham vàng bỏ nghĩa ai ơi

Vàng thời đã hết, nghĩa tôi vẫn còn!

Rồi đàn lại nổi giây tơ, khúc yêu đương lại dạo qua phím cũ, sau cơn mưa lại đến buổi đẹp trời. Trăm hoa trong vườn như mừng một cuộc tái hội tốt đẹp. Rồi chỉ thấm se tơ, đôi bên cùng nhau trọn niềm phu phụ.

Anh lại cuốc luống trồng hoa, chị lại gieo hạt chờ ngày mầm non nẩy lộc, hờn quế đầy vườn. Hoa tươi thắm lại càng tươi thắm, và một ngày kia có lũ trẻ nhỏ bi bô gọi mẹ, theo cha qua mấy luống hoa.

Rồi những ngày hội đền Voi Phục, hội chùa Láng, anh chị cùng dắt con đi xem hội, để gặp các trai gái làng, đang cùng nhau biển chỉ non thề, nhắc lại cho anh chị thừa thiếu thời, anh chị cũng đã gặp nhau ở nơi đây, cũng đã hẹn hò nhau, cũng đã cùng nhau vào lễ Phật để cầu được hương lửa trọn niềm. Bao nhiêu kỷ niệm cũ như hiện tại, anh chị nắm chặt tay nhau, đưa mắt cùng nhau.

Tuy nhiên vui chơi chỉ ở trong ngày hội, còn vốn con nhà làm ăn, sau ngày hội lại ai lo phận nấy, anh có việc của anh chị có việc của chị, nhưng công việc của đôi người đều vẫn là chăm bón cho hoa.

Trồng hoa tuy vất vả, nhưng có những lúc rất khiến cho người ta ham thú: Ấy là những khi tìm được hoa nở chậm lại hoặc gò hoa nở mau hơn để được thưởng thức hoa cho hợp với cảnh trời, ấy là những lúc ngắm hoa nở với mùi hương phảng phất dưới ánh mơ hồ huyền ảo của trăng đêm. Chỉ những lúc ấy người trồng hoa mới thấy hoa thật là của mình, và hoa đã phản ảnh một người trồng hoa chỉ trồng hoa cho người, chỉ hái hoa đem bán.

Người chơi hoa tự trồng lấy hoa, có lẽ thấy tuyệt thú khi nhánh hoa đó dành riêng cho mình, nhất là khi nhánh hoa đó lại là hoa thủy tiên.

Hàng năm đêm trừ tịch, tại Trần Ba Đình hồ Hoàn Kiếm Hà Nội, có cuộc thi hoa Thủy Tiên. Những giò hoa mang tới thi không phải chỉ là những bông hoa gọt tỉa khéo. Cái khéo ở đây dành rằng ở sự trình bày hoa, nhưng cái khéo chính là phải giữ làm sao cho hoa đợi đúng lúc giao thừa mới nở.

Mỗi giò hoa Thủy Tiên gửi tới dự thi đã đem theo cả một công trình của một thiếu nữ với biết bao nhiêu tâm trí trong việc gọt củ, săn sóc cho hoa, tỉa lên những nhánh. Kể từ khi có củ Thủy Tiên, thiếu nữ phải gọt khéo để củ nảy nhánh, đâm chồi, rồi lên nụ. Thiếu một bàn tay khéo léo, củ thủy tiên sẽ đâm ra mấy chồi như

những bông hoa lảng, hay tẻ hơn nữa như những củ hành. Những cụm thủy tiên được đặt trong những chiếc bình pha lê trong suốt với hình vẽ nổi rất đẹp và rất hợp với màu cánh trắng nhị vàng của hoa Thủy Tiên, hoặc những chiếc bình màu sắc sỡ có thể làm nổi bật vẻ đẹp của giò hoa.

Nước đựng trong bình, người gọt phải giữ tinh khiết và thay luôn luôn. Tùy theo thời tiết nước đó phải giữ lạnh nhiều hay tăng cho ấm thêm. Có như vậy, người gọt mới giữ nổi hoa không nở sớm quá hay muộn quá.

Các cô gọt hoa bắt phải nở trong đêm giao thừa, hoặc giữa sáng ngày mồng một đầu năm để mang sự tươi đẹp thịnh vượng lại cho gia đình. Đối với những giò hoa dự thi các cô trông các mầm hoa, nhánh hoa, tính kỹ lưỡng hơn, để làm sao cho đúng lúc giao thừa hoa sẽ hàm tiếu. Như thế mới là khéo, và như thế mới hy vọng được giải trong cuộc thi ở thị Trấn Ba Đình. Gửi hoa tới dự thi, các cô đã tính thêm cả yếu tố mùi trầm hương làm tăng sức nóng của không khí trong đền và ảnh hưởng tới hoa.

Thường thường gặp tiết trời hơi nóng, xưa kia các cô vẫn đặt hoa xuống hầm cho lạnh nhưng ngày nay, có nước đá, các cô chỉ việc pha nước cho lạnh thêm trái lại nếu trời lạnh quá, các cô sẽ phải để bình hoa

trong một bình khác đựng nước ấm. Kinh nghiệm đã giúp các cô nhiều trong nên công việc gọt hoa hàng năm các cô đều làm đạt được ý muốn.

Mỗi năm tại thị Trấn Ba Đình có hàng mấy chục chậu hoa dự thi, thủy tiên đơn có, thủy tiên kép có. Những bông hoa trong các chậu hoa lả lướt như múa đón xuân sang theo tiếng pháo giao thừa. Chậu hoa nào cũng đẹp, nhánh hoa nào cũng thơm. Hội đồng chấm thi tha hồ phân vân trong lúc lựa chọn.

Những chậu hoa này của các cô gái các làng Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Hoàng Mai, và của chính các cô ở Hà Nội nữa. Các thiếu nữ phố hàng Gai và phố hàng Bạc, thường vẫn có hoa dự thi vẫn thường được giải thưởng luôn.

Nhưng hoa của các cô gái Ngọc Hà cũng không phải thua kém; quanh năm các cô săn sóc cho hoa, các cô lấy việc đem hoa dự thi tại Trấn Ba Đình là một điều quan trọng.

Dù trúng giải hay không trúng giải, cô gái Ngọc Hà vẫn xinh đẹp giữa muôn hoa, và chính các cô vẫn là những bông hoa tươi thắm nhất. ■

GÁI NỘI DUỆ — CẦU LIM

*N*ội Duệ và Cầu Lim là hai làng nhỏ thuộc huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh. Hai làng này ở bên bên đường quan lộ chạy từ Hà Nội đến Lạng Sơn.

Tỉnh Bắc Ninh là một tỉnh có nhiều đồi nhỏ. Những ngọn đồi này nổi bật lên giữa hai cánh đồng mạ con gái xanh mơn mớn, khiến cho phong cảnh tỉnh Bắc Ninh có một vẻ nên thơ.

Cảnh đẹp vẫn là thi hứng, nhất là phong cảnh đó lại có núi, có rừng ngay bên những giòng nước bạc như ngòi Tào Khê, như sông Nguyệt Đức, ngay bên những cánh đồng bao la vô tận. Người ta dù vô tình đến đâu, đứng trước một cảnh đẹp cũng phải thấy lòng rung động hướng chi cảnh đẹp đó lại là nơi chôn rau cắt rốn

của mình, là nơi có mồ mả đất cát tổ tiên của mình. Cho nên cô gái vùng Nội Duệ, Cầu Lim đã cảm hứng trước một vùng cảnh tú của non sông. Cô thấy lòng rung động, cô muốn bày tỏ nỗi lòng đó. Chỉ có câu ca là gả được nỗi lòng cô trong lúc ấy. Thế là cô cất cao giọng hát. Cô hát, hát mãi, hát trong lúc nhàn, hát trong lúc bận, hát trong lúc buồn, hát trong lúc vui. Đầu tiên cô hát vì muốn hát, nhưng rồi cô lấy câu hát để giải nỗi lòng, cô lấy câu hát để cợt đùa chúng bạn và đôi khi cợt ghẹo cả khách qua đường.

Các du khách ai đã có dịp đi qua vùng Nội Duệ, Cầu Lim, vùng này gồm cả một khu ba bốn huyện của tỉnh Bắc Ninh, chứ không phải là chỉ có hai làng Nội Duệ và Cầu Lim thôi, chắc nhiều khi đã phải buồn cười vì những giọng hát ở dưới ruộng đưa lên.

Cô gái Nội Duệ, Cầu Lim lúc đó cấy lúa, làm cỏ ở dưới ruộng. Chợt ngẩng đầu lên, cô thấy du khách đi qua. Cô hát ghẹo:

Hỡi người đi đường cái quan,

Dừng chân đứng lại em than vài lời!

Mặc dầu lời hát ghẹo, khách vẫn rảo bước đi. Cô gái ở dưới ruộng vẫn hát theo:

*Đi đâu vội mấy ai ơi,
Công việc đã có chị tôi ở nhà.*

Nhưng khách vẫn đi, và đã đi xa quá tầm tiếng hát rồi thì cô lại cúi xuống cấy lúa, hoặc làm cỏ, hoặc đập đất tùy theo từng mùa trong một năm. Cô vừa làm vừa ca những câu đầy hy vọng:

*Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.
Em ngồi cành trúc, em tựa cành mai,
Đông đào tây liễu biết lấy ai bạn cùng.*

Có khi trong câu ca, cô nghĩ tới ý trung nhân, cô vẫn chưa hiểu chàng có bụng yêu mình hay không?

*Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ trước gió biết vào tay ai.
Thân em như đóa hoa rơi,
Phải chăng chàng thật là người yêu hoa.*

Cô lại nghĩ đến ngày xuất giá, cô không biết rồi ra cô có gặp được người xứng đáng hay chẳng:

*Nghĩ xa rồi lại nghĩ gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.
Biết đâu trong đục mà chờ,
Hương thơm hết tuyết nương nhờ vào ai.*

Những lúc cô hát đó, nếu có chàng trai nào đi qua

tất nhiên chàng trai đó phải cảm động vì giọng hát vút cao theo gió, trong như tiếng hạc và đầm ấm như ngọn lửa trời đông. Lẽ tất nhiên là chàng trai đó phải dừng chân để hát lại đôi lời. Nếu chàng trai đó hát lại, cô gái kia sẽ hát tiếp và câu đi câu lại, có khi cuộc hát kéo dài cho đến buổi hôm...

Nhưng chàng trai rụt rè, ngượng nghịu, chưa dám lên tiếng, bắt những lời câu ca thì, nếu cô gái bất chợt ngừng lên, đôi mắt gặp chàng trai, thấy chàng cũng xứng đáng để mình hát tặng mấy bài ca, cô sẽ tự hát thêm, mong chàng bạo dạn hơn để đáp lại lời mình.

*Thiên duyên kỳ ngộ gặp chàng,
Khác gì như thể phượng hoàng gặp nhau.
Tiện đây ăn một miếng trầu,
Hỏi thăm quê quán ở đâu chẳng là,
Xin chàng quá bước về nhà,
Trước là trò chuyện sau là nghỉ chân.*

Nếu những lời tình tứ trên kia không khiến chàng trai đáp lại, cô sẽ sõ sàng hơn:

*Anh kia có vợ hay chưa?
Mà anh ăn nói gió đưa ngọt ngào.
Mẹ già anh ở nơi nao?
Để em về nhà hầu hạ thay anh,*

*Chẳng tham nhà ngói rung rinh,
Tham vì một nỗi anh xinh miệng cười
Miệng cười anh đáng mấy mươi,
Chân đi đáng nén, miệng cười đáng trăm.*

Tuy số sàng cô vẫn không khiến được chàng trai bắt lời, nhưng chàng trai vẫn ngập ngừng chân bước đi, mặt còn ngoảnh lại, cô sẽ số sàng hơn, bấy giờ là để trêu ghẹo chàng trước khi chàng đi xa hẳn:

*Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ,
Chàng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây.
Chàng bao nhiêu tuổi năm nay,
Chàng rầy mười tám, thiếp rầy bốn ba.
Hồ cha đưa bảo thiếp già,
Thiếp còn gánh nổi một và trăm kim.
Trăm kim đổi lấy lạng vàng,
Mua gương Tư Mã, thiếp chàng soi chung.
Chàng về sắm sửa loan phòng,
Thiếp xin điểm phấn tô hồng thiếp theo.*

Xong câu hát chàng trai đã đi khuất cô lại cúi xuống làm việc. Hát thì hát nhưng việc làm không bao giờ cô sao nhãng. Tay vẫn cấy lúa, vẫn cắt cỏ, vẫn đập đất nhưng mồm vẫn hát, và có khi sau mỗi câu hát vẫn có những chuỗi cười ròn rã.

Nếu chàng trai hát đáp thì những câu hát sẽ chuyển

từ những lời hứa hẹn, đến ngày thành hôn, rồi trong câu hát ta thấy cả sự thách cưới chua ngoa, nó thành một tập quán của dân Việt. Đã đành rằng câu hát chỉ tượng trưng, nhưng đó cũng chứng tỏ một phần nào tục lệ thách cưới ở dân tộc ta. Đây là một trong nhiều bài, cô gái thường hay hát về thách cưới:

*Em là con gái nhà giàu,
Mẹ cha thách cưới ra màu xinh sao.
Cưới em trăm tấm gấm đào,
Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời,
Tráp tròn dẫn đủ trăm đôi,
Ống thuốc bằng bạc ống vôi bằng vàng.
Sắm xe tứ mã đem sang,
Để quan viên họ nhà nàng đưa dâu.
Ba trăm nón nghệ đội đầu,
Mỗi người một cái quạt tầu thật xinh.
Anh về sắm nhiều nghi đình,
May chăn cho rộng ta mình đắp chung.
Cưới em chín chĩnh mật ong,
Mười cốt xôi trắng, mười nong xôi vò,
Cưới em tám vạn trâu bò,
Bảy vạn dê lợn, chín vò rượu tăm,
Lá đa mặt nguyệt hôm rằm,*

*Răng anh thẳng cuội, râu cằm thiên lôi,
Gan ruồi mỡ muỗi cho tươi.
Xin chàng chín chục con dơi hóa rồng.
Thách thế mới thỏa trong lòng,
Chàng mà theo được thiếp cùng theo chân.*

Đã ghê gồm chua ngoa chưa? Cho nên ta chẳng lấy làm lạ rằng ở vùng quê đã có những chuyện gả con thách cưới như việc mua bán.

Nhưng hát mãi, cũng có lúc chia tay. Chàng trai phải ra về vì đường xa. Cô gái sẽ hát:

*Mình về ta chẳng cho về,
Ta nắm vạt áo ta đề bài thơ,
Bà thơ ba chữ rành rành,
Chữ “trung” chữ “hiếu” chữ “tình” là ba.
Chữ “trung” dành để phần cha,
Chữ “hiếu” phần mẹ, đôi ta chữ “tình.”*

Chàng trai đi rồi, cô gái Nội Duệ, Cầu Lim lại làm việc yên lặng một lúc đầu. Rồi cô lại cùng chúng bạn hát những câu hát khác để ôn lại những giây phút êm đẹp hoặc trông ghẹo lẫn nhau, hoặc một vài người khách qua đường nào đó. Khách qua đường có thể là một nhà sư, cô cũng chẳng từ:

*Hỡi ơi chú tiểu trên chùa,
Chú tu sao chú bỏ chùa cho tôi?
Sư tôi đây là sư mô,
Tuy miêng niệm Phật vẫn có một bồ dao găm.*

Khách qua đường nhiều khi cũng không phải tay vừa, thấy cô hát cũng hát ghẹo. Có khi chính khách thấy cô đang lúi húi cấy lúa lại hát ghẹo bằng một câu thâm độc:

*Nhà em tội lỗi gì đâu,
Mà em đi chống phao câu lên trời?*

Câu hát đó đã chua chát, nhưng trêu vào tay gái Nội Duệ, Cầu Lim thì không được. Có bao giờ cô chịu ai. Cho nên cô đã bị ghẹo bằng một câu chua chát thì cô lại đáp lại một cách chua chát hơn:

*Nhà em chẳng tội lỗi gì,
Em chẳng đi chống lầy gì anh ơi?*

Đã sâu cay chưa! Đúng nghĩa đen đáy, nhưng ở đây ta lại thấy có những hai nghĩa đen.

Có bao giờ cô lại chịu ai đâu. Lẽ tất nhiên là sau câu hát trên, khách qua đường phải rảo cẳng đi mau hơn. Nhưng cô vẫn chưa tha, cô phải cho khách biết bạn này hay bạn khác cô hát:

*Nhất cao là núi Ba Vì,
Chị còn vượt được sá gì cỏ may!
Nhất giỏi là trai Sơn Trai,
Chị còn đối được nửa giây bím bím!*

Cô gái Nội Duệ, Cầu Lim hát quanh năm, nhưng cô hát nhiều nhất là mấy tháng xuân. Mùa xuân là mùa của hội hè đình đám, các cô được tự do đến hội cùng những chàng trai hát đối. Suốt mấy tháng xuân, các cô đi hát hội ở khắp các làng mấy huyện Võ Giàng, Tiên Du, và ở đâu bao giờ tài nghệ của các cô cũng khiến cho trai thiên hạ phải thán phục và nói đến hát là các chàng trai nhắc tới “*Gái Nội Duệ, Cầu Lim*.”

Trai tỉnh Bắc nhắc tới, trai tỉnh Đông nhắc tới, trai tỉnh Nam nhắc tới, danh tiếng các cô được truyền đi khắp tứ tỉnh trong ngoài, và những khách qua vùng Nội Duệ, Cầu Lim, bị các cô hát ghẹo thường tự lẩm nhẩm: “*Gái Nội Duệ, Cầu Lim*” và du khách phương xa cho là các cô lẳng lơ, nhưng sự thực phải đâu là thế. Các cô hay hát ghẹo người khác cũng chỉ là do bởi phong cảnh hào hứng nên thơ của tỉnh Bắc đó thôi, và mấy tiếng gái Nội Duệ, Cầu Lim chỉ là mấy tiếng nhắc tới tài nghệ về hát của các cô gái ấy. ■

MẸ TÔI

*M*ẹ tôi chỉ là một người đàn bà nhà quê miền Bắc. Cũng như muôn nghìn phụ nữ đồng quê khác, mẹ tôi đã sống giữa sự vất vả làm lụng, trọn đời hy sinh cho chồng con và tự nhận lấy mọi sự cực nhọc về mình.

Ông ngoại tôi có chân nhiều trong xã. Có chân nhiều, nghĩa là ông ngoại tôi ngày xưa là một người khá giả trong làng, có ruộng có vườn, và đình, ông ngoại tôi là một bậc vai vế, được ngồi chiếu trên, được hưởng những điều vinh dự của hàng dân làng xã.

Con một ông Nhiều, mẹ tôi thời còn con gái cũng được đầy đủ hơn nhiều chúng bạn, có quần áo đẹp, có khuyên vàng sà tích bạc để đeo trong ngày hội, có nón quai thao, có dép cong để mang trong những dịp vui

dịp tết. Mẹ tôi lại được đi học Hán tự cho mãi tới năm mười lăm tuổi.

Tuy vậy, không phải vì được đi học, vì sung sướng hơn chúng bạn cùng tuổi mà mẹ tôi không phải làm lụng gì, trái lại mẹ tôi vẫn phải lo đủ mọi công việc của một cô gái quê.

Hàng ngày, ngoài buổi học ở nhà cụ đồ, về nhà cha, mẹ tôi luôn tay bận rộn. Nào thổi cơm, gánh nước, khâu vá, thêu thùa, dọn dẹp nhà cửa, quét tước sân vườn, chăn gà nuôi lợn. Việc lớn, việc nhỏ, mẹ tôi đều phải làm rất chu đáo cẩn thận vì ông ngoại rất nghiêm, không bao giờ ông tôi tha thứ sự trễ nải lơ là của con cái. Còn công việc tắm rửa cho các em, còn đôi khi phải gánh đi chợ bán ngô khoai đậu sắn là những sản phẩm của ruộng vườn nhà, để lấy tiền mua thức ăn đồ dùng.

Không bao giờ mẹ tôi sao nhãng việc làm, cũng như không bao giờ mẹ tôi chểnh mảng việc học.

Cụ đồ dạy mẹ tôi là bạn thân với ông ngoại tôi. Hàng ngày các cụ vẫn gặp nhau, nếu mẹ tôi lười biếng là ông tôi biết ngay. Cụ đồ, thường khen với ông tôi: Mẹ tôi là một cô học trò ngoan ngoãn thông minh, chữ đẹp lại văn bài làm tấn tới. Cụ vẫn bảo:

— Con bé ấy, nếu là con trai, chẳng giải nguyên,

cũng á nguyên.

Mẹ tôi chị em anh em đông, mọi người đều phải đi học và phải làm việc nhà. Các cậu tôi, sau buổi học sáng, chiều chiều phải đi chăn trâu, hoặc có khi phải cuốc vườn rất nặng nhọc. Cũng như mẹ tôi, các người kia không bao giờ phàn nàn về công việc, cũng như không dám bỏ nhác việc học hành, tuy rằng các người không được xuất sắc bằng mẹ tôi.

Ông tôi thường lấy mẹ tôi để răn các dì và các cậu tôi, song cũng có nhiều lần ông quở mắng mẹ tôi vì cụ đồ đã cho ông tôi biết một vài bài văn mẹ tôi không nhớ điểm, hoặc một vài đoạn kinh sách nào mẹ tôi không thuộc.

Ông tôi cũng rõ những hôm đó vì bận nhiều công việc nhà nên việc học của mẹ tôi không được chu đáo, nên ông tôi vẫn gọi mẹ tôi bảo:

— Cụ đồ cho thầy biết, độ này con học hành không được chuyên cần. Thầy không bằng lòng. Con đừng thấy rằng phải làm việc nhà mà lững lờ với việc học. Có học mới biết, có làm mới nên người.

Nhân bất học bất tri lý

Ngọc bất trác, bất thành khí.

(Không học người có biết gì

Ngọc mà không rũa thành chi đồ dùng.)

Lẽ tất nhiên trước những lời nghiêm huấn ấy mẹ tôi chỉ biết nhận lỗi xin cố gắng học hành, chăm chỉ làm việc để ông tôi được vui lòng.

Quở mắng mẹ tôi, ông tôi thường dùng lời nhẹ nhàng, còn đối với các cậu tôi ông tôi thường dùng roi vọt, nhất là khi nào các cậu tôi không chịu học. Yêu cho vọt, ghét cho chơi. Đối với ông tôi, con gái sao nhãng việc học còn tha thứ được, chứ con trai cần phải học. Ông tôi thường mắng các cậu tôi:

— Chúng mày lười, sau này chúng mày sẽ dốt nát, sẽ làm đầy tớ người khác, như thế là điểm nhục gia phong, xấu lây với tiên tổ. Kẻ làm trai phải lấy học vấn làm đầu.

Nhân sinh bách nghệ

Văn học vi tiên

Nho sĩ thị trân

Thi thư thị bảo.

(Người ta trăm nghệ tùy thân

Nhưng mà văn học phải cần đầu tiên

Thi thư là máu rõi truyền

Học trò là kẻ sĩ hiền trọng thay.)

Mẹ tôi đi học tới năm mười lăm tuổi. Theo lời mẹ tôi thuật lại thì ngày ấy là vụ gặt lúa chiêm. Ông tôi

có nhiều ruộng ở làng Song Lữ tục gọi là làng Xưa tỉnh Bắc Giang, mà không có ai trông nom thóc lúa trong ngày gặt, nên buổi tối hôm đó, trong khi mẹ tôi đang cùng các cậu tôi học lại bài buổi sáng. Ông tôi cho gọi và bảo:

— Từ nay con nghỉ học, để lên làng Xưa cùng với chị con trông nom gặt hái cho thầy, con học thế cũng đủ rồi, con gái không cần học nhiều, chỉ cần thông văn tự để hiểu lấy bốn phận của mình là đủ.

Ông tôi đã định việc gì trong nhà không ai dám trái ý. Mẹ tôi chỉ biết nghe theo, nhưng lòng mẹ tôi lúc ấy mang một mối buồn. Thôi từ nay, hàng ngày không còn gặp thầy gặp bạn, hết làm thơ, làm phú, hết nghe kinh sách, hết giảng văn, tập đối.

Trước vẻ ngỡ ngàng của mẹ tôi, ông tôi bảo:

— Thầy cũng biết con còn muốn đi học, nhưng thầy đã nghĩ kỹ, con cần phải nghỉ học để còn lấy chồng. Đi học mãi ai người ta ai dám lấy. Đàn bà con gái cốt nhất giữ sao cho vẹn tứ đức, rồi trọn đạo tam tòng. Thôi ngày mai con đến xin phép cụ đồ và chào bạn học. Trưa mai con lên làng Xưa và chị con. Thóc lúa vụ này nhiều, hai chị em liệu mà trông nom.

Thế là ngày hôm sau mẹ tôi đến xin phép cụ đồ để thôi học và chào các bạn học. Cụ đồ nói:

— Con học được, nhưng con gái học thế cũng đủ. Ở nhà con phải lo học cho trọn bốn phần của con, và phải luôn luôn nhớ tới những điều đã học trong sách, đó là phương châm. Đừng để mang tiếng thầy là đã dạy con những điều không hay trái với đạo lý của thánh hiền, và cũng đừng để thầy mẹ con phải lo nghĩ về con.

Mẹ tôi sợ cụ đồ cũng như sợ ông ngoại tôi. Những lời căn dặn của cụ đồ mẹ tôi suốt đời ghi nhớ, và vẫn hằng nhắc nhở lại cho chúng tôi nghe.

Từ ngày đó mẹ tôi nghỉ học, nhưng hàng ngày mẹ tôi vẫn giở lại sách cũ để xem, và những lúc các cậu tôi làm văn làm phú, làm câu đối, làm thơ, mẹ tôi thường giúp đỡ, tìm hộ một vài điểm, nghĩ hộ một vài chữ. Vì vậy, nên tuy nghỉ học, mẹ tôi vẫn trao đổi thêm được về kinh sách.

Nghỉ học, mẹ tôi phải cáng đáng công việc nhà nhiều hơn. Phải dậy sớm thức khuya để trông nom nhà cửa và người làm phải cất đặt công việc trong nhà cũng như công việc ngoài đồng ruộng.

Bà ngoại tôi thường khoe với mọi người là từ ngày mẹ tôi nghỉ học, mẹ tôi gánh đỡ mọi việc trong nhà và trông nom đỡ việc đồng áng.

Mẹ tôi lại phải lo học làm bánh trái cũng như những việc khác về thủ công. Trong những dịp giỗ tết, ông

tôi luôn luôn bắt mẹ tôi phải làm đủ các thứ bánh su sê, bánh gừng, bánh cốm, bánh thu đa nập thiêu ⁽¹⁾ bánh ú, bánh ít, bánh gai, v.v...,

Đời con gái của mẹ tôi kéo dài đến năm mười tám tuổi. Tuy vất vả, nhưng những dịp hội hè đình đám tết nhất, mẹ tôi cũng được nghỉ ngơi như các chị em để cùng chúng bạn đi chơi lễ chùa chơi hội với quần áo đẹp, với đồ trang sức rất đầy đủ. Thỉnh thoảng mẹ tôi lại nuôi riêng được một lứa tằm, tiền bán kén được bao nhiêu ông tôi cho cả để làm vốn, và để sắm sửa may mặc.

Theo lời thuật lại thì từ năm mười sáu tuổi mẹ tôi được rất nhiều người để ý tới. Các cụ trong làng đều khen ngợi mẹ tôi chịu khó, và nhiều cụ đã ngắm cho con trai mình.

Vừa là con nhà khá giả, vừa có chút vốn liếng lại vừa siêng năng ngoan ngoãn hay làm, trách nào mẹ tôi chẳng lọt mắt nhiều gia đình hồi đó.

Năm mười tám tuổi, mẹ tôi lấy thầy tôi.

Từ già đời con gái để bước chân vào một cuộc đời mới, mẹ tôi biết thêm một chân trời, nhưng cũng chỉ bước từ một cuộc sống cần cù siêng năng này để sang một cuộc sống vất vả và nặng nhọc khác, với thêm một

(1) Một thứ bánh rán nở phồng lên.

trách nhiệm làm dâu và làm vợ.

Lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng.

Tất cả các thiếu nữ đồng quê miền Bắc đều quan niệm bốn phận của mình lúc lấy chồng rất nặng nề. Ở nhà với cha mẹ, tuy làm lụng vất vả, nhưng chưa có trách nhiệm mọi công việc đều theo ý cha mẹ, không phải do mình tự điều khiển.

Đã lấy chồng phải có nhiệm vụ, nhiều khi phải quán xuyến cả gia đình nhà chồng. Các cô gái quê, bởi vậy mỗi khi ra ở riêng đều được cha mẹ cho chút vốn riêng, và ở trong những gia đình nghèo, các cô phải tự gây lấy chút vốn đó để phòng khi xuất giá. Nhiều cô lấy chồng nghèo, của chồng công vợ, cùng nhau nhóm rau nhóm bếp xây đắp tổ uyên ương, trong cảnh nghèo nàn nhưng đầy hạnh phúc.

Mẹ tôi hồi đó cũng chỉ là một cô gái, một cô gái quê làng Thị Cầu, tỉnh Bắc Ninh. Đàn bà con gái làng này, lấy chồng thường phải nuôi chồng, và khi bước chân về nhà chồng bao giờ các cô cũng phải nghĩ tới việc phải *gánh vác giang sơn nhà chồng*.

Khi lấy thầy tôi, mẹ tôi cũng có một chút vốn riêng và gánh hàng xén.

Nhà ông bà nội tôi hồi đó cũng vào bậc trung trong làng, có nhà ngói năm gian hai chái, có sân gạch, có

vườn cao cây mít...

Lúc mới về làm dâu, mẹ tôi cũng không lo tới việc nhà chồng vì ông bà nội tôi cũng sung túc dư dật. Không những thế mẹ tôi cũng không phải vất vả lắm, vì mọi công việc trong nhà đã có các cô tôi làm nhiều. Mẹ tôi được yên tâm đi chợ, và mẹ tôi cũng thấy nhàn nhã hơn khi ở nhà.

Thỉnh thoảng mẹ tôi nghỉ một buổi chợ, thì lại cùng thầy tôi về thăm ông bà ngoại tôi. Những buổi về thăm nhà thế này, bao giờ mẹ tôi cũng được ông ngoại tôi hỏi thăm rất kỹ lưỡng về công việc nhà chồng. Lần nào ông tôi cũng nhắc mẹ tôi tới đạo tam tông tứ đức, và dạy mẹ tôi phải kính mến bố mẹ chồng, chiều chồng và hòa thuận với anh chị em nhà chồng.

Mọi việc đều êm đẹp, mẹ tôi rất khéo ăn ở, kính trên nhường dưới biết quý mến thương yêu mọi người. Làm dâu được bốn tháng bỗng một buổi sáng, ông nội tôi gọi mẹ tôi tới bảo:

— Nhà cả ạ, thầy có chuyện này cần nói cho con rõ. Con cũng biết nhà ta, so với trong làng cũng vào bậc giữa và thầy cũng là người được tín nhiệm với trong thôn ngoài xã. Con về nhà này đã mấy tháng nay tất con rõ: thầy và để con không hề bao giờ muốn con phải lo đến việc nhà. Vợ chồng con còn trẻ, thầy để không

muốn các con phải lo nghĩ sớm, nhưng vừa đây, trong một lúc đùa vui chúng bạn, thầy đánh xóc đĩa và thua mất mấy trăm bạc và thầy đã liều viết thế cho người ta dinh cơ nhà ta. Chỗ người lớn, giấy thầy đã viết ra thầy phải tôn trọng chữ ký, thầy sẽ trao nhà cho người ta. Vậy thầy cho con biết, con liệu cố làm ăn dành dụm để sau này tậu lấy một miếng đất mà ở.

Ông tôi nói nhiều, nhưng đại ý cũng chỉ khuyên mẹ tôi không nên buồn vì sự không may ấy.

Mẹ tôi không biết nói thế nào, chỉ biết vâng dạ, và ngay từ phút ấy mẹ tôi cảm thấy trách nhiệm của người con dâu. Bấy giờ mẹ tôi mới hiểu tại sao trong mấy ngày gần đây mấy lần tôi bắt gặp bà nội tôi cặp mắt đỏ hoe như khóc, và khi thấy mẹ tôi bà tôi lại cố làm ra vẻ tự nhiên, bây giờ mẹ tôi mới hiểu tại sao trong mấy hôm liền ông bà tôi cứ luôn luôn bàn tính với nhau việc gì, và vẻ mặt ông tôi có bề lo nghĩ.

Việc đã xảy ra mẹ tôi cũng chẳng có phép gì gỡ lại. Cứ kể ra, nếu ông nội tôi là người không biết trọng chữ ký, ngôi nhà và đất của người được bạc, có muốn cầm cũng khó khăn, nhưng ông tôi là người thâm nhuần cổ học, rất trọng chữ tín, nên đành mất dinh cơ mình đang ở cho một canh bạc.

Người được bạc, tuy được ông tôi viết nhường cho

cả nhà lẫn đất, nhưng cũng không dám lấy ngay. Gia đình tôi vẫn tiếp tục ở đó, cho đến khi mẹ tôi tậu được một miếng đất mới ở trong làng.

Từ hôm được biết chuyện chẳng lành trên, mẹ tôi chăm chỉ đi chợ búa hơn trước, đi hết chợ xa đến chợ gần, không nghỉ buổi nào. Thấy mẹ tôi vất vả, thầy tôi thường khuyên phải nghỉ ngơi. Trước mọi sự ân cần của thầy tôi mẹ tôi chỉ đáp:

— Nhà thương em vất vả hay sao, hồi còn con gái, em còn vất vả bằng mấy, nhà đứng lo.

Ngoài việc đi chợ, buổi tối về mẹ tôi lại làm gạo lấy cám nuôi lợn. Hôm nào mẹ tôi cũng thức khuya dậy sớm để giã gạo, xay lúa, dần sàng. Ông nội tôi thấy con dâu chịu khó cũng thương, thường bắt các cô tôi giúp đỡ rất nhiều.

Tuy mẹ tôi làm lụng cực nhọc, nhưng cảnh gia đình rất vui hòa đầm ấm. Ông bà tôi rất thương dâu, và mẹ tôi bao giờ cũng kính trên nhường dưới, giữ trọng đạo mình.

Sau khi ông tôi thua bạc, mẹ tôi thư về thăm nhà hơn trước, vì phải chợ búa nhiều hơn. Cách đó ít lâu, khi mẹ tôi về thăm ông ngoại tôi, ông ngoại tôi bảo:

— Thầy biết tin ông bà trên nhà vừa được cái bổng. Từ nay con càng phải ăn ở ý tứ hơn đừng để trong họ

ngoài làng hiểu nhầm. Ông dưới nhà là người thủy chung, thầy quý lắm.

Rồi ông khuyên mẹ tôi phải vui vẻ trước mọi sự vất vả, phải cố gắng buôn bán để chuộc lại đất nhà đã mất hoặc để tậu lấy một nơi khác. Những lời đó, luôn luôn mẹ tôi ghi nhớ, và sau này mẹ tôi thường nhắc lại để răn dạy chúng tôi, nhất là các em gái tôi.

Nhờ tài tảo tần buôn bán, và nhờ sự tận tụy làm việc, cách đó ba tháng với chút vốn riêng mẹ tôi sẵn có, mẹ tôi tậu được thửa đất rộng với ngôi nhà ở xóm Đông. Ngôi nhà này chỉ cần sửa chữa lại đôi chút là ở được ngay. Sau này mẹ tôi cho sửa sang xây cất thêm nhiều.

Thế là gia đình nhà tôi dọn về nhà mới.

Mẹ tôi được cả nhà quý trọng, và làng nước ai ai cũng ngợi khen, nhưng vì tậu nhà đất nên vốn liếng của người bị sút đi nhiều, người càng phải vất vả buôn sớm bán trưa.

Mọi việc trong nhà từ đó đều do người đảm đang. Bà nội tôi thỉnh thoảng giúp đỡ mẹ tôi ít nhiều tiền, nhưng chính mẹ tôi phải quán xuyến mọi việc trong nhà.

Mẹ tôi vẫn tiếp tục đi chợ, làm gạo thêm, nuôi gà lợn. Trong nhà nhờ vậy cũng đủ bát ăn, và dần dần mẹ

tôi lại dành dụm được một số vốn.

Bao nhiêu giỗ chạp, ngày tư ngày tết mẹ tôi phải lo hết. Lại còn quần áo và tiền tiêu pha của thầy tôi, nẹ tôi chẳng để thiếu một thứ gì. Rồi những ngày hội hè, lễ dân, lễ làng cũng không thể khiếm khuyết được.

Hai năm mẹ tôi sinh tôi. Cảnh nhà tôi khi ấy đã sung túc hơn trước, và mẹ tôi cũng có đồng ra đồng vào. Nhà đã mượn được người làm nên mẹ tôi đỡ bận tâm với việc nhà, có thể chuyên lo việc buôn bán.

Thầy tôi cũng như tất cả mọi người trai khác ở làng Thị Cầu chỉ ăn chơi, không phải làm lụng gì. Khi thì họp năm bảy bạn bè uống rượu ngâm thơ, khi chơi chọi gà, khi chơi chim họa mi, khi áo quần bảnh bao để đi hội hát quan họ. Mẹ tôi rất chiều chuộng thầy tôi, bao giờ cũng muốn cho chồng sang trọng bằng người, nếu không hơn.

Ba năm sau nữa mẹ tôi sinh thêm em trai tôi, và cứ ba năm đôi, mẹ tôi sinh tất cả trai lẫn gái mười một anh em chúng tôi.

Lũ con làm cho vui nhà, nhưng cũng làm cho cha mẹ tôi cực nhọc lo lắng hơn: tiền nuôi vú, tiền người làm, tiền may mặc, tiền thuốc than những khi sài đẹn.

Mỗi lần sinh xong mẹ tôi chỉ nghỉ ngơi dăm buổi là lại đi chợ. Làng nước ai cũng nhận thấy mẹ tôi chịu

khó, gây hạnh phúc cho gia đình tôi.

Càng có nhiều anh em chúng tôi, mẹ tôi càng thức khuya dậy sớm hơn, lo tảo tần chợ búa để kiếm đủ gạo nuôi con, đủ tiền để giữ bề thế cho gia đình với dân làng. Lúc đi chợ thì không kể, còn lúc về tới nhà là mẹ tôi luôn chân luôn tay, làm hết việc này tới việc khác. Nhiều khi ốm trong người mẹ tôi chỉ bỏ ăn chứ không bỏ việc. Thấy tôi hoặc ai có bảo mẹ tôi không nên cố gắng quá sức e lâm trọng bệnh, mẹ tôi chỉ đáp lại:

— Tôi không cố gắng thì làm thế nào một con thế này không chịu khó sao có tiền nuôi chúng nó cho bằng con người ta.

Năm tôi lên bảy, tôi được đi học vỡ lòng theo Hán tự. Tôi bắt đầu học quyển *Hán Tự Tân Thư*. Mẹ tôi sắm cho tôi quần áo mới và cả chiếc khăn xếp mới nữa. Ngay từ hôm đó, tôi được mẹ săn sóc tới sự học của tôi lắm. Tối nào mẹ tôi cũng dạy lại tôi bài và giảng nghĩa cho tôi từng chữ. Chính mẹ tôi đã cầm tay cho tôi viết tô bài đầu tiên.

Nhờ mẹ tôi chỉ bảo, tôi học mau tấn tới. Tối tối trong khi mẹ tôi sàng gạo, tôi mang quyển sách ngồi cạnh để học, quên đâu mẹ tôi bảo đấy.

Năm tôi lên chín, thầy tôi cho tôi đi học quốc ngữ ở trường tiểu học Đáp Cầu. Ngày đi học quốc ngữ ở

trường, nhưng tối tối về mẹ tôi vẫn dạy tôi thêm chữ Hán cho tới khi tôi thi đậu bằng tiểu học. Cả các em tôi về sau cũng vậy. Dạy tôi học nhưng mẹ tôi vẫn không bỏ việc nhà. Đã biết bao lần, nửa đêm tôi thức giấc, tôi còn nghe tiếng mẹ tôi giã gạo ở nhà ngang hoặc đang sửa soạn gánh hàng để đi chợ hôm sau.

Mẹ tôi chăm nom chúng tôi lắm. Đêm nào trước khi đi ngủ mẹ tôi cũng xem lại giường màn cho chúng tôi. Phải khi một trong anh em chúng tôi có người nóng đầu hay trái gió là mẹ tôi thao thức suốt đêm, thỉnh thoảng người lại sờ đầu con, hoặc hỏi han xem con ngủ hay thức.

Tình mẹ thật là bao la! Trời biển nào đã rộng bằng!

Dạy chúng tôi học Hán tự, mẹ tôi chú trọng rất nhiều về tinh thần của chúng tôi, luôn luôn nhắc chúng tôi tới luân thường lễ nghĩa. Tôi còn nhớ một lần tôi hẹn cho một người bạn một món đồ chơi, nhưng sau tôi lại tiếc không muốn cho, thì mẹ tôi bảo:

— Con đã hứa cho bạn thì con phải cho, con đừng thất tín. Con quên mất lời Tăng Tử đã nói: “*Ngô nhật tam tỉnh ngô thân: Sự nhị thân bất kính hồ, bằng hữu chi giao bất tín hồ, truyền bất tập hồ*” ⁽¹⁾ hay sao.

(1) một ngày ta tự xét ta ba lần: thờ cha mẹ thiếu kính chăng, giao du với bạn hữu thiếu tín chăng, học hành thiếu tập chăng?

Để khuyến khích chúng tôi trong việc học hành, bao giờ mẹ tôi cũng chỉ dùng những lời dịu hiền hoặc quà thưởng. Khi tôi ở lớp năm được lên lớp tư, mẹ tôi đã khen ngợi tôi rất nhiều. Người bảo:

— Con chịu khó học, được lên lớp, thầy u rất vui lòng, và rất hãnh diện vì con’

Lần ấy mẹ tôi đã mua thưởng cho tôi chiếc cặp da mới.

Anh em chúng tôi một ngày một lớn, về việc học hành càng tốn kém, nhưng may nhờ ở sự chắt chiu chịu khó và cũng nhờ tài đảm đang của người mẹ tôi mở được một cửa hàng tạp hóa ở ngay phố chính Thị Cầu việc buôn bán nhờ vậy nhẹ nhàng hơn và cũng dễ kiếm ăn hơn.

Làng nước thấy anh em chúng tôi khôn lớn, có nghề nghiệp làm nên đều mừng cho thầy mẹ tôi. Ai nấy đều bảo:

— Rồi ông bà sung sướng vì các cô các cậu ấy thành người cả. Ông bà tha hồ nhờ.

Nhưng than ôi! Mẹ chúng tôi đã không được nhờ chúng tôi mà chỉ suốt đời vất vả vì chúng tôi!

Sau khi gây dựng được nhà cửa, lo đủ cho lũ con học hành xong mẹ tôi đã ngoài năm mươi tuổi! Mà cho tới lúc năm mươi tuổi mẹ tôi đã còn có biết bao nhiêu

điều lo khác: Nào ông tôi khao lục tuần, thất tuần, nào lúc ông bà tôi trăm tuổi phải lo việc ma chay cho xứng đáng, nào dựng vợ, gả chồng cho anh chị em chúng tôi.

Tôi quên chưa nói tới chuyện năm ngoài ba mươi tuổi, thầy tôi đã lấy thêm dì hai chúng tôi trước cảnh vườn thêm hoa mẹ tôi không hề ghen tuông và vẫn tiếp tục chiều chuộng thầy tôi. Khi dì hai chúng tôi có con, mẹ tôi lại săn sóc cho cẩn thận, và mẹ tôi bắt chúng tôi phải quý các em chúng tôi như chính mẹ tôi sinh ra vậy.

Suốt đời tận tụy với chồng con, không lúc nào mẹ tôi phàn nàn về số phận vất vả của mình. Hình như mẹ tôi lấy sự vất vả đó là niềm vui để càng cố gắng mãi mãi cho chồng được sung sướng cho con được thành người.

Khi một vài anh em chúng tôi có thể giúp đỡ được mẹ chúng đôi phần thì người đã già rồi! Mặc dầu tuổi cao, cũng không lúc nào người sao nhãng việc buôn bán. Người thường bảo tôi:

— Bây giờ tuy một vài đứa trong các con đã lớn, có công ăn việc làm, nhưng các em chúng nó còn bé, u còn phải lo cho chúng nó nhiều. Các con có đỡ dần u thì các em chúng nó được rộng rãi, không có bằng nào u cũng vẫn phải lo.

Mẹ tôi vui vẻ làm ăn, vui vẻ trông chúng tôi khôn lớn. Mỗi lần một đứa trong anh em chúng tôi lập gia đình mẹ tôi hình như sung sướng lắm. Có lẽ người nghĩ gây dựng xong cho một đứa con là lo xong một phần nào bổn phận của người mặc dầu sự gây dựng này đã khiến người tốn kém, nhất là đối với các em gái tôi, bao giờ người cũng gói riêng cho một số vốn nhỏ!

Đến khi vợ chồng tôi sinh đứa con đầu lòng thì người lại vui mừng hơn. Khi bế đứa cháu nội trong lòng người nựng nó, nét mặt người như nở ra, mắt người như sáng lại. Người căn dặn chúng tôi về cách nuôi con, người chỉ bảo vợ tôi về mọi điều kiên cử.

Đối với con nào mẹ tôi cũng thương yêu như nhau, và anh em chúng tôi, mặc dầu đã lớn tuổi, lúc nào người cũng coi như là bé bỏng lắm, người phải cần săn sóc tới!

Ôi tình mẹ thật là cao rộng!

Mấy anh em chúng tôi đã nguyện cùng nhau cố gắng để cho người được nhàn nhã lúc tuổi già, nhưng than ôi! Trời già cay nghiệt, chúng tôi không được mấy may toại nguyện!

Vừa tới lúc chúng tôi có thể giúp đỡ được cha mẹ chúng tôi nhiều hơn thì xảy ra liên tiếp những biến chuyển của thời cuộc. Chiến tranh xảy ra, tiếp đến làng

tôi phải tản cư, và chính sách vườn không nhà trống đã phá hủy hết những công trình mẹ tôi đã suốt một đời vất vả mới gây dựng nên. Mấy căn nhà ngói mẹ tôi dành dụm mãi mới xây xong đều bị dỡ, bao nhiêu gốc cây ăn quả trồng ở trong vườn từ hồi mẹ tôi mới mua đất đều bị phá hủy. Mẹ tôi đã buồn buồn hơi rớm lệ khi nhìn thấy những công trình của mình bị tiêu tan trong một buổi.

Đi tản cư, mẹ tôi vẫn tiếp tục buôn bán, nhưng với chiến tranh, sự buôn bán còn ra gì nữa!

Rồi không chịu nổi được lam sơn chướng khí, mẹ tôi đã mất tại Gốc Sốt vào ngày 26 tháng 4 năm Tân mao, sau khi thấy tôi cũng đã quy tiên!

Tôi không được gặp mặt mẹ tôi lúc lâm chung, nhưng tôi biết là khi gần chết mẹ tôi đã nhắc tới chúng tôi nhiều lắm và người đã chết giữa những dòng nước mắt, nhìn mấy đứa em tôi chưa trưởng thành! ■

Phiên An Trán, Mạnh Đông năm Đinh Dậu.

MỤC LỤC

Lời tác giả	7
Cô gái Thị Cầu	9
Sơn Nữ vùng Tam Đảo	23
Cô lái đò Suối	35
Người nội trợ vùng Lập Thạch	51
Ven bãi bể Đồng Châu	63
Trên đồi chè	75
Những gia đình thợ thêu xã Hướng Dương . . .	85
Chung quanh Đầm Vạc	99
Nghề hàng sáo	111
Trồng dâu chăn tằm	183
Hương lúa tỉnh Nam	137
Đồng cối	153
Hoa với Hoa	165
Gái Nội Duệ — Cầu Lim	177
Mẹ tôi	187